

ĐẠI HUỆ NGŨ LỤC

Tỳ Kheo Thích Duy Lực dịch từ Hán sang Việt và lược giải

--o0o--

LỜI DỊCH GIẢ

Đại Huệ thiền sư (1088-1163), đời thứ 12 phái Lâm Tế, là một thiền sư triết ngộ, phương tiện cơ xảo rất xuất sắc nổi tiếng từ lúc đương thời cho đến ngày nay. Các bậc sĩ phu, quan lại triều đình từ Thừa tướng, Thượng thư... đều quy y học thiền với Ngài và có nhiều người đã được chứng ngộ.

Ngũ lục của Ngài, chúng tôi dịch trực tiếp từ Chỉ Nguyệt Lục (Lịch sử Thiền tông Trung Hoa) và từ Đại Tạng Kinh (tập thứ 47), trong đó gồm các phần Tiểu sử, Phổ Thuyết, Cơ Duyên, khám xét và các thư giải đáp về thiền cho các sĩ phu. Vì số thư giải đáp quá nhiều nên chúng tôi lược bỏ một số thư hoặc đoạn trùng ý nghĩa. Ngũ lục của ngài cũng đã được dịch sang tiếng Anh tên sách là **the letters and lectures of zen master ta hui, do christopher clearey** dịch.

TIỂU SỬ TÔNG CẢO ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ NGŨ YẾU

Sư là người Tuyên Thành, họ Hy. Mẹ chiêm bao thấy một vị Tăng mặt đen mũi cao có thân hộ vệ đến phòng.

Mẹ hỏi: Ông ở đâu?

Tăng ấy đáp: "Ở núi cao lớn này", từ đó có nghén. Năm thứ 4 niên hiệu Nguyên Hựu, Vua Triết Tông đời Tống, sư sanh giờ Tý, mồng 10 tháng 11, bạch quang thấu qua phòng, cả ấp đều cảm thấy kỳ lạ. Năm 16 tuổi sư xuất gia, 17 tuổi xuống tóc, rất ham việc của Thiền Tông, xem khắp Ngũ lục của chư Tổ. Đối với 5 phái của Thiền Tông sư cảm thấy nghi ngờ: "Tại sao ban đầu chỉ có một tổ Đạt Ma mà nay lại có nhiều môn phái như vậy?"

Sư tánh tình phong lưu thanh nhàn, năm 19 tuổi du phương. Ban sơ đến am Bùi Độ thuộc quận Thái Bình, trụ trì tiếp đãi rất cung kính, nói: Hôm qua mơ thấy thần già lam bảo ngày mai có thiền sư Vân Phong Doạt đến, nên tiếp đãi tử tế.

Khi ấy có một tôn túc nghe rồi đem ngũ lục của Doạt cho sư. Sư vừa xem qua liền tự tụng được, vì thế người ta cho là hậu thân của Vân Phong.

Kế đó, sư đi yết kiến Tuyên Châu Trình thiền sư thỉnh ích về bài tụng của Tuyết Đậu. Trình chẳng nói một lời để sư tự kiến tự thuyết. Sư ngay đó thấu đạt ý chỉ. Trình than rằng: "Cảo ắt là người tái lai".

Rồi sư qua Đại Dương gặp thủ tọa Nguyên, hòa thượng Di ở Động Sơn và thủ tọa Kiên. Sư qua lại với thiền hội ba ông này rất lâu, biết hết tông chỉ của Tào Động. Nhưng thấy họ đang khi truyền thọ nhau phải dùng hương đốt trên cánh tay để biểu thị sự phó pháp chẳng vọng, trong bụng nghĩ thầm rằng: "Thiền mà có truyền thọ như thế đâu phải là cái pháp tự chứng tự ngộ của chư Phật chư Tổ", rồi bỏ đi tham vấn các nơi.

Khi đến chỗ Sơ hòa thượng chùa Phụng Thánh, gặp nhằm Sơ đang thượng đường, Sư ra hỏi: Theo lời hòa thượng nói "Kim Liên từ dưới đất nổi lên, Bảo Cái từ trên trời thông xuống", ấy là diệu dụng của thần thông hay là pháp tự vốn như thế?

Sơ đáp: Kim Liên từ dưới đất nổi lên, Bảo Cái từ trên trời thòng xuống.

Sư nói: Loan phụng chẳng đậu cây gai góc, chim yến còn luyến ở thời xưa.

Sơ nói: Ba năm chẳng gặp nhau bèn có đủ thứ việc.

Sư nói: Chỉ như tăng vừa nói “Ngày xưa Thế Tôn, hôm nay hòa thượng” lại là thế nào?

Sơ liền hét.

Sư nói: Một tiếng hét này chưa có chủ.

Sơ quay đầu lấy cây gậy hợi chậm.

Sư nói: Linh cơ như điện chớp đầu nhọc để suy tư.

Rồi vỗ tay một cái, trở về chúng.

Sau đó đi tham bái Tâm Ấn Thuần Công, Thuần chỉ Sư đến Bảo Phong y chỉ Trạm Đường Chuẩn Công. Lúc Sư mới đến, tỏ ra cơ biện tung hoành.

Một hôm Trạm Đường hỏi: Lỗ mũi người hôm nay vì sao mất hết nửa bên?

Sư đáp: Dưới cửa Bảo Phong.

Trạm Đường nói: Kẻ thiên bày đặt.

Một ngày kia ở chỗ tượng Thập Vương, Trạm Đường chỉ tượng hỏi: Ông quan này họ gì?

Sư đáp: Họ Lương (Trạm Đường họ Lương).

Trạm Đường dùng tay tự vò đầu nói: Chỉ tiếc họ Lương này thiếu cái nón.

Đáp: Dù không có nón, lỗ mũi giống hệt.

Trạm Đường nói: Kẻ thiên bày đặt.

Sư đang xem kinh, Trạm Đường hỏi: Xem kinh gì?

Đáp: Kinh Kim Cang.

Đường nói: Pháp ấy bình đẳng chẳng có cao thấp, tại sao núi Vân Cơ thì cao, núi Bảo Phong thì thấp?

Sư đáp: Pháp ấy bình đẳng chẳng có cao thấp.

Đường nói: Người làm được một đày tứ của tọa chủ (tọa chủ là pháp sư giảng kinh thuộc giáo môn).

Một hôm sư đang đứng hầu, Trạm Đường nhìn thấy móng tay của Sư dài quá nên nói: Những miếng tre chùi đít trong nhà cầu chắc không phải ông rửa đâu?

Sau khi nghe lời dạy của Trạm Đường, Sư suốt đời không để móng tay nữa. Vừa mới dài ra một chút mà không cắt thì thấy hòa thượng Trạm Đường xuất hiện ngay trên đầu ngón tay.

Một hôm Trạm Đường hỏi: Thượng tọa Cảo! Thiên ta ở đây người đều hiểu được, bảo người nói cũng nói được, bảo người làm bài tụng hoặc tiêu tham, phổ thuyết người cũng làm được, chỉ có một việc còn chưa được, người biết chăng?

Sư hỏi: Việc gì?

Đường nói: Người chỉ thiếu một tiếng “ò”. Nếu người chẳng được tiếng “ò” này, khi nói chuyện trong phòng ta thì có thiền, khi ra khỏi thì hết, khi thức tỉnh thì có thiền, vừa mới ngủ liền hết. Nếu như thế làm sao địch với sanh tử được?

Sư nói: Chỗ này chính là chỗ nghi của ông ta đây.

Khi Trạng Đường sắp tịch, Sư hỏi: Sau khi hòa thượng tịch, ông ta phải y chỉ ai mới có thể liễu được việc lớn này?

Đường nói: Có ông Khắc Cần. Ta dù không biết ông ấy nhưng người ấy phải y chỉ ông ấy mới có thể liễu được việc của người.

Sau khi Trạng Đường tịch, Sư đến Kinh Nam yết kiến Trương Vô Tận (người đã kiến tánh), xin bài Tháp Minh (bài tán dương ghi ở tháp).

Trương hỏi: Ông chỉ mang đôi dép cỏ từ xa đến như thế này?

Sư nói: Ông ta hành cước từ mấy ngàn dặm đến gặp Tướng công.

Trương hỏi: Ông bao nhiêu tuổi?

Đáp: Hai mươi tám.

Trương lại hỏi: Con trâu bao nhiêu tuổi?

Sư đáp: Hai cái!

Trương lại hỏi nữa: Từ đâu học được cái giả dối này?

Sư đáp: Hôm nay thân gặp Tướng công.

Trương cười nói: Hãy ngồi uống trà.

Vừa ngồi xuống, Trương hỏi: Từ xa đến có việc gì?

Sư đến gần nói: Hòa thượng Trạng Đường thị tịch. Sau khi hỏa táng, con mắt răng và hột chuỗi chẳng hoại, xá lợi vô số. Xin đại thủ bút làm bài Minh để khích lệ kẻ hậu học.

Trương nói: Có lời hỏi ông, nếu đáp được thì làm bài Minh ghi tháp.

Sư nói: Xin Tướng công hỏi?

Trương nói: Nghe nói con mắt Trạng Đường chẳng hoại phải chăng?

Đáp: Phải.

Trương nói: Ta chẳng hỏi con mắt này.

Sư nói: Tướng công hỏi con mắt gì?

Trương nói: Con mắt kim cương.

Sư nói: Nếu nói con mắt kim cương tức là ở trên đầu bút của Tướng công.

Trương nói: Nếu vậy thì lão phu sẽ điểm ra ánh sáng khiến cho chiếu khắp thiên hạ.

Sư cảm tạ. Trương liền làm bài Minh.

*

Sư đi yết kiến các thiền sư danh tiếng như linh nguyên, Thảo Đường, đều được họ tán thán. Thiền sư Giác Phạm xem bài tụng "Thập trí đồng chân" của sư:

***Lông rùa sừng hổ trong mắt.
Núi sắt ngay mặt thất nguy nga.***

***Đông Tây Nam Bắc chẳng cửa vào.
Vô minh nhiều kiếp biến thành tro.***

Rồi than rằng: Lạ thay, tôi công phu hai mươi năm cũng chỉ nói đến được chỗ này.

Sư trước khi gặp Viên Ngộ (tức là Khắc Cần) tự nghĩ rằng: "Lấy một hạ làm kỳ hạn. Nếu họ cũng vọng cho là ta đã đúng như các nơi khác thì ta sẽ tác bài Vô Thiên Luận để khỏi hao tinh thần, uổng qua ngày tháng".

Khi đã gặp Viên Ngộ, Sư sớm chiều tham vấn. Viên Ngộ đem câu "Đông Sơn đi trên mặt nước" của Vân Môn cho Sư tham.

Sư trình qua 49 chuyển ngữ, Ngộ đều lắc đầu.

Một hôm Ngộ thẳng tòa đề ra lời của Vân Môn rằng: Thiên Ninh thì chẳng như thế! Nếu có người hỏi "Thế nào là chỗ xuất thân của chư Phật?" Chỉ đáp họ rằng "Gió nhẹ từ hướng nam đến thì cung điện tỏa hơi mát".

Sư liền hoát nhiên tỉnh ngộ, bạch với Ngộ.

Ngộ xét Sư dù chứng đắc, được tướng động chẳng sanh, tiền hậu chấm dứt, nhưng lại ngồi chỗ trong sạch thanh tịnh, nên nói với Sư rằng: Người đến được mức này cũng chẳng phải dễ, chỉ tiếc rằng chết rồi không sống lại, vì chẳng nghi ngữ cú là bệnh lớn. Phải biết "vực thẳm buông tay, thẳng tự thừa đương, tuyệt hậu tái tô (chết đi sống lại), gạt ông chẳng được". Người nên biết có đạo lý này.

Sư nói: Ông ta tùy chỗ chứng đắc hôm nay đã là sung sướng, đâu còn màng đến gì khác.

Ngộ bảo Sư: Làm tri khách! Hàng ngày chuyên tiếp đãi những ông quan trí thức.

Sư mỗi ngày vào phương trượng ba bốn lần, mỗi khi Viên Ngộ đề ra câu hỏi: "Hữu cú vô cú, như tầm dựa cây, bồng tầm khô cây ngã thì cú đi về đâu?" Sư vừa mở miệng, Ngộ liền nói: "Chẳng phải!". Như thế trải qua nửa năm, trong tâm niệm niệm chẳng quên. Một hôm cùng dùng cơm với khách, Sư cầm đũa trong tay mà quên và cơm vào miệng. Ngộ cười rằng: Ông này tham thiền như cây dương vàng bị co rút trở lại.

Sư nói: Lý này giống như con chó nhìn chảo dầu sôi, muốn nếm, nếm chẳng được, muốn bỏ, bỏ chẳng được.

Ngộ nói: Thí dụ này rất hay. Ấy tức là vòng kim cương, hạt có gai nuốt chẳng được ói chẳng được.

Một hôm Sư hỏi rằng: Nghe nói hòa thượng có hỏi Sư Ông về lời này, không biết khi ấy Sư ông nói chi?

Ngộ cười mà không đáp.

Sư nói: Khi ấy phải ở trong chúng hỏi. Bây giờ nói ra đâu có ngại gì?

Ngộ kể: Ta hỏi "Hữu cú vô cú, như tầm dựa cây" ý chỉ thế nào? Sư ông nói "Miêu tả chẳng được, vẽ cũng chẳng thành". Ta hỏi tiếp "Khi tầm khô cây ngã" thì thế nào? Sư ông nói "cứ đi theo tới vậy!"

Sư ngay đó hoát nhiên đại ngộ, nói: Ta hội rồi!

Ngộ bèn đề ra mấy công án đảo lộn để cật vấn. Sư trả lời không chút trệ ngại.

Ngộ nói "Nay mới biết ta không dối người". Rồi phó pháp Lâm Tế chánh tông cho Sư.

Sư đã triệt ngộ, lại đối với công án "mấy thiền khách" (1) có nghi mà hỏi Viên Ngộ.

Ngộ nói: Thiên ta đây giống như biển lớn, người nên đem biển lớn đổ bỏ mới được. Nếu chỉ đem bình bát đựng được một chút cho là đủ, là do người khí lượng nhỏ hẹp, ta cũng chẳng có cách nào. Thật ra cũng ít có người được đến chỗ điền địa như người. Trước kia chỉ có thượng tọa Cảnh Ngộ bằng như người nhưng đã chết rồi.

Viên Ngộ cho Sư ngồi tọa phó, cầm cây gậy để khám xét thiên giả.

Thiên giả từ các tông lâm tập quy tụ theo Sư học hỏi.

Sư xem kinh Hoa Nghiêm đến lời văn Bát Địa, thấu triệt được công án khi xưa "hỏi Trạng Đường về nhân duyên Ương Khoát vâng lời Phật cứu sản nạn (sinh khó)".

Trước kia Sư dùng lời này để hỏi Trạng Đường, Trạng Đường nói:

Chính là gãi đúng chỗ ngứa của ta. Lời này là pháp vàng với phần, chẳng hội như vàng, hội được như phần.

Sư nói: Há chẳng có phương tiện ư?

Đường nói: Ta có cái phương tiện, chỉ e người không hội.

Sư nói: Xin hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Đường nói: Ương Khoát rằng "Ta mới nhập đạo chưa biết pháp này, đợi ta đi hỏi Thế Tôn". Nếu khi chưa đến chỗ Phật mà nhà họ đã sanh ra đứa con thì sao? "Ta từ pháp hiện thánh đến nay chưa từng sát sinh". Khi Ương Khoát đem lời này chưa đến nơi, nếu nhà họ đã sanh đứa con thì sao?

Sư cảm thấy mịt mù.

Đến bây giờ đọc kinh đến chỗ Bồ Tát lên đê thất địa chứng vô sanh pháp nhãn rồi nói: Phật tử! Bồ Tát thành tựu nhãn này tức thì đắc nhập Bất Động Địa, bậc Bồ Tát thứ tám. Ấy là thâm hạnh Bồ tát, rất khó biết, chẳng sai biệt, lia tất cả tướng, tất cả tướng, tất cả chấp trước, vô lượng vô biên, tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật đều chẳng thể đến, lia những ồn ào tranh biện, tịch diệt hiện tiền. Ví như Tỳ Kheo thần thông đầy đủ, được tâm tự tại, lần lượt cho đến nhập Diệt Tận Định, tất cả động tâm ghi nhớ, tư tưởng phân biệt thấy đều ngưng nghỉ, Bồ Tát Ma Ha Tát này cũng như thế. Trụ nơi Bất Động Địa liền xả tất cả công dụng, hành pháp vô công dụng, thân khẩu ý nghiệp niệm niệm đều dứt. Trụ nơi báo hạnh, ví như có người trong mộng thấy thân rớt xuống sông vì muốn qua sông nên phát đại dũng mãnh, dùng đại phương tiện, do đại dũng mãnh và đại phương tiện đó liền được tỉnh ngộ, đã giác ngộ xong, tất cả việc làm đều hết, Bồ Tát cũng vậy, thấy thân chúng sanh trôi nổi giữa sông, vì muốn cứu độ, phát đại dũng mãnh, khởi đại tinh tấn, nhờ dũng mãnh tinh tấn đó được đến chỗ bất động địa này, đã đến đây rồi thì tất cả công dụng thấy đều ngưng nghỉ, hai hạnh tướng và hành đều chẳng hiện tiền. Khi ấy tâm của Bồ Tát Ma Ha Tát này đối với Phật tâm, Bồ Đề tâm, Niết Bàn tâm có chẳng sanh khởi hướng là sanh khởi những tâm thế gian".

Sư xem đến đây hoá nhiên đánh mất túi vải (chứng ngộ triệt để).

Lời phương tiện của Trạng Đường bỗng nhiên hiện tiền.

GHI CHÚ:

(1) Công án "mấy thiên khách":

Pháp Giảng thiên sư ngộ chưa triệt để. Thầy là Bạch Vân thiên sư dùng phương tiện rằng:

Có mấy thiên khách từ Lư Sơn đến đều có chỗ ngộ nhập. Bảo y nói cũng nói được có lý do, đem những nhân duyên hỏi y ý cũng rõ được, bảo y hạ chuyển ngữ, y cũng hạ

được, nhưng mà chưa đắc.

Pháp Giảng do đó đại nghi, tự nghĩ thầm: Đã ngộ rồi, nói cũng nói được, rõ cũng rõ được, tại sao lại chưa đắc?

Bèn tham cứu suốt ngày bỗng nhiên tỉnh ngộ, việc quý trọng xưa kia ngay đó buông sạch, liền được Bạch Vân ấn chứng. Sư sau này nói với người rằng: Ta do đó cả thân xuất mồ hôi trắng, liền rõ được thanh phong khúc dưới (phá mặt hậu quan).

(Ghi chú hết)

*

Viên Ngộ làm trụ trì núi Vân Cư, thỉnh Sư làm thủ tọa. Ngày đông chí, Sư thăng tòa, có thiền sư Nguyên ra hỏi: Khi trên lông mày treo kiếm là thế nào?

Sư Đáp: Máu tạt trời Phạm Thiên!

Ngộ đang ngồi dưới tòa gơ tay khen ngợi rằng: Câu hỏi rất hay, câu đáp lại hay hơn nữa!

Nguyên liền trở về chúng.

*

Sư mỗi lần nhập thất (nhập thất: để cho tăng chúng vào phòng thăm hỏi), Viên Ngộ thường đến nghe. Một hôm nhập thất xong, Sư lên phương trượng, Ngộ nói: Nếu có một thiền giả được như lão tăng thì người sẽ đối đáp như thế nào?

Sư nói: Vậy là may quá. Cũng như Tô Đông Pha nói “Làm suốt đời đao phủ thủ mới được gặp một ông mập để chém”.

Ngộ cười ha hả rằng: Vậy thì người nhập thất cho ta, bức bách khiến ta leo vách tường xem!

Rồi Ngộ hỏi: Đạt Ma đến, đem gì truyền thọ?

Sư Đáp: Đầu thế trọn cho là kiên giải hồ ly tinh.

Ngộ hỏi nữa: "Năm đầu hổ, bắt đuôi hổ, thấu tông chỉ dưới câu thứ nhất", thế nào là câu thứ nhất?

Đáp: Đó là câu thứ nhì!

Ngộ thường nói với chúng: Gần đây thiền hội các nơi đều thành hang ổ. Dưới thiền hội núi Ngũ Tô, ta với Phật Giám, Phật Nhân ba người cùng nhau tham thiền. Nay đã thấy xuất hiện nhiều yêu quái. Dưới thiền hội Phật Giám có một hạng người làm con chó sủa, bô câu kêu, khiến thiên hạ cười. Dưới thiền hội Phật Nhân cũng có một hạng người làm bộ vẻ nhìn đồn điền, cây cột, chỉ đông chỉ tây, giống như trước mắt thấy ma quỷ. Ở đây thì chẳng có hai thứ bệnh này.

Sư nói: Đập đá lửa, chớp tia sáng, làm cho nhiều người đuổi theo nghiệp thức, thầy vừa đề ra thì trò ngay đó hiểu liền, há chẳng phải là lọt vào hang ổ lớn của Phật pháp ư!

Ngộ bất giác le lưỡi, nói rằng: Chớ nên màng đến họ. Ở đây chỉ lấy chúng ngộ làm tiêu chuẩn. Nếu chẳng chứng ngộ ta nhất định chẳng thả cho qua.

Sư nói: Chứng ngộ thì được. Nếu thầy vừa đề ra trò liền ngộ, cứ truyền nhau mãi như thế lấy đập đá lửa, chớp tia sáng là đúng làm cho nghiệp thức mang mang đến ngày nào mới hết.

Ngộ liền ân chứng cho.

GHI CHÚ:

Nhân duyên Ương Khoát cứu sản nạn:

Ương Khoát đang đi khát thực, đến nhà sản nạn. Nhà ấy cầu Ương Khoát cứu giúp,

Ương Khoát nói: Tôi mới nhập đạo chưa biết pháp này, đợi tôi đi hỏi Thế Tôn đã.

Liền về hỏi Phật, Phật bảo: Ngươi đến trước sản phụ nói "Ta từ pháp hiền thánh đến nay chưa từng sát sanh" thì sẽ xong việc.

Ương Khoát nói y lời Phật, sản phụ nghe được liền sanh con dễ dàng. (Ghi chú hết)

PHỒ THUYẾT

Sư thăng tòa đốt hương rằng: "Nén hương này thấy được thì con mắt khô, ngửi được thì bộ óc nứt. Gặp quý thì giá bằng cỏi Ta bà, gặp tiện thì rẻ hơn đồng xu. Hôm nay trước mặt Trời Người đốt trong lư, dùng để thù đáp pháp nhũ của ân Sư (là Viên Ngộ Đại Hòa Thượng)". Nói xong an tọa.

Đệ tử thượng thủ bạch dùi rằng: Chúng long tượng trong pháp hội nên quán Đệ Nhứt Nghĩa Đế...

Kể đó trải qua nhiều lời giải đáp cho các tăng tập nập ra hỏi, nhưng vẫn còn nhiều tăng giành ra hỏi nữa, Sư cho tạm ngưng rồi nói: Giả sử cả đại địa đều nghiền thành vi trần, mỗi vi trần đều có một miệng, mỗi miệng đều đủ tướng lưỡi rộng dài, mỗi lưỡi đều đủ tướng âm thanh sai biệt, mỗi tướng âm thanh sai biệt đều có vô lượng lời nói sai biệt, mỗi lời nói đều có vô lượng lời nói sai biệt, mỗi lời nói đều có vô lượng diệu nghĩa sai biệt. Có nạp tăng nhiều như số bụi trần kê trên, mỗi tăng đều có miệng như thế, có lưỡi như thế, có âm thanh như thế, có diệu nghĩa như thế, cùng một lượt đề ra muôn ngàn vấn nạn đều khác biệt, chỉ cần sơn tăng tăng háng một tiếng thì nhất thời giải đáp xong. Ngay lúc ấy còn làm thêm vô lượng vô biên quảng đại Phật sự, mỗi mỗi Phật sự đều cùng khắp pháp giới, gọi là một lỗ chân lông hiện vô lượng thần biến, tất cả Phật đồng thời thuyết kinh, nơi vô lượng kiếp cũng chẳng tìm được bờ bến, dù được. Nếu dùng chánh nhãn mà xem thì chính là nghiệp thức mang mang, chẳng có nguồn gốc để căn cứ. Theo cửa thiên của Tô Sư, một chút cũng dùng không được, huống là bày đặt văn chương để hiển lộ biện tài, chẳng những chôn vùi truyền thống thiên tông từ xưa nay, mà còn làm cho nạp tăng cười bẽ lỗ mũi. Cho nên nói, một mây may hệ niệm thì rơi vào tam ác đạo, tình thức bỗng sanh thì muôn kiếp bị trôi, danh hiệu thánh phàm đều là tiếng hư vọng. Hình tướng xấu đẹp đều là ảo sắc. Ngươi muốn tìm cầu lại thêm lao nhọc. Nếu là nhằm chán lại thành họa lớn. Thử xem cô đức dạy bảo như thế. Như binh khí của nhà nước bắt đắ dĩ mới đem dùng, trên bốn phận của nạp tăng cũng không có việc này. Sơn tăng hôm nay nói ra như thế cũng như không mộng mà thuyết mộng, trên da lạnh mà tự cắt làm sẹo. Kiểm điểm ra thực là đáng ăn gậy. Trong chúng có ai đáng mặt cầm gậy hạ độc thủ chăng? Nếu có thì xứng đáng báo được các ơn chẳng thể báo, cùng nhau thu nhiếp sự giáo hóa của Vô vi. Nếu không thì lệnh này đảo ngược rồi vậy.

Sư bỗng cầm gậy lên rằng: Dùng kiếm Mạc Da (bảo kiếm) hành lệnh si ngoan (si mê và ngoan cố).

Rồi Sư hét một tiếng. Tiếp đó, Sư kể chuyện: Có quan Thường Thị họ Vương thăm ngài Lâm Tế, hai người cùng nhau đến Tăng đường.

Thường Thị hỏi: Cả nhà Tăng này có xem Kinh chăng?

Lâm Tế đáp: Chẳng xem Kinh.

Thường Thị hỏi: Có học thiên chăng?

Lâm Tế đáp: Chẳng học thiền.

Thường Thị hỏi: Kinh chẳng xem, thiền chẳng học. Rốt cuộc làm việc gì?

Lâm Tế đáp: Trọn bảo họ làm Phật làm Tổ.

Thường Thị hỏi: Mặt vàng dù quý, vào mắt thành bệnh, lại là thế nào?

Lâm Tế nói: Ta nói ông chính là người tục.

Đại Huệ nói: Lão Lâm Tế cầm một cây bảo kiếm, sức mạnh khắp vũ trụ, Hoàn hành khắp thiên hạ. Khi không bị ông quan này đánh nhẹ một cái liền thấy băng tan ngói bể. Xin nói thử ông quan này có gì hay?

Nghe bài tụng đây:

***Thế xuất thế gian việc hi hữu.
Phát minh cần nhờ người đã ngộ.
Chỉ dùng bàn tay vá áo rách,
Để chuyển Như Lai chánh pháp luân.***

Sư thăng tòa nói: Đại đạo chỉ ở trước mắt, lại nơi trước mắt khó thấy, muốn biết chân thể đại đạo, chẳng lìa ngôn ngữ thanh sắc.

Sư gõ gậy rằng: Cái này là sắc.

Rồi gõ thiền sàng rằng: Cái này là thanh. Sơn tăng hôm nay miệng nhóp nhép là ngôn ngữ. Vậy cái nào là chân thể của đại đạo?

Hét lên một tiếng rồi nói:

***Tức thấy nghe này chẳng thấy nghe.
Chẳng còn thanh sắc để trình ông.
Trong đó nếu thấu vốn vô sự.
Thế dụng không ngại phân, chẳng phân.***

Nếu mà phân thì "mưa xuống ướt trên đất, mưa tạnh mặt trời ra. Tháng thiếu hai mươi chín, tháng đủ có ba mươi". Nếu mà chẳng phân thì "Kim Cang chà lưng ông Địa một cái liền lòi xương". Cổ đức nói: "Một câu cuối cùng mới đến lao quan. Đóng chặt quan ải chẳng thông phạm thánh". Thế nào là một câu cuối cùng?

Sư nói: Chớ nên nói mới.

Gõ thiền sàng một cái, rồi xuống tòa.

Sư nói: Pháp chẳng thể kiến văn giác tri, nếu hành theo kiến văn giác tri ấy là kiến văn giác tri, chẳng phải cầu pháp. Đã lìa kiến văn giác tri rồi thì lấy cái gì gọi là pháp. Đến đây như người uống nước lạnh nóng tự biết, chỉ riêng kẻ thân chứng thân ngộ mới thấy được.

Nếu người đã thật chứng ngộ thì khi cầm lên một sợi tóc ắt cả đại địa trong nhất thời đều được rõ ràng. Nhưng đời nay, chẳng những các sĩ phu thông minh lanh lợi mà ngay cả những kẻ thiền giả mỗi mỗi đều có hai thứ bệnh, nếu chẳng phải hôn trầm thì là toán loạn. Hôn trầm thì đọa vào hang quỷ dưới núi đen, tán loạn thì tâm thức lạng xãng, một niệm tiếp một niệm, tiền niệm chưa dứt hậu niệm lại tương tục.

Chẳng biết dưới gót chân của mọi người đều có "một việc lớn của nhân duyên" như trời che khắp, như đất hứng khắp, chẳng hôn trầm chẳng tán loạn. Khi chưa có thể giới việc lớn này đã có, khi thế giới hoại việc lớn này chẳng hoại.

Thường thường các sĩ phu phân nhiều tâm hay tán loạn, mà hiện nay lại có một bọn tà sư, thấy các sĩ phu bị trần lao chướng ngại, tâm chẳng yên ổn, liền dạy họ thiền Mặc chiếu, dạy họ như tro lạnh cây khô, nói làm như thế sẽ được ngưng nghỉ. Thực ra có ngưng nghỉ được chăng? Chẳng biết cái tâm như con khỉ này nếu không chết thì làm sao ngưng nghỉ được.

Pháp Mặc chiếu tà thiền này trước kia thịnh hành nơi tỉnh Phước Kiến. Khi ta mới đến Phước Kiến liền bài xích họ, vì họ làm đoạn dứt huệ mạng Phật, dù ngàn Phật ra đời cũng không cho sám hối. Trong đó có một nho sĩ tên Trịnh Thượng Minh, người rất thông minh, Phật giáo, Nho giáo, tất cả đều thông suốt. Một ngày kia, ông ta đem một nén hương đến phòng ta, phần nộ lớn tiếng chất vấn (việc này đã kể trong cuốn Đại Huệ Thiền Sư giải đáp về vấn đề Mặc Chiếu Thiền).

Huỳnh Đức Dụng hai anh em đến chùa thiết trai cúng dường thỉnh sơn tăng phổ thuyết, xiển dương tông chỉ để đền ơn Phật. Nhưng gọi cái gì làm tông chỉ? Lại tông chỉ làm sao xiển dương? Thời đại gần đây, Phật pháp suy yếu, tà sư thuyết pháp như hàng sa, mỗi mỗi tự lập môn phái, bày đặt các việc kỳ lạ, xoay vòng nén bóp, làm mê hoặc kẻ hậu học, bọn này rất nhiều. Kẻ tham thiền đã không đủ pháp nhãn để chọn lựa mà người làm thầy lại đạo nhãn không sáng cho nên mới xảy ra việc như thế.

Trước kia ta với Nguyên Chiêu không quen biết, thấy bài tựa của ông trong phẩm Phạm Hạnh Kinh Hoa Nghiêm, tự nói ở nơi Phẩm Phạm Hạnh có chỗ ngộ nhập. Lúc ấy ta biết ông ấy chỉ ngộ được Vô-Phạm-Hạnh mà thôi, lại bị tà sư ấn chứng cho là triệt ngộ, nên nghĩ nếu gặp sau này ta sẽ tận sức cứu ông ấy. Đến khi gặp ở Trường-Lạc, ta liền nói với ông ấy rằng: Cái của ông ngộ chính là cái mà Ngài Vĩnh Gia nói “Đoạn-Diệt-Không, phế nhân quả, mênh mông mịt mù, chiêu tai hoạ mà thôi”. Rồi ta lấy phẩm Phạm Hạnh để chứng minh chỗ sai của ông ấy rằng, Kinh nói “Nơi thân vô sở thủ, nơi tu vô sở trước, nơi pháp vô sở trụ, quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng, chẳng kể tác nghiệp, chẳng kể thọ báo, đời nay chẳng lay động, kiếp kia chẳng biến đổi”. Vậy trong đó lấy pháp gì gọi là phạm hạnh, phạm hạnh từ đâu mà đến, thuộc về của ai, bản thể là người nào, do ai làm ra, ấy là có hay là không, là sắc hay phi sắc, là thọ tướng hành thức hay phi thọ tướng hành thức? Quán xét pháp phạm hạnh bất khả đắc như thế mà lại suy diễn cho rằng "vô phạm hạnh là chân phạm hạnh", ấy là phi báng Đại Bát Nhã, vào địa ngục như tên bắn.

Ta còn nói thêm với ông ấy rằng: Hiện nay bọn tà sư mỗi mỗi đều tự nói đắc Vô thượng Bồ Đề. Mỗi mỗi đều bày đặt dị đoan để lừa gạt kẻ kia người nọ, đem nhân duyên nhập đạo của Cổ Đức vọng tự bày đặt, hoặc cho im lặng vô ngôn vô thuyết là việc trước không kiếp, hoặc dạy người ngưng nghỉ đi, ngưng nghỉ đông như gỗ đá; lại còn sợ người ta nói "ngồi trong hang quỷ dưới núi đen" nên dùng lời của Tổ Sư dẫn chứng rằng “Vì liễu liễu thường tri nên ngôn ngữ chẳng thể đến”. Vậy khi ngưng nghỉ đến như gỗ đá nếu chẳng phải tối mà vô tri thì lại tinh tinh lịch lịch, đi đứng ngồi nằm luôn luôn tự trôi. Dạy người tu hành như thế, nói lâu ngày sẽ tự ngộ bản tâm; hoặc cho lia bỏ tình thức trần lao, lấy chẳng lập hang ổ làm cửa nẻo; phạm công án của người xưa vừa đề ra thì hiểu liền hoặc là thầy hỏi "chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải Vật, ông làm sao hiểu?" liền đáp “Hòa thượng hãy tỉnh tỉnh đi!” hoặc nói "Hòa thượng đi đâu đấy" hoặc nói "không thể mũi tên lại thêm nhọn" hoặc nói "lừa gạt bao nhiêu người" hoặc đề lại một lần "chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải Vật”. Phàm hỏi về nhân duyên của người xưa đều hướng ngay chỗ đề khởi mà thừa nhận, hướng ngay chỗ lừa ngoạn điện chớp mà hiểu, Thầy vừa đề xong trò cũng hiểu xong. Phàm có sở hỏi đều chẳng thọ nhận gọi là giải thoát tự tại, được đại an lạc. Hoặc cho "tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức" làm chủ, lấy lời có chỗ tương tự của

người xưa để chứng minh, cho mắt thấy tai nghe là chỗ đắc lực. Phàm chỗ thông vào đều cho thấy vật mà ngộ, nghe tiếng mà ngộ. Phàm có thi thiết đều bắt chước chỗ tương tự của người xưa.

Phàm gặp người hỏi, chỉ dính mắc chỗ câu hỏi mà đáp gọi là "ngay đó hợp nghĩa vô sanh", gọi là "miên mật chẳng đọa tình trần". Ví như tăng hỏi Cổ Đức "Thế nào được ra khỏi tam giới?" thì nói "Đem tam giới lại đây để ta ra cho", hoặc nói: "gọi là cái gì là tam giới", hoặc nói "Hiểu được chỗ hỏi của tăng này thì ra tam giới cũng chẳng khó". Hoặc như tăng hỏi Pháp Nhãn "Thế nào là một giọt nước của Tào Khê" thì đáp rằng "Là một giọt nước của Tào Khê". Còn như Huệ Siêu hỏi Hòa thượng "Thế nào là Phật?" thì đáp rằng "Ông là Huệ Siêu". Dẫn chứng những lời như thế cho là toàn đúng toàn hay chẳng đúng.

Còn luận về công án Ngài Dược Sơn lúc đêm thị chúng rằng "Ta có một lời nói đợi khi trâu đực đẻ con thì nói với người". Rồi có tăng ra thưa rằng "Trâu đực đã sanh con rồi, chỉ là Hòa thượng không nói". Dược Sơn rằng "Đốt đèn lên". Tăng ấy liền trở về trong chúng. Sau này ngài Pháp Đăng ra nói rằng "Ấy là sanh trâu đực hay trâu cái". Lại tự đáp rằng "Sanh đôi".

Khi bọn họ thương lượng, cũng cho là hiểu ngay lời đó hợp nghĩa vô sanh, giải thích bậy rằng Ngài Dược Sơn nói "Ta có một lời nói đợi khi trâu đực sanh con", ấy tức là đã nói ra rồi, cho nên tăng này lãnh hội được liền ra nói "Trâu đực đã sanh con rồi chỉ là Hòa thượng không nói", cho là rất miên mật, chẳng lộ kiếm bén. Cho đến Ngài Pháp Đăng rằng "Ấy là sanh trâu đực hay trâu cái?" Tự đáp rằng "Sanh đôi", lời ấy chẳng có chút thiếu dư, Phật nhãn cũng nhìn không thấy. Đem lời này cho là dùng đúng phá đúng, chẳng lộ kiếm bén, chẳng cần phí sức.

Lại nữa, như "Cổ Đức chỉ một cục đá hỏi người học rằng "Cục đá này ở trong tâm hay ở ngoài tâm?" Đáp rằng "Ở trong tâm". Cổ Đức nói "Sao ông chấp trước quá, để cục đá ở trong tâm?" Bọn họ thương lượng rằng "Chẳng nên dùng trong với ngoài để đáp. Nếu dùng trong, ngoài để đáp thì pháp có chút thừa rồi. Nên đáp "Tốt lắm một cục đá", hoặc đáp "Lãnh thọ lời hỏi này", hoặc đáp "Gọi cái gì làm một cục đá", hoặc đáp "Dạ, dạ", hoặc đáp "Ở trước pháp đường", hoặc đáp "Tạ Sư khai thị" hoặc đáp "Hòa thượng còn biết mắc cỡ chẳng?" v.v... Phàm đáp những lời như thế chỉ dùng một câu bao gồm tất cả, gọi là miên mật, gọi là chẳng sai chạy, bọn họ rất nhiều kiến giải như thế, hoặc cho là tất cả ngôn ngữ đều không dính dáng. Phàm khi vừa nghe đề ra thì hai mắt mở lớn, giống như con nít bệnh tâm thần thấy ma thấy quỷ vậy. Chỉ ở nơi nương mày ngó nhìn mà lãnh hội. Lại lấy lời của người xưa dẫn chứng bậy rằng "Chẳng ngó nhìn tức sai lầm. Muốn suy lường thì kiếp nào mới được ngộ. Hễ khi nghe đề ra thì cần phải dùng mắt ngó nhìn". Chỉ lấy lời của người xưa nhắc lại một lần, gọi là chẳng lọt vào lời nói, cũng như những lời "Cây bách trước sân", rửa chén chẳng cần phí sức. So với ánh sáng của lửa ngoạn điện chớp chỉ thêm được một cái nương mày nháy mắt mà thôi. Bọn này thật là phi báng người xưa biết bao!"

*

Sư thị chúng rằng: Người xưa nói "Đại trí không phân biệt, đại dụng không lý sự, như mặt trăng hiện nơi ngàn sông, như làn sóng tùy theo sông nước". Nhưng cái nào là cái không phân biệt của đại trí, cái nào là cái không lý sự của đại dụng? Có phải hỏi một đáp mười, biện tài như suối chảy là đại trí chẳng? Có phải thô ngôn với tế ngữ đều quy đệ nhất nghĩa" hay là "lật ngã thiền sàng, hét tan đại chúng", hoặc là "quay đầu bỏ đi, do dự liền đánh" v.v... Là đại trí chẳng? Nếu mà kiến giải như thế chớ nói làm một ông tăng, muốn làm nô lệ dưới cửa ông tăng cũng còn chưa thể được.

Thiện tri thức! Kẻ thực chứng thực ngộ mà đối với đại pháp còn chưa sáng tỏ, khi dạy người vẫn khó tránh khỏi đem cái chỗ tự chứng, tự ngộ của mình để dạy bảo người, làm mù mắt người, hướng là kẻ chưa chứng ngộ, học lời nói của người khác, làm mù mắt người là điều chắc chắn vậy. Việc này rất là khó. Người đại căn khi đến chỗ này còn không có chỗ để đặt chân, hướng là bọn ma tiểu căn vô tri, làm sao dám mở miệng khoe trương bậy bạ. Các ông thử suy nghĩ kỹ xem trong tâm mình thực đến chỗ bất nghi (triệt ngộ) chưa? Nếu thực chưa đến mà ta lại thả cửa cho qua, làm như vậy là tạo tội địa ngục. Nên biết thí chủ mười phương đem hạt gạo, cọng cải cúng dường các ông là muốn các ông đạo pháp thành tựu, đồng đến Phật thừa. Nếu các ông chỉ cầu phước báu đời sau, đạo pháp không thành thì làm sao tiêu được? Các ông đã quyết tâm kế thừa cửa thiền này cần phải tâm cảnh nhất như mới có ít phần tương ưng. Chớ nên nghe ta nói vậy liền nhắm mắt, bộ dạng như kẻ chết, cho là tâm cảnh nhất như, bày đặc như vậy làm sao được! Các ông muốn chân thật đến chỗ tâm cảnh nhất như, đem thức thứ tám một dao cắt đứt; chỉ giữ nghi tình, ngoài ra đều chẳng màng đến.

Hòa thượng Nham Đầu có nói “Vừa có sở trọng liền thành hang ổ”. Các người suốt đời tham cứu việc này, kẻ vô sở đắc thì khởi nói rồi, nhưng trong đó nhiều người cứ ngồi trong hang ổ, suốt đời không lộ đầu ra cũng không biết quấy. Có kẻ thì ở trên lời nói của cô đức được chút mùi vị, đem ngữ cú kỳ diệu làm hang ổ; có kẻ thì trong kinh giáo nghĩa cú được mùi vị, lấy kinh giáo làm hang ổ; có kẻ thì trên công án cổ nhân được mùi vị, đem những lời nói vấn đáp thượng phạt của cổ nhân làm hang ổ; có kẻ thì trên tâm tánh mình được mùi vị, lấy "tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức" làm hang ổ; có kẻ thì ở chỗ nín lặng vô ngôn vô thuyết được mùi vị, đem bẻ tai nhắm mắt ngồi trong hang quý chẳng lay động làm hang ổ; có kẻ thì trong việc ứng dụng hàng ngày được mùi vị, đem nhướn mày nháy mắt nhắc nhở tỉnh giác làm hang ổ; có kẻ nói pháp chẳng ở trên lời nói, chẳng ở trên tinh thức, chẳng ở chỗ cử chỉ động tác, nhận lầm nghiệp thức là Phật tánh, ở đây được mùi vị, đem "đánh lửa đá, ánh sáng điện chớp" làm hang ổ. Những cái hang ổ nói trên đều là do được mùi vị mà có sở trọng. Nếu người không có khí phách đại trượng phu, cứ theo chỗ sở trọng của mình cho là kỳ lạ, huyền diệu, yên ổn cảnh giải thoát, chẳng tự biết quấy. Cứ chấp cái tư tưởng như thế dẫn cho Phật ra đời cũng cứu không nổi. Trong giáo môn gọi là si-ám-hoặc (hoặc: mê hoặc). Tại sao vậy? Vì si nên chấp tà làm chánh, vì ám nên đọa nơi sở trọng mà chẳng thể lay động. Nếu ở nơi tâm vô sở khởi, ở nơi pháp vô sở trụ thì tự nhiên vô sở trọng. Vô sở trọng thì vô dục vô y, nơi pháp tự tại.

Hôm nay các ông muốn công phu được tương ưng cũng không khó, chỉ cần ở nơi tâm bình đẳng vô sở nhiễm trước. Thế nào là nhiễm trước? Cũng như sanh khởi chúng sanh tướng, Phật tướng, thế gian tướng, xuất thế gian tướng, cầu xuất ly tướng, cầu Phật trí tướng v.v... đều gọi là nhiễm trước. Nếu đang khi tâm nhiễm trước muốn khởi mà chưa khởi, dừng mãnh tinh tấn một cái nhảy ra, thì tâm này sáng tỏ độ thoát, vừa cảm thấy như vậy liền chuyển hướng lên trên thì tự nhiên nơi nào, chỗ nào cũng đều hiển bày sáng tỏ. Được đến chỗ điền địa này rồi cũng không được màng đến, nếu màng đến thì có sở trọng, vừa có sở trọng thì tâm này bị xì hơi. Như thế chỉ gọi là tâm xì hơi chẳng gọi là tâm bình đẳng. Nói bình đẳng là thiện với ác đẳng, thuận với nghịch đẳng, lý với sự đẳng, phạm với thánh đẳng, hữu lượng với vô lượng đẳng, thể với dụng đẳng... cái đạo lý này chỉ có kẻ chứng mới biết. Các người nếu chưa chứng thì phải tự chứng lấy. Chứng rồi mới được gọi là chân xuất gia. Nếu tự tâm chưa chứng mà hướng ngoài tâm thủ chứng, ấy gọi là kẻ xuất gia ngoại đạo, chẳng thể làm hạt giống Phật.

Tâm này quảng đại chẳng có ngăn mé, vô lượng vô biên. Hằng sa chư Phật thành đấng Chánh giác, sơn hà đại địa vạn tượng sum la đều chẳng ở ngoài tâm này. Tâm này hay đặt danh hiệu cho tất cả, mà tất cả chẳng thể đặt danh hiệu cho nó. Chư Phật chư Tổ vì tùy thuận sự điên đảo của chúng sanh, bất đắc dĩ đặt ra những tên gọi là Chân Như Phật Tánh, là Bồ Đề Niết Bàn. Cưỡng lập danh hiệu mỗi mỗi sai biệt là vì kiến giải chấp trước của chúng sanh có đủ thứ sai biệt nên mới lập những danh hiệu sai biệt này, khiến chúng sanh ngay chỗ sai biệt mà nhận lấy cái tâm chẳng sai biệt này, chớ chẳng phải tâm này có sai biệt vậy.

Tăng hỏi Mã Tổ: Thế nào là Phật?

Tổ nói: Tức Tâm là Phật.

Ông nếu thực chứng thực ngộ thì đâu có sai biệt, ông nếu không ngộ, chỉ cầu kiến giải kỳ lạ, chẳng thực chứng thực ngộ, chẳng ngộ tâm này là Phật, thì chính bốn chữ “Tức tâm là Phật” cũng thành nhân duyên sai biệt vậy. Lời Phật muốn dùng để thí dụ để hiển bày tâm này, rốt cuộc cũng chẳng có thí dụ nào mà thí dụ được. Nay nói quảng đại là đã làm hạn chế nó rồi, huống chi muốn dùng cái tâm có ngăn mé để nhập vào cái cảnh giới quảng đại này, dầu cho nhập được thì cũng như dùng vỏ sò để đong nước biển, nước tuy đầy vỏ sò cũng chẳng được bao nhiêu. Nước biển trong vỏ sò dù rất ít, nhưng khi chừa vào vỏ sò vẫn vẫn là cái nước vô hạn lượng, chỉ vì tâm lượng của ông nhỏ hẹp, cho đầy vỏ sò là đủ, nên cái cảnh giới vô hạn đó đã phải tùy theo cái sức đựng nhỏ hẹp của ông tự cho là đầy đủ mà thôi, chẳng phải nước biển chỉ có bấy nhiêu đâu! Nên Phật nói “Ví như biển lớn chẳng từ bỏ dòng nước nhỏ, dù con muỗi hay A Tu La uống nước đó đều được sung mãn”. Nước dụ cho tâm, con muỗi và A Tu La dụ cho lớn nhỏ sai biệt. Trên tâm thể này vốn chẳng số lượng sai biệt, hễ ông chẳng khởi tri kiến để nhận lấy mỗi mỗi sai biệt của tâm này tức là được tâm này vậy. Bậc Thánh xưa còn không cho chấp tâm này là thật, vậy ngoài tâm ra đâu còn vật gì thật để làm chướng nạn cho ông? Nay ta ngộ lời dài dòng cũng là sự bất đắc dĩ, vì muốn dẫn dắt đứa bé đáng thương như mẹ mền con nên mới có những lời dây dưa nhắc ông. Nhưng chớ ghi nhớ lời ta cho là đúng vì hôm nay ta nói như thế, ngày mai lại không nói như thế. Ông vừa như thế thì ta lại không như thế. Khi ông không như thế thì ta lại như thế. Ông hướng vào đâu mà tìm chỗ ở của ta? Chính ta cũng chẳng tự biết chỗ ở, người khác làm sao tìm được?

Cái cửa ải này rất sống động, kẻ chết cái tâm hiện hành mới có thể vào được. Nhưng người hành giả hiện nay lại đem ít phần tinh tấn tụng kinh lễ Phật, giữ giới thân khẩu ý, cho là tu hành để mong cầu chứng đắc, thực ra đâu có dính dáng gì! Cũng như người si mê cúi đầu chạy về phương Tây mà muốn lấy vật ở phương Đông thì càng chạy càng xa, càng gấp càng trễ. Đây là pháp môn vô lậu vô công dụng, nếu sanh khởi mây may tâm thủ chứng là trái ngược rồi, sao lại muốn nhờ một chút công hạnh hữu vi để thỏa mãn sự mong cầu? Vì người xưa được thấu suốt nên nói “Ta ngồi đó xem ông tham cứu, ta đứng đó xem ông tham cứu”. Đâu từng bảo ông bày đặt này nọ, tích chứa công đức, mong cầu thành đạo? Dầu cho ông mong cầu được thành, thành rồi sẽ hoại, chỉ tự làm lao nhọc mà thôi.

Ông chớ nên nghe ta nói như thế rồi liền phế bỏ nhân quả làm nghiệp địa ngục. Tự tánh bình thường vô sự gọi là vô tri kiến, vô Phật pháp, đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ nghỉ, đây là vô tu chứng, đây là vô công dụng, nhưng chớ nên hiểu lầm nhé!

Muốn gánh vác việc này phải là kẻ cứng cõi như gang sắt đúc thành mới được. Những kẻ tiểu căn tiểu khí đâu thừa nhận. Cũng như Lâm Tế ba lần hỏi Hoàng Bá về đại ý của Phật pháp, sau này được Đại Ngu điểm phá bỗng nhiên đại ngộ, bất giác “ồ” lên

một tiếng “Phật pháp của Hoàng Bá không có nhiều”. Đại Ngu nói “Ông vừa hỏi có lỗi hay không lỗi mà nay lại nói Phật pháp của Hoàng Bá vốn không có nhiều. Ông thấy cái gì mà nói như thế?” Lâm Tế gõ hai gõ vào nách Đại Ngu. Đại Ngu bèn gạt ra rồi nói “Thầy ông là Hoàng Bá không dính dáng với ta”.

Các người tham thiền có được như thế chưa? Đối với việc này Vân Am Hòa Thượng tụng rằng:

***Bổn nói Hoàng Bá pháp chẳng nhiều
Trượng phu đâu thể tự chống chống trái
Hai gõ dưới nách tỏ tin tức
Chẳng từ Hoàng Bá phó chúc đây.***

Còn Thủ Đoan Hòa Thượng tụng rằng:

***Một tay đánh ngã Hoàng Lạc Lâu
Một chân đá nhào Anh võ Châu
Lúc có ý khí thêm ý chí
Chỗ chẳng phong lưu cũng phong lưu.***

Theo hai bài tụng của hai ông già này là đủ tư cách kế thừa dòng Lâm Tế, rất đáng làm con cháu của Ngài. May mắn xưa nay có sẵn thể cách như thế, tại sao không màng đến xem kỹ đó là đạo lý gì? Việc này như mặt trời giữa trời xanh, đâu có gì che khuất, mà các nơi lại có thiền “Vô sò” bày đặt kỳ lạ, đủ thứ sai biệt quanh co, có nói lời này lời nọ, nói khám phá lời kia, nói chẳng bị dính mắc v.v..

Lại có một bọn chấp lời trong kinh Lăng Nghiêm, trong Cảnh Lục nói “Mắt thấy tai nghe đều là tâm, chẳng phải pháp khác”. Lại lấy bài kệ tỏ ngộ của Thiệu Quốc Sư (Nhị Tổ của tông Pháp Nhãn):

***Phong đỉnh Thông Huyền chẳng phải nhân gian,
Ngoài tâm chẳng pháp, đầy mắt núi xanh.***

Dùng để dẫn chứng, gọi là việc dưới gót chân, gọi là cơ sở, gọi là chỗ miên mật. Lãnh hội như thế cho là tốt. Nếu cứ lãnh hội như thế há chẳng phải là nhận vật làm tâm ư! Đã là tâm (minh) sao lại còn muốn nhận nó làm chi? Bọn này tự hủy bỏ chánh nhân, trở lại hành theo lối ma, thật đáng thương xót!

KHÁM XÉT

Sư ở núi Vân Cư làm Thủ tọa. Một hôm đến xã Tây Tích, có một Ông Tăng gặp Sư thưa rằng: Vì xem bài tụng "Người nữ xuất định" của Sư mà có chỗ ngộ nhập, nên đặc biệt đến cầu Thủ tọa ấn chứng.

Sư nói: Người đi đi, chẳng phải!

Tăng nói: Tôi còn chưa nói chỗ thấy của tôi, tại sao nói chẳng phải?

Sư cứ khoát tay liên hồi: Người đi đi, đi đi! Chẳng phải, chẳng phải!

Tăng ấy lù mù lui ra.

*

Sư hỏi Tăng: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, người làm sao lãnh hội?

Tăng đáp: Lãnh.

Sư nói: Lãnh cái tiên linh bảy đời trong nhà ngươi!

Tăng liền hét.

Sư nói: Vừa nói lãnh, nay lại hét, có dính dáng gì đến "chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật" đâu!

Tăng chẳng thể trả lời. Sư đánh đập đuổi ra.

*

Sư hỏi Tăng: Ta hôm kia ở chỗ ngươi có một câu hỏi. Ngươi hôm kia đã đáp ta rồi, tại sao hiện nay cứ ngu hoài vậy?

Tăng nói: Phải! Phải!

Sư hỏi: Nói cái gì?

Tăng nói: Không phải! Không phải!

Sư đánh luôn 2 gậy rằng: Một gậy đánh ngươi nói phải, một gậy đánh ngươi nói không phải.

*

Sư ở trong thất, thường hỏi chư Tăng: Gọi là cây gậy thì nghịch, chẳng gọi là cây gậy thì trái, không cho nói, không cho nín, không được ở nơi ý căn suy lường, không được cho là vô sự, không được theo lời thầy thừa đương (lãnh nhận), không được im lặng giây lâu, không được lễ bái như người nữ, không được dạo quanh thiền sàng; không được quay đầu bỏ đi. Tất cả đều không được. Nói mau đi! Nói mau đi!

Có Tăng muốn nói, Sư liền đánh đập đuổi ra. Thời đó ít có người thấu được cơ xảo này.

Có Tăng nghe lời kể trên, liền giựt cây gậy.

Sư nói: Đoạt gậy thì cho ngươi đoạt. Nhưng ta gọi là nắm tay thì nghịch, chẳng gọi là nắm tay thì trái, vậy ngươi làm sao đoạt? Rồi ngươi có thể nói "Xin Hòa thượng buông nắm tay ra!" Ta tạm buông đi, nhưng ta gọi là cột trụ thì nghịch, chẳng gọi là cột trụ thì trái, thì ngươi làm sao mà đoạt? Ta gọi là sơn hà đại địa thì nghịch, chẳng gọi là sơn hà đại địa thì trái, thì ngươi làm sao mà đoạt?

Khi ấy có Châu Phong trưởng lão rằng: Tôi xem "lời cây gậy" của Hòa thượng cũng như ông quan tịch thân tài sản nhà họ rồi, lại còn muốn nhà họ nạp đủ tiền thuế.

Sư nói: Ngươi thí dụ rất hay. Ta muốn ngươi nạp thuế thật, ngươi không có tiền nạp thì phải tìm cách tự tử, hoặc nhảy xuống sông hoặc nhảy vào lửa mới có thể chết được. Chết rồi lại từ từ sống lại. Xung ngươi là Bồ Tát thì hoan hỷ, kêu ngươi là ăn trộm thì tức giận, ngươi vẫn là người xưa kia. Cho nên Cổ Đức nói "Vực thẳm buông tay, thẳng tự thừa đương, tuyệt hậu tái tô, đối ông chẳng được". Đến chỗ này mới khế ngộ được "lời cây gậy".

Lại có một Tăng nghe rồi nói: Xin Hòa thượng buông cây gậy xuống thì sẽ nói với Hòa thượng.

Sư buông xuống, Tăng quay đầu bỏ đi. Sư kêu: Thị giả! Nhớ ông Tăng này.

*

Lại nữa, Sư đề ra hỏi một Tăng, Tăng nói: Sợ con rùa trong lu chạy trốn sao!

Sư xuống thiền sàng tóm chặt Tăng ấy, rồi nói: Lời này của ai? Nói mau đi!

Tăng nói: Thực chẳng dám dối ngài. Ấy là Trúc Am Hòa thượng bảo tôi nói như thế.
Su đánh luôn mấy gậy, rằng: Rõ ràng bạch cho các nơi.

*

Su lại đề ra hỏi Di Quang, Quang nói: Trưởng lão bày đặt nhiều như mè như cát.

Su nói: Ngươi là trưởng lão thứ mấy?

Quang nói: Hôm nay đánh bại lão tặc này rồi.

Su liền ấn chứng cho.

*

Thị giả Cận lễ hầu Su lâu năm, âm thầm tham thoại đầu "Cây gậy" nhưng chẳng ngộ nhập. Một hôm xin khai thị, Su nói: Ta nói một thí dụ cho ngươi, cũng như đem trái vải rất ngon lột vỏ bỏ hột, rồi đưa tới miệng ngươi mà ngươi không biết nuốt.

Lễ bất giác bật cười rằng: Hòa thượng, nếu nuốt là tai họa.

Hôm sau Su hỏi tiếp: Hôm qua ngươi nuốt trái vải rồi lại không biết mùi vị ư?

Lễ nói: Nếu biết mùi vị lại càng thêm tai họa.

Su liền ấn chứng.

*

Su vừa thấy Tăng vào, liền nói: Chẳng phải! Đi ra đi!

Tăng liền ra, Su nói: Người lớn như vậy lại bị lời nói xoay chuyển.

Kế đó một Tăng khác vào, Su cũng nói: Chẳng phải! Đi ra đi!

Tăng ấy lại tiến đến trước mặt. Su nói: Đã nói với ngươi chẳng phải, còn đến gần để tìm cái gì?

Liền đánh đập đuổi ra.

Rồi một Tăng khác vào nói: Hai Tăng hỏi này không hiểu ý Hòa thượng.

Su cúi đầu "hừ" một tiếng. Tăng ngơ ngác. Su đánh đập rằng: Ngươi lại hiểu được ý của lão Tăng!

*

Su vừa thấy Tăng vào liền nói: Ngươi chẳng hiểu! Đi ra đi!

Tăng cũng ra. Rồi một Tăng nữa vào, Su nói: Hai Thượng tọa hỏi này, một người biết nắm không biết buông, một người biết buông không biết nắm. Ngươi phân biệt được chăng?

Tăng nói: Tất cả lãnh thọ rồi.

Su hỏi: Sau khi lãnh thọ rồi, có tin tức tốt nào khác chăng?

Tăng vỗ tay một cái rồi đi ra.

Su nói: Để ba mươi năm sau ngộ đi!

*

Su hỏi Tăng: "Khi giữa đường gặp người đật đạo, chẳng đem nói nín đối đáp" thì thế nào?

Tăng trân trọng (từ giã) đi ra. Sư ha hả cười to.

Kể đó một Tăng đến, Sư hỏi: Ta vừa hỏi Tăng ấy "Khi giữa đường gặp người đạt đạo, chẳng đem nói nín đối đáp" thì thế nào? Tăng ấy trân trọng đi ra. Người nói nó hiểu hay không hiểu?

Tăng muốn vắn tít (chấp tay xá), sư liền đánh đập đuổi ra.

*

Sư hỏi Tăng: Chẳng làm bạn với vạn pháp là người gì?

Đáp: Hấn chẳng mặt mũi.

Sư nói: Vừa mới có một Tăng nói như thế bị đánh đập đuổi ra rồi.

Tăng do dự muốn nói, Sư liền đánh.

*

Sư hỏi Tăng: Công án "trên cây" của Hương Nghiêm (l), người hiểu như thế nào?

Tăng đáp: Đối với gió xuân hát chim Cu.

Sư hỏi: Thượng tọa Hồ Đầu rằng "Chẳng hỏi việc trên cây, việc dưới cây, nói cho một câu đi" lại là thế nào?

Tăng đáp: Vừa mới đáp Hòa thượng rồi.

Sư hỏi: "Đối với gió xuân hát chim Cu" là lời trên cây hay lời dưới cây?

Tăng muốn đối đáp, Sư liền đánh.

*

Tăng hỏi Sư: Con tham thiền chẳng được, bệnh ở chỗ nào?

Sư nói: Bệnh ở chỗ này.

Tăng nói: Con vì sao lại tham chẳng được?

Sư nói: Thằng mở mắt đái dầm! Ta đánh cho người đi.

*

Ghi chú:

Công Án "trên cây" của Hương Nghiêm:

Hương Nghiêm thượng đường nói: Một người ở trên cây miệng ngậm nhánh cây, chân chẳng đứng trên cây, tay cũng chẳng nắm cây, dưới cây có người hỏi đạo. Nếu đáp thì phải té bỏ mạng, nếu không đáp thì chẳng thỏa ý người hỏi. Vậy phải làm thế nào?

Chúng không ai trả lời được. Rồi có Thượng tọa Hồ Đầu ra nói: Chẳng hỏi việc trên cây, việc dưới cây, xin Hòa thượng nói cho một câu đi.

Hương Nghiêm cười ha hả rồi thôi.

*

Sư hỏi Tăng: Công Án "Quốc Sư ba lần gọi Thị giả" (l), ý chỉ thế nào?

Tăng nói: Cá lội thì nước lụt.

Sư nói: Chớ ỉa bậy.

Tăng không mở miệng được, Sư liền đánh.

*

Sư hỏi Tăng: Mã Tổ nói "Từ khi nước Hồ làm loạn, 30 năm chưa từng thiếu muối tương" (2) là thế nào?

Tăng nói: Tùy nhà họ phong phú hay tiết kiệm.

Sư nói: "Tùy nhà họ phong phú hay tiết kiệm", lời này rất tốt, nhưng chỉ là người không hiểu.

Tăng do dự, Sư liền đánh.

Tăng thỉnh ích về Công án "Cảnh Giáp Sơn" (3). Câu hỏi chưa dứt, Sư liền hét. Tăng cảm thấy mờ mịt. Sư nói: Người hỏi gì? Tăng muốn nói, Sư liền đánh đập hét: Đi ra!

*

GHI CHÚ:

(1) Công Án "**Quốc Sư ba lần gọi Thị giả**":

Huệ Trung Quốc Sư một hôm kêu Thị giả. Thị giả "Dạ". Như thế kêu ba lần, Thị giả "dạ" ba lần.

Quốc Sư nói: Tưởng ta cô phụ người, ai dè người cô phụ ta.

(2) Công Án "**Ba mươi năm chẳng thiếu muối tương**".

Mã Tổ ngộ rồi, từ giã thầy là Tổ Hoài Nhượng về Giang Tây hoằng pháp. Năm sau, Hoài Nhượng sai Tăng đi khám xét thử, dặn Tăng ấy đợi khi Mã Tổ thượng đường thì ra hỏi: Làm cái gì?

Tăng vâng theo lời, khi đến hỏi thì Mã Tổ đáp rằng: Từ khi nước Hồ làm loạn, ba mươi năm chưa từng thiếu muối tương.

Tăng về trình lại. Hoài Nhượng rất khen ngợi.

(3) Công Án "**Cảnh Giáp Sơn**"

Giáp Sơn thượng đường rằng: Trước mắt không pháp, pháp ở trước mắt, không phải pháp trước mắt, chẳng phải tai mắt có thể đến, các người xem thử coi?

Người hỏi gì?

Tăng muốn nói, Sư liền đánh đập, hét: Đi ra!

*

Sư hỏi Tăng: Đạo chẳng cần tu, nhưng chớ ô nhiễm. Thế nào là cái đạo không ô nhiễm?

Tăng nói: Con không dám nói.

Sư nói: Tại sao người không dám nói?

Tăng nói: E sợ ô nhiễm.

Sư lớn tiếng kêu: Thị giả! Đem thùng hốt rác và cây chổi lại đây.

Tăng mờ mịt, Sư liền đánh đập đuổi ra.

*

Sư hỏi Tăng: Vì nhất thiết trí, trí thanh tịnh, vô nhị vô nhị phần, vô biệt vô đoạn, làm sao lãnh hội?

Tăng nói: "Vì nhất thiết trí, trí thanh tịnh, vô nhị vô nhị phần, vô biệt vô đoạn", con chỉ lãnh hội như thế.

Sư nói: Ôm con mèo lại đây.

Tăng chẳng biết nói chi. Sư liền hét: Đi ra!

*

Sư hỏi Tăng: Còn nhớ thoại đầu chăng?

Tăng nói: Không nhớ.

Sư nói: Người đến đây làm việc gì?

Liền đánh đập.

*

Sư hỏi Tăng: Ngũ Tổ nói "Con chó không Phật tánh của Triệu Châu cũng hơn con mèo mười vạn lần" là thế nào?

Tăng nói: Gió thổi qua thì cỏ nằm rạp.

Sư nói: Người không được nói bậy, vậy làm sao lãnh hội?

Tăng nín thinh.

Sư nói: Bọn bắt chước lời người khác.

Liền đánh đập đuổi ra.

*

Sư vừa thấy Tăng vào, liền nói: Cụ già Thích Ca tới.

Tăng đến gần, Sư nói: "không phải", rồi đánh đập đuổi ra.

Kế đó một Tăng vào, Sư cũng nói: Cụ già Thích Ca tới.

Liền chấp tay vấn tin (hỏi thăm sức khỏe) Tăng rồi đi ra.

Sư nói: Giống như chân thật.

*

Tăng mới vào, Sư liền nói: Chư Phật Bồ Tát, súc sinh trâu ngựa, cây bách trước sân, mè ba cân, cục cứt khô, người là một thằng ăn trộm!

Tăng nói: Lâu nay đã biết Hòa thượng có cơ xảo này.

Sư nói: Ta đã vô cơ vào đám cỏ hoang mà người có mùi cứt thối cũng chẳng biết.

Tăng quay đầu bỏ đi.

Sư nói: Khổ thay Phật đà.

*

Sư hỏi Thị giả: Có bao nhiêu người nhập thất (hỏi đạo và trình chỗ ngộ)? Máy người nói được, máy người nói không được?

Thị giả nói: Ông ta cứ xem thôi.

Sư bồng giơ tay, rằng: Tay ta giống tay Phật chăng?

Thị giả nói: "Trời lạnh, xin Hòa thượng xả tay áo xuống". Rồi định bỏ đi.

Sư liền đánh cho một gậy, rằng: Đây là thưởng người hay phạt người?

*

Tăng hỏi Sư: Không biết con chết rồi đi về đâu?

Sư hỏi lại: Ngươi hiện nay là sanh hay là tử?

Tăng nói: Sanh cũng không nói, tử cũng không nói.

Sư nói: Ngươi làm được nô lệ của Tiệm Nguyên. (1)

Tăng do dự, Sư liền đánh đuổi ra.

Rồi một Tăng khác vào, Sư hỏi: Tăng vừa rồi đã chịu một lần bại trận, ngươi biết chăng?

Tăng nói: Biết.

Sư cũng đánh đuổi ra.

*

GHI CHÚ: (1)

Công Án "Hỏi sanh tử" của Tiệm Nguyên:

Sư là Thị giả của Đạo Ngô. Một hôm hầu thầy đi điếu một thí chủ vừa chết. Sư vô quan tài hỏi thầy: Sanh ư? Tử ư?

Ngô nói: Sanh cũng chẳng nói, tử cũng chẳng nói.

Sư nói: Tại sao chẳng nói?

Ngô nói: Chẳng nói! Chẳng nói!

Khi về, ở giữa đường Sư nói: Bây giờ Hòa thượng phải nói cho tôi. Nếu không nói sẽ đánh Hòa thượng.

Ngô nói: Đánh thì cứ đánh, nói thì chẳng nói.

Sư bèn đánh.

Về đến thiền viện rồi, Ngô bảo sư đi nơi khác, e sợ tri sự biết rồi không tiện. Sư lễ bái từ giã, ẩn ở một chùa nơi thôn quê.

Trải qua ba năm, khi nghe đồng tử niệm kinh Phổ Môn đến chỗ: "Người nên dùng thân Tỳ kheo độ thì hiện thân Tỳ kheo", bỗng nhiên đại ngộ. Liền đốt nhang lễ bái thầy rằng: Nay mới biết Tiên sư quá từ bi. Tại mình chẳng hội lại trách Tiên sư.

Khi ấy thì Tiên sư đã tịch. Sư đến Thạch Sương cầu sám hối, rồi được Thạch Sương ấn chứng (Thạch Sương là đại đệ tử của Đạo Ngô).

*

Sư hỏi Tăng: Nham Đầu qua cửa Đứ Sơn hỏi "Là phàm hay là thánh". Đứ Sơn liền hét. Nham Đầu lễ bái. Ý là thế nào?

Tăng nói: Tin tức rất tốt.

Sư nói: Tốt ở chỗ nào?

Tăng liền hét.

Sư nói: Cái hét này của Ngươi còn chưa có chủ. Đi ra!

*

Sư hỏi Tăng: Như thế cũng chẳng được, không như thế cũng chẳng được, như thế không như thế đều chẳng được, ngươi làm sao?

Tăng nói: Đều được.

Sư nói: Bỏ hẳn cây đào ngọt, tìm hái trái lê chua.

*

Sư hỏi Tăng: Ngươi nói thiên còn thọ giáo hay không?

Tăng nói: Muôn dặm một cây sắt.

Sư nói: Nhưng mà trong Viện Quan Âm có Di Lặc.

Tăng do dự, Sư liền đánh.

*

Sư hỏi Tăng: Tên gì?

Tăng nói: Pháp Như.

Sư nói: Chánh điện pháp đường là như chằng?

Tăng nói: Như.

Sư nói: Lão Tăng bị người khám phá.

Tăng do dự, Sư liền đánh.

*

Trưởng Lão Ô Long đi thăm Phùng Tế Xuyên. Xuyên hỏi: Xưa kia có ông quan hỏi “Đại Thánh Tứ Châu hà tánh” (họ gì)? Thánh đáp “Tánh Hà” (họ Hà). Quan hỏi “Trụ Hà Quốc (ở nước nào)?” Thánh đáp “Trụ Hà Quốc” (ở nước Hà). Ý này thế nào?

Long nói: Đại Thánh vốn chằng phải họ Hà cũng chằng phải người nước Hà.

Xuyên cười rằng: Đại Thánh quyết định họ Hà, ở nước Hà.

Hai người cãi nhau mấy lần, rồi gửi thơ cho Sư xin phán đoán công án này.

Sư nói: Có sáu mươi gậy, đem ba mươi gậy đánh Đại Thánh không nên nói họ Hà, đem ba mươi gậy đánh Tế Xuyên chằng nên nói Đại Thánh quyết định họ Hà. Còn trưởng lão Ô Long thì bảo “tự lãnh” rồi đi ra.

Sau này Sư cùng Tế Xuyên đi đến Minh Am, thấy trên vách tường vẽ bộ xương người. Tế Xuyên làm bài tụng rằng:

Xác ở chỗ này, nay người ở đâu,
Mới biết nhất linh (linh tánh) chằng ở túi da.

Sư không chịu rồi làm bài tụng khác rằng:

Ngay hình hài này tức là người ấy,
Nhất linh túi da, túi da nhất linh.

*

Thị Lang Trương Tử Thiệu đến gặp Sư đang thượng đường. Có Tăng hỏi: Công Án "Đại Điền vì Hàn Văn Công đuổi Thủ tọa" (l) ý chỉ thế nào?

Sư đáp: Cá chim leo cây trúc, một ngày một ngàn dặm.

Tăng thưa: Con chưa rõ, xin Sư từ bi khai thị.

Sư nói: Còn muốn gáo nước thổi thứ nhì sao!

Tăng hỏi: Cũng như Thủ tọa cắn răng ba cái, lỗi ở chỗ nào?

Sư đáp: Lỗi ở chỗ cắn răng.

Tăng nói: Xin chớ báng Thủ tọa.

Sư hỏi: Người thấy lý lẽ gì mà nói như thế?

Tăng đáp: Ai biết khói dọn từ nơi xa, có chỗ riêng biệt cho suy lường.

*

Sư nói: Người chớ báng Kính Sơn (Đại Huệ) chứ.

Tăng hỏi: Hôm nay nếu Thị Lang hỏi Hòa thượng bao nhiêu tuổi thì thế nào?

Sư đáp: Nói với y một trăm hai mươi tuổi.

Tăng hỏi: Vậy được gọi là báng Kính Sơn chăng?

Sư đáp: Người lại báng Thị Lang rồi.

*

GHI CHÚ: (1)

Công Án "Đại Điền vì Hàn Văn Công đuổi Thủ tọa":

Một hôm Hàn Văn Công đến thăm Đại Điền hỏi Sư bao nhiêu tuổi. Sư gơ sợi chuỗi lên nói: Hiểu không?

Công nói: không hiểu.

Sư nói: Ngày đêm 108.

Công không rõ liền về. Hôm sau đến nữa, gặp Thủ tọa trước cửa, đề công án hôm qua hỏi: Ý chỉ thế nào?

Thủ tọa cắn răng 3 cái.

Công đi vào gặp Sư hỏi nữa, Sư cũng cắn răng 3 cái.

Công nói: Phật pháp vốn chẳng có hai thứ.

Sư nói: Tại sao vậy?

Công nói: Vừa mới hỏi Thủ tọa, cũng cắn răng như thế.

Sư kêu Thủ tọa lại hỏi: Phải là người đáp như thế chăng?

Thủ tọa nói: Phải.

Sư liền đánh đập đuổi khỏi thiền viện.

*

Tăng hỏi Sư: Như người trên cây miệng cắn nhánh cây, tay chẳng nắm cây, chân chẳng đạp cây, chưa rõ còn có phần để đáp lời chăng?

Sư nói: Đáp lời rồi!

Tăng hỏi: Con hỏi lời trên cây, tại sao Hòa thượng lại đáp dưới cây?

Sư đáp: Chỉ vì người ở dưới cây hỏi.

Tăng hỏi: Gạt được con mắt đại chúng chăng?

Sư đáp: Rõ ràng gạt không được.

Tăng hỏi: Nếu như cây chưa sanh chưa có tin tức gì thì Hương Nghiêm hướng vào chỗ nào mà được câu thoại đầu này?

Sư đáp: Hướng trong thùng sơn đen của người mà được.

Tăng hỏi: Cũng như Hòa thượng nói "gọi là cây gậy thì nghịch, chẳng gọi là cây gậy thì trái", vậy còn có chỗ để dạy người hay không?

Sư đáp: Không.

Tăng nói: Thế thì thành vọng lập.

Sư nói: Vọng lập.

Rồi nói tiếp: Như người trên cây, miệng cắn nhánh cây, tay chẳng nắm cây, chân chẳng đạp cây, dưới cây có người hỏi "Ý Tổ Sư từ Ấn Độ đến? Đáp thì bỏ thân mất mạng, chẳng đáp thì trái sự hỏi của họ". Khi Hương Nghiêm vừa đề ra như thế thì có Thượng tọa Hồ-Đầu ra trước chúng rằng "Chẳng hỏi việc trên cây, việc dưới cây xin Hòa thượng nói cho một câu đi?"

Sư kể đến đây rồi tự nói: Hiêm (nguy hiểm).

Rồi kể đến việc Hương Nghiêm cười ha hả, Sư cũng nói: Hiêm.

Sư nhấn mạnh rằng: Kính-Son hay hiêm này, có một hiêm như trời trùm khắp, như đất hứng khắp, còn một hiêm thì lạnh lẽo chẳng dính dáng, nay có kẻ nào phân biệt được chăng? Nếu phân biệt được chẳng những đích thân thấy Hương Nghiêm (kiến tánh) cũng khiến Thượng tọa Hồ Đầu chẳng có chỗ an thân lập mạng. Nếu không phân biệt được thì Kính Son đem công án đã sẵn cho các người một lời chú giải "Gọi là cây gậy thì nghịch, chẳng gọi là cây gậy thì trái".

CƠ DUYÊN

Truyền Châu Giáo Trung Di Quang Thiền Sư ban sơ y chỉ Viên Ngộ, kể đó đi yết kiến Phật Tâm, sau đi tham vấn Sư. Sư hỏi: Cái sở đắc của người lúc ở chỗ Phật Tâm nay kể ra thử xem?

Quang nói: Phật Tâm kể công án của Phổ Hoá rồi nói rằng "Ta thì chẳng phải vậy! Nếu ta vừa nghe câu khi tất cả đều chẳng như thế là thế nào? Thì liền đánh ngay xương sống dầu cho phân thân khắp nơi".

Sư nói: Ý người thế nào?

Quang nói: Con không chịu Phật Tâm thêm cái ghi chú ở sau chót.

Sư nói: Ấy chính là lấy bệnh làm pháp.

Quang quả quyết không tin.

Sư nói: Người hãy xem xét kỹ lại.

Rốt cuộc Quang cũng không chịu.

Trải qua một tuần, Quang bỗng nhớ lời của Thiền sư Hải Ấn đã nói "Tiếng sét quá lớn thay, giọt mưa toàn không có", thành linh thông suốt, đến bạch Sư. Sư đem công án của Huỳnh Sa về "Lời nói chưa triệt ngộ" để hỏi Quang. Quang đáp xong, Sư nói: Người dù được tiến thêm một bước nhưng vẫn còn chưa. Cũng như người đốn cây, hễ một dao ngay gốc cây thì mạng căn đứt liền. Người lại hướng trên nhánh mà chặt thì làm sao đứt mạng căn được? Nay Thiền sư các nơi đều có kiến giải như thế, đâu có ích lợi gì! Thực ra được tâm ấn chính truyền của Dương Chi chỉ có ba bốn người mà thôi.

Quang nổi giận bỏ đi. Hôm sau, Sư hỏi: Người còn nghi chăng?

Quang nói: Không có gì để nghi.

Sư nói: Cũng như người xưa gặp nhau, khi chưa mở miệng đã biết hư thật, hoặc vừa nghe lời nói liền biết sâu cạn, lý này thế nào?

Quang ngờ ngác.

Sư bảo tham công án "hữu cú, vô cú".

Sư qua chùa Vân Môn, Quang theo hầu. Một hôm, Quang hỏi Sư: Con đến chỗ này không được triệt ngộ là bệnh ở chỗ nào?

Sư nói: Bệnh người rất hiếm, thầy thuốc bó tay. Tại sao? Vì người khác chết rồi chẳng thể sống, nay người sống rồi chưa từng chết. Muốn đến chỗ đại an lạc, cần phải chết một lần mới được.

Quang do đó càng nghi thêm.

Sau một hôm vào thất tham vấn, Sư hỏi: Ăn cháo rồi, rửa bát rồi, bỏ hẳn thuốc kỵ, nói ra một câu xem?

Quang nói: Nứt bể.

Sư sai hùng hét rằng: Người lại nói thiên nữa.

Quang ngay đó đại ngộ.

Sư đánh trống báo cho chúng rằng:

***Lông rùa nhật được thật vui thay.
Cửa ải muôn lớp ngay đó khai.
Cuộc đời sung sướng là hôm nay.
Nói chi ngàn dặm gặp ta đây.***

Quang cũng trình bài tụng rằng:

***Bức bách đương cơ sấm sét cao.
Tu Di kinh sợ dấu Bắc Đẩu.
Làn sóng mênh mông khắp thiên hạ.
Nhật được lỗ mũi thất lạc khẩu.***

*

Phúc Châu Tây Thiên Đinh Nhu Thiền Sư lúc trẻ thi đậu tiến sĩ, đến tuổi hai mươi lăm ngẫu nhiên đọc Kinh Giáo, rồi buột miệng than "Không dè xưa nay bị cái mũi nhà Nho làm hại". Ý muốn xuất gia, người mẹ không cho nói sắp đến ngày đám cưới.

Nhu bỏ đi theo Bảo Thọ Lạc xuất gia làm Tỳ Kheo, rồi đi khắp nơi tham học với các sư sanh tiếng. Sau tự cất một cái am ở đỉnh núi Cương Phong, suốt ba năm không xuống núi.

Phật Tâm Tài mời ra làm thủ tọa ở chùa Đại Thừa. Nhu có dạy học giả về nhân duyên "tức Tâm tức Phật". Lúc ấy Sư (Đại Huệ) vừa ở chùa Dương Đảo. Sư Di Quang là bạn thân của Nhu, nói với Nhu rằng: "Chủ chùa cơ xảo khác với các nơi, nên đi tham vấn". Nhưng Nhu không nghe, Quang bèn kể gạt Nhu đi. Khi đến, gặp lúc Đại Huệ đang cho chúng vào phòng hỏi đạo, Nhu cũng theo chúng cùng vào.

Sư hỏi: Lời "tức tâm tức Phật" làm sao hiểu?

Nhu trả lời.

Sư mắng rằng: Kiến giải của ngươi như thế mà dám làm thầy cho người sao?

Rồi đánh trống tập chúng phổ thuyết, phê bình những điểm Nhu cho là trọng yếu thầy đều là tà kiến. Nhu tự nghĩ chỗ sai lầm của mình vừa chảy nước mắt mà thâm trong bụng "Cái sở đắc của ta đã quấy vậy cái ý chỉ truyền từ Ấn Độ thực ra là thế nào?"

Một hôm Sư hỏi rằng: Trong không thả ra, ngoài không cho vào, chính ngay lúc đó là thế nào?

Nhu tính mở miệng, Sư đem gậy đánh luôn mấy cái trên lưng, Nhu do đó đại ngộ hô to rằng: Hòa thượng! Đã nhiều rồi vậy.

Sư lại đánh thêm một gậy, Nhu Lễ bái. Sư cười rằng: “Hôm nay mới biết ta chẳng dối người”. Rồi ấn chứng bằng một bài kệ.

*

Ngọc Tuyên Đàm Ý thiền sư với Dục Vương Tôn Phát thiền sư đều tham học với Viên Ngộ, tự cho là đến cùng tột. Ý ra hoàng pháp tại Tường Vân, tỉnh Phúc Kiến, Phát phụ giúp, pháp hội rất hưng thịnh. Khi sư đến Phúc Kiến, biết việc họ chưa xong, sợ di hại cho người học, gửi thơ khiến họ đến. Ý đang do dự, Sư thẳng tòa chỉ ra cái quấy của họ, Ý mới đến yết kiến. Sư xét sở chứng của Ý rồi nói: Kiến giải của người như thế mà dám nổi pháp của Viên Ngộ lão nhân ư!

Ý bèn về từ chức viện chủ, cùng Phát đến y chỉ Sư.

Một hôm sư hỏi Phát về công án của Tam Thánh với Hưng Hoá (hai đệ tử của ngài Lâm Tế) về lời "xuất bất xuất, vi nhân bất vi nhân" rằng: Người nói hai ông này còn có chỗ xuất thân hay không?

Phát đánh trên đầu gỏi Sư một cái. Sư nói: Cái đánh này của người là vì bênh vực cho Hưng Hoá hay cho Tam Thánh. Nói mau! Nói mau!

Phát do dự muốn nói. Sư đánh một gậy ngay sau lưng rồi nói: Người không được quên một gậy này.

Một hôm Phát được nghe một Tăng vào phòng sư hỏi đạo. Sư hỏi Tăng: Đức Sơn thấy Tăng vào cửa liền đánh, Lâm Tế thấy Tăng vào cửa liền hét, Tuyết Phong thấy Tăng vào cửa liền hỏi "là cái gì?"

Mộc Châu thấy Tăng vào cửa liền nói: "Công án sẵn sàng cho người ba mươi gậy".

Như bốn ông lão này còn có chỗ dạy người hay không?

Tăng đáp: Có.

Sư nói: Đáp.

Tăng do dự. Sư liền hét đuổi ra. Phát nghe xong bỗng tỉnh ngộ.

*

Một hôm Ý vào phòng Sư. Sư hỏi: Ta muốn một người chẳng hiểu thiền làm Quốc sư.

Ý nói: Tôi làm được Quốc Sư rồi.

Sư hét đuổi ra.

Trải qua một thời gian, Sư nói với Ý rằng: Chỗ Hương Nghiêm ngộ chẳng ở bên tiếng tre, chỗ Câu Đế ngộ chẳng ở trên ngón tay.

Ý cũng tỉnh ngộ.

*

Văn Thiện Đạo Khiêm Thiền Sư ban sơ y chỉ Viên Ngộ, sau theo Sư ở chùa Tuyên Nam. Khi Sư trụ trì Kính Sơn, khiến Khiêm đem thơ đi Trường Sa cho cư sĩ Tiá Nham.

Khiêm tự nghĩ “Mình tham thiền hai mươi năm còn chưa có chỗ ngộ nhập, nay lại phải đi đường xa xôi, thật uổng qua ngày tháng”. Ý muốn không đi. Người bạn thân là

Tôn Nguyên (đã kiến tánh) hét rằng: Chẳng lẽ đi đường tham thiền không được sao? Thôi ta với ông cùng đi.

Khiêm bắt đắc dĩ lên đường, mà vừa đi vừa chảy nước mắt, nói với Nguyên rằng: Tôi tham thiền lâu năm mà không có chỗ đắc lực. Nay lại đi đường bôn ba đâu thể được tương ưng vậy?

Nguyên nói: Nay ông đối với những cái đã đắc được ở các nơi, những cái đã ngộ được, những lời của Viên Ngộ, Diệu Hỷ nói với ông v.v... đều đừng có màng đến. Dọc đường những việc tôi có thể làm tôi sẽ làm dùm cho ông, chỉ có năm việc làm dùm không được, ông phải tự mình ứng phó.

Khiêm hỏi: Năm việc nào?

Nguyên nói: Mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, kéo cái tử thi đi trên đường.

Khiêm ngay đó lãnh ngộ.

Khi Khiêm gởi thơ xong trở về. Sư ở trên đỉnh Bán Sơn nhìn thấy liền nói: Ông này luôn cả xương tủy đều thay đổi rồi vậy.

Khiêm nghe rồi nói: Chỗ khám nghiệm của ông già không thua Phật Thích Ca.

Phụ lục: Lời khai thị của Khiêm thiền sư Khiêm rằng:

Thời giờ trôi nhanh hãy cố gắng công phu. Công phu chẳng có gì khó, chỉ cần buông xuống là được. Chỉ đem những cái đã có trên tâm thức nhứt thời buông xuống ấy là công phu chân chính giản dị. Nếu có công phu nào khác đều là si cuồng chạy bên ngoài. Sơn Tăng thường nói “Đi đứng ngồi nằm quyết định chẳng phải, kiến văn giác tri quyết định chẳng phải, ngôn ngữ vẫn đáp quyết định chẳng phải”.

Thử cắt tuyệt bốn đường dây này xem. Nếu không cắt tuyệt, quyết định không thể ngộ. Nếu bốn đường dây này cắt tuyệt thì đối với những công án như: Tăng hỏi Triệu Châu “Con chó có Phật tánh hay không?” Triệu Châu đáp “Không”. Hoặc hỏi “Thế nào là Phật?” Vân Môn đáp “Cục cứt khô”.v.v... chắc chắn sẽ ha hả cười to.

*

Tiền Phước Ngộ Bồn thiền sư y chỉ sư đã lâu mà không được ứng khả, bèn muốn bỏ đi. Sư nói với Bồn rằng: Người hãy quyết tâm tham cứu. Nếu có sở đắc, không cần mở miệng ta đã biết rồi.

Lúc ấy có một Tăng nghe Bồn nhập thất, cố ý nói với Bồn rằng: Ông Bồn tham thiền nhiều năm, mỗi ngày chỉ nói được một câu "không hiểu".

Bồn giận nói: Cái thằng quỷ này! Tao cho mày biết, khi mày chưa sanh, tao đã ba lần từ chức trong chùa rồi từ đó, Bồn thêm dững mãnh tham công án "Con chó không có Phật tánh". Một hôm gần canh ba Bồn dựa cột chánh điện đang ngủ mê, bất giác chữ "Không" tự ra nơi miệng, bỗng nhiên đốn ngộ.

Ba ngày sau, Sư từ Châu Thành về, Bồn đến phòng trụ trì, chân vừa bước vào, chưa kịp mở miệng, Sư liền nói: Râu xồm Bồn! Lần này mới thật là triệt ngộ.

Kế đó Bồn qua thăm ông Khiêm nơi chùa Kiến Vương, gặp Khiêm đang kể bài tụng của thiền sư Bảo Minh về nhân duyên Ngũ Thông Tiên Nhân rằng:

*Từ vô lượng kiếp chưa từng ngộ,
Sao lại bất động đến tận trong.
Chớ nói Phật pháp không có nhiều,
Khổ thay Cồ Đàm "một thông kia".*

Khiêm nói thêm: Ta rất thích câu "sao lại bất động đến tận trong".

Đã là bất động thì làm sao đến? Xem bậc cổ nhân đã ngộ rồi, tùy nghi nói ra tự nhiên giải nhằm chỗ ngứa của người. Bôn nói: Vì sao lại nói "Khô thay Cồ Đàm một thông kia"?

Khiêm nói: Khi mà chưa sanh, tao đã ba lần từ chức trong chùa rồi vậy.

Đến đây, hai người nhìn nhau cười to.

Sự vấn đáp của bạn đồng tham rất có ích lợi, cũng như ân chúng từ khế ước chẳng sai, cho đến trong tâm rõ ràng sáng tỏ khiến người đời sau được tưởng nhớ mô phạm ngàn xưa.

*

Dục Vương Phật Chiêu Đức Quang Thiên Sư ban sơ y chỉ Quang Hóa Cát Thiên Sư. Một hôm Quang vào phòng trụ trì, Cát hỏi: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?

Quang ngỡ ngác, từ đó phát khởi nghi tình, suốt đêm không ngủ.

Hôm sau đến phòng trụ trì thỉnh ích: Hôm qua đội ơn Hòa thượng ban cho câu hỏi "Đã chẳng phải tâm, lại chẳng Phật, cũng chẳng phải vật, rốt cuộc là cái gì?" Mong hòa thượng từ bi khai thị!

Cát oai hùng rằng: Sa Di này! Còn muốn ta chú thích cho ngươi sao?

Liên đem gậy đánh đập đuổi ra.

Quang do đó được ngộ. Kế đó đi tham vấn các tôn túc danh tiếng, nhưng tự cảm thấy không thỏa mãn. Lúc Sư trụ trì chùa Dục Vương, Quang đi y chỉ. Sư ở trong phòng hỏi Quang: Gọi cây gậy thì trái, không gọi là cây gậy thì nghịch, không cho nói, không cho nín.

Quang muốn đáp, Sư liền đánh. Quang hoá nhiên đại ngộ. Tất cả sở đắc trước kia ngay đó tan rã.

*

Ngạn Sơn Năng Nhân Tổ Nguyên Thiên Sư ban sơ đi tham học Tuyết Phong Dự đều đã khế cơ. Sau y chỉ Sư nơi chùa Vân Môn. Lúc đêm đang ngồi, bỗng thấy một Tăng khơi tim đèn mới chứng ngộ triệt để, có bài kệ rằng:

*Khoi lên tìm đèn là lửa
Nhiều kiếp vô minh chiếu phá
Về chùa gặp được Thánh Tăng
Thiếu chút trước mặt lướt qua
Không lướt qua, là cái gì?
Mười lăm năm trước tất kỳ lạ
Chỉ là cái này y như cũ.*

Sư tặng cho bài kệ rằng:

*Vực thăm muôn trượng dám buông thân
Đứng dậy như trước vẫn tĩnh bơ
Khát uống đói ăn vốn vô sự
Đâu kể người xưa phi người xưa.*

Tướng Sơn Thiện Trực Thiên Sư ban sơ tham vấn Sư nơi Hội Ngạn Phong. Một hôm Sư hỏi: Thượng Tọa là người xứ nào?

Trực đáp: Người An Châu.

Sư hỏi: Ta nghe người An Châu hay vật lộn phải không?

Trực bèn làm thế như vật lộn.

Sư nói: Người Hồ Nam ăn cá, sao lại người Hồ Bắc mắc xương.

Trực nhào lộn một cái rồi đi ra.

Sư nói: Ai dè trong tro lạnh có một hạt đậu chín nỏ. Bình Giang Tư Thọ Ni Vô Trước Diệu Tổng Thiên Sư là cháu gái của thừa tướng Tô Công Tụng. Khi hơn ba mươi tuổi, từ bỏ việc thế gian đi tham khắp các tôn túc, chánh tín đã đầy đủ.

Lúc Sư trụ trì Kính Sơn, Tổng đến y chỉ kiết hạ, nghe Sư thăng tòa kể công án Dược Sơn tham Thạch Đầu Mã Tổ thì hoá nhiên đốn ngộ. Khi Sư xuống tòa, Phùng Tế Xuyên theo Sư vào phòng nói: Tôi hiểu được công án của hòa thượng vừa kể rồi.

Sư hỏi: Cư sĩ hiểu như thế nào?

Xuyên đáp: Thế ấy cũng không được, Su Lu Sa Bà Ha, chẳng thế ấy cũng không được, tức Ly Sa Bà Ha, thế ấy chẳng thế ấy đều không được, Su Lu tức Ly Sa Bà Ha.

Sư kể lại cho Tổng nghe. Tổng nói: Đã thấy Quách Tượng chú thích Trang Tử. Kẻ biết được lại nói là Trang Tử chú thích Quách Tượng.

Sư thấy lời của Tổng kỳ lạ nên đề ra công án "Nham Đầu với bà già" để hỏi.

Tổng đáp bài kệ rằng:

***Một lá thuyền nhỏ trôi mênh mông.
Chèo ghe phân biệt tiếng âm thanh.
Núi mây trắng nước đều buông bỏ.
Chỉ được Trang Tử "bướm mộng" dài.***

Sư liền thôi.

*

Tế Xuyên nghi sự ngộ của Tổng chưa triệt. Sau đi Vô Tích gặp Tổng hỏi về công án "Một bà sanh bảy đứa con, sáu đứa chẳng gặp tri âm. Chỉ một đứa này cũng không được, bèn bỏ trong nước", xong rồi nói: Thầy Đại Huệ nói Ni Sư hiểu được, không biết hiểu như thế nào?

Tổng nói: Những lời kể trên đều là chân thật.

Tế xuyên ngạc nhiên.

Một hôm Tổng vào phòng trụ trì, Sư hỏi: Người xưa không ra khỏi phòng sao lại đi ăn bánh ở xã khác được?

Tổng nói: Hòa Thượng tha lỗi cho Diệu Tổng, Diệu Tổng mới dám trả lời.

Sư nói: Ta tha lỗi cho ngươi, ngươi thử nói xem.

Tổng nói: Diệu Tổng cũng tha lỗi cho Hòa Thượng.

Sư nói: Còn việc ăn bánh mà!

Tổng hét một cái rồi đi ra.

*

Cư sĩ Trương Cửu Thành khi chưa đậu làm quan, trong tâm ngưỡng mộ các cư sĩ đã kiến tánh, nên đi tham học với Báo Ấn Minh, hỏi về cương yếu nhập đạo.

Minh nói: Việc này chỉ cần đề câu thoại đầu niệm niệm liên tục, lâu ngày thuần thục, khi thời tiết đến, tự nhiên sẽ chứng nhập.

Rồi cho công án "cây bách trước sân" báo Thành tham mãi. Thành tham đã lâu không thấy gì, từ giã đến tham vấn Thiện Quyền Thanh Công.

Thành hỏi: Việc này mọi người đều có phần, mỗi mỗi đều sẵn sàng phải chăng?

Thanh Công đáp: Phải!

Thành hỏi: Tại sao tôi không có chỗ nhập?

Thanh Công lấy râu chuối trong túi ra rồi chỉ râu chuối hỏi: Cái này của ai?

Thành suy nghĩ không thể đáp.

Thanh Công bỏ râu chuối lại vào túi rồi nói: Của ông thì cứ lấy đi. Vừa qua suy nghĩ thì chẳng thể của ông rồi.

Thành ngơ ngác.

Một đêm đi cầu, đang đề câu thoại đầu, nghe tiếng con ếch kêu, bỗng nhiên khê ngộ, nói kệ rằng:

Mùa xuân đêm trăng một tiếng ếch.

Đụng bề càn khôn chung một nhà.

Chính ngay lúc đó ai hiểu được.

Trên đỉnh chân đau có Huỳnh Sa.

(Huỳnh Sa qua đỉnh núi, đụng đá đau chân được ngộ).

Đến sáng đi tham vấn Pháp Ấn Nhứt, hỏi đáp rất khế hợp. Nhân đàm giỗ có trai Tăng tại chùa Minh Tịnh, chủ Tăng Duy Thượng vừa gặp liền giơ hai tay, Thành liền hét, Thượng bặt tai Thành, Thành bước tới, Thượng liền nói: Trương Cửu Thành sao lại phỉ báng Đại Bát Nhã.

Thành nói: Chỗ thấy của tôi chỉ như thế. Hòa Thượng (Duy Thượng) lại là thế nào?

Duy Thượng đem công án "Mã Tô thắng tòa, Bá Trượng cuốn chiếu" để hỏi Thành. Lờì chưa dứt, Thành liền xô ngã bàn, Thượng hô to: Trương Cửu Thành giết người!

Cửu Thành đứng lên hỏi một Tăng kế bên: Ngươi lại là thế nào?

Tăng ấy ngơ ngác. Thành liền đánh rồi nhìn Thượng rằng: Tô Di không xong, liên lụy con cháu.

Thượng cười to.

Thành trình bài kệ rằng:

Nhân duyên cuốn chiếu rất lạ kỳ.

Các nơi nghe nói đều nhượng mảy.

Bàn ghế xô ngã, người tan rã.

Xưa nay ngậy thơ chẳng bị lừa.

Thành thi đậu Trạng Nguyên rồi đi tham vấn Thượng nữa.

Thượng nói: Phù-Sơn viên-Giám nói “Dầu cho người vào được cửa Phần Dương rồi mới đến cửa Phù-Sơn cũng chưa thể thấy được lão Tăng nữa”. Vậy ông cho là thế nào?

Thành hét Tăng thị giả rằng: Sao không trả lời?

Tăng ấy ngờ ngác.

Thành đánh Tăng ấy một bạt tai nói: Trong hang con cóc quả thật không có con rỗng.

Một hôm Thành đi thăm Thủ Tọa Quy. Mới gặp, Quy liền hỏi: Nghe nói học sĩ nghe tiếng con ếch kêu mà có chỗ ngộ nhập phải chăng?

Thành hỏi: Ở đâu được tin tức này?

Quy đáp: Công án sẵn sàng dầu làm chi!

Thành hô to: Lửa cháy rồi.

Quy nhìn Tăng kể bên. Thành nói: Cháy đến gót chân ông rồi.

Quy nói: Tưởng người có chỗ hay, rốt cuộc chỉ có thế mà thôi.

Một ngày kia, Thành cùng Quy ngồi hơi lửa. Quy bỗng cầm đũa bếp nói: Không được gọi là đũa bếp, rốt cuộc gọi là gì?

Thành giựt đũa bếp rồi đá ngã lò lửa, xong đi ra. Lúc ấy Sư trụ trì Kính Sơn. Có người truyền ngữ yếu của Sư cho Thành, Thành xem rồi than rằng “Thiền tông còn có người xuất sắc. Tiếc chưa được gặp!” Năm sau Thành đến Kính-Sơn tham vấn. Một hôm cùng Phùng Tế Xuyên bàn về "Cách vật", khi ấy có mặt Sư, Sư nói: Thành chỉ biết có cách vật mà không biết có vật cách.

Thành mờ mịt không hiểu gì. Sư cười to.

Thành hỏi: Sư có thể khai thị chăng?

Sư đáp: Trong tiểu thuyết có ghi một người nhà Đường với An Lộc Sơn mưu phản. Người ấy trước kia làm Thái thú Tây Thục có để lại một bức tượng. Khi Đường Minh Hoàng đến Tây Thục, thấy bức tượng liền nổi giận, sai quan hầu dùng kiếm chém đầu bức tượng. Lúc ấy Thái thú ở tỉnh Thiểm Tây, đầu bỗng rơi xuống đất.

Thành nghe xong đôn ngộ ý chỉ, đề chữ trên vách rằng:

Từ Thiệu cách vật, Đàm Hối vật cách.
Muốn biết nhất quán (bất nhị) hai cái ngũ bách.

Sư liền ấn chứng cho.

Một hôm khác, Thành hỏi Sư: Tiền bối đã đắc xong, tại sao còn muốn bàn luận về Tứ Liệu Giản của Lâm Tế?

Sư nói: Cái sở đắc của ông chỉ có thể nhập Phật, không thể nhập ma. Đâu thể bỏ qua Tứ Liệu Giản ư!

Thành kể chuyện Khắc Phù hỏi Lâm Tế đến chỗ nhân và cảnh đều đoạt cảm thấy vui mừng thì Sư nói: Ta thì không như thế.

Thành hỏi: Ý của Sư thế nào?

Sư nói: Đánh sập thành Thái Châu, giết cả Ngô Nguyên Tế.

Thành ngay đó được đại ngộ.

Thành thường nói với người ta rằng "Tôi mỗi lần nghe nhân duyên của ông già Kính Sơn như ngàn nhà muôn cửa, chẳng cần đá một chân thì mở ra hết. Cái đại sự cuối cùng của tôi đã nhờ ông già Kính Sơn mới được liễu triệt". Thành với Tâm Xuân đạo nhân bàn về hai câu "Không lo niệm khởi, chỉ e giác chậm", rồi Thành có bài kệ rằng:

*Niệm là tặc tử, giác là tặc thủ.
Giết chết tặc thủ, tặc tử về đâu.
Đại lộ bằng phẳng, một mình ta đi.
Bắc Yên, Nam Việt, Liêu Đông, Lũng Tây.
Buông tay liền đến, lo gì nghi gì.
Thần kiếm cầm tay, ánh sáng chói rọi.
Yêu mị ma quỷ không dám nhìn tới.
Áy gọi Chân Giác xưa nay sẵn sàng.*

Sư nói tiếp:

*Nói giác nói niệm, trở trái làm mặt.
Vô niệm vô giác, chỗ nào đoán mò.
Khởi là ai khởi, giác là ai giác.
Cửa ngõ mở toang, thái hư trống rỗng.
Thẳng tay tiến hành, chẳng màng ai.
Xưa nay sẵn sàng, lúc nào làm.*

Thành chuyên tâm tu hành, chẳng lo cho con cháu. Lấy Kinh Hoa Nghiêm làm thiện tri thức.

Cư sĩ Lý Hán Lão ham mê Tổ Sư Thiền nhiều năm. Nghe Sư bài xích Mặc Chiếu là tà thiền, trong tâm nghi ngờ lại nổi giận, đến thăm Sư để quan sát kỹ. Gặp lúc Sư đang khai thị cho chúng, kể công án "Cây bách trước sân" của Triệu Châu, Sư nói rằng:

*Trước sân có cây bách.
Hôm nay nói lên nữa.
Đập tan cửa Triệu Châu.
Đặc biệt tìm ngôn ngữ.*

Xin hỏi đại chúng "Đã lỡ đập tan cửa Triệu Châu tại sao lại nói đặc biệt tìm ngôn ngữ?"

Giây lâu lại nói:

*Ban sơ tưởng là sậy ngắn dài,
Đốt rồi mới biết đất không bằng.*

Cư sĩ bỗng lãnh ngộ, nói với Sư: Nếu không có câu chót của lão Sư thì chắc phải uổng qua một đời này.

THƯ ĐÁP VỀ PHÁP YẾU

(1)

THƯ ĐÁP LÝ HIẾN THẦN

I

Phật nói:

*Nếu người muốn biết cảnh giới Phật,
Ý căn thanh tịnh như hư không.
Xa lìa vọng tưởng và chấp thủ,
Khiến tâm khắp nơi đều vô ngại.*

Cảnh giới Phật chẳng phải cảnh giới ngài có tướng Phật bên. Ấy là cảnh giới của thánh trí tự giác vậy. Nếu muốn biết cảnh giới này, chẳng nhờ trang nghiêm tu chứng mà được, phải ở nơi ý căn tẩy sạch các thứ ô nhiễm phiền não từ vô thủy đến nay khiến cho trống rỗng như hư không, xa lìa những chấp thủ trong ý thức và những vọng tưởng hư vọng chẳng thật. Ý căn nếu như hư không thì Diệu Tâm vô công dụng này tự nhiên khắp nơi chẳng chướng ngại.

II

Đã học đạo này, trong mười hai thời, nơi tùy duyên tiếp vật không cho ác niệm tương tục, hoặc khi sơ sót khởi một niệm ác phải gấp kéo đầu trở lại. Nếu để mặc nó tương tục không dứt, chẳng những chướng đạo, cũng gọi là người không trí tuệ.

Khi xưa Quy Sơn hỏi Đại An: Ngươi trong mười hai thời việc làm thế nào?

An nói: Chăn trâu.

Sơn nói: Ngươi chăn như thế nào?

An nói: Một phen vào lúa mạ, liền kéo mũi trở về.

Sơn nói: Ngươi là người chăn trâu chân thật.

Người học đạo kiểm chế ác niệm nên như Đại An chăn trâu thì lâu ngày tự thuần thực vậy.

III

"Cung người, ta chớ cầm, ngựa người, ta chớ cưỡi, việc người, ta chớ biết. "Lời này dù tâm thường cũng có thể làm trợ duyên để đi vào đạo. Hàng ngày thường nên tự kiểm điểm từ sáng tới tối đã làm việc gì tự lợi, lợi người? Nếu cảm thấy hơi thiên một bên thì phải tự cảnh sách, chẳng nên khinh thường. Xưa kia thiền Sư Đạo Lâm kết am trên cây tùng nơi núi Tàn Vọng, người thời ấy gọi Ngài là Hòa Thượng "ổ chim". Khi Bạch Cư Dị làm quan Thị Lang ở Tiền Đường có vào núi thăm Sư. Ông thưa: Chỗ ở của Sư rất nguy hiểm.

Sư Nói: Lão Tăng có gì nguy hiểm. Thị Lang càng nguy hiểm hơn.

Đệ tử trần thủ giang sơn có gì nguy hiểm?

Cùi lửa lẫn lộn, tánh thức chẳng ngừng, há chẳng phải nguy hiểm ư!

Dị lại hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư nói: Việc ác chớ làm, việc thiện phụng hành.

- Con nít ba tuổi cũng biết nói như thế.

- Con nít ba tuổi dù nói được, ông già tám mươi hành chẳng được.

Dị liền lễ bái cáo từ.

Nay muốn ít phí tâm lực chớ màng đến con nít nói được hay nói chẳng được, ông già tám mươi hành được hay hành chẳng được, hễ việc ác chớ làm thì xong. Lời này tin hay không tin xin nghĩ kỹ!

*

Vô minh của người đời tuy đang hiện hành, nếu làm thiện thì phước dù chưa đến cũng hơn người không liêm sỉ mang danh thiện mà làm ác. Trong Kinh nói: "Nhân địa chẳng chơn thì chiêu quả quanh co". Hễ trực tâm trực hành, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề mới gọi là việc làm của đại trượng phu chân thật. Việc từ trần sa kiếp chỉ ở hiện nay, nếu hiện nay được hội được thì việc từ trần sa kiếp tức thời tan rã. Nếu hiện nay chẳng hội thì lại trải qua trần sa kiếp nữa, cũng chỉ như thế thôi. Cái pháp như thế xưa nay thường vậy, chưa từng có một chút dời đổi.

Việc trần lao trong thế gian như mắt xích nối nhau không dứt. Hễ giảm bớt được thì cứ bớt, vì tập khí từ vô thủy đã quá quen thuộc, nếu không ra sức chống lại thì lâu ngày bất tri bất giác lún đầu xuống sâu, đến khi lâm chung ắt tay chân rối loạn. Nếu muốn khi lâm chung không rối loạn thì phải từ cuộc sống hàng ngày hiện nay làm việc gì cũng phải không rối loạn mới được.

Có một hạng người sáng thì xem kinh niệm Phật sám hối, tối thì tạo khẩu nghiệp chửi mắng người, hôm sau lễ Phật sám hối như cũ. Từ đầu năm đến cuối năm, mỗi ngày làm thời khóa như thế, ấy thực là quá ngu si. Không biết chữ sám là tiếng Phạn, chữ hối là tiếng Hán, nghĩa là phải đoạn dứt cái tâm tương tục. Hễ sám hối thì dứt hẳn, chẳng còn tạo tội nữa. Theo ý Phật nên sám hối như thế, người học đạo phải biết đúng như vậy.

*

Người học đạo trong mười hai thời, tâm ý thức thường nên yên tịnh. Lúc rảnh cũng nên yên tịnh, khiến thân tâm chẳng buông lung. Tập lâu thành quen thuộc, tự nhiên thân tâm hướng về đạo.

Nhưng yên tịnh Ba La Mật chỉ để trị bệnh vọng giác tán loạn của chúng sanh mà thôi. Nếu chấp ở nơi yên tịnh cho là cứu cánh thì sẽ bị lọt vào tà thiên Mặc chiếu.

*

Bát Nhã là tiếng Phạn dịch là trí tuệ. Chưa có người đã thấu rõ Bát Nhã lại còn tham sân si ái, cũng chưa có người đã thấu rõ Bát Nhã mà lại còn độc hại chúng sanh, vì làm những việc này là trái nghịch Bát Nhã, đâu thể gọi là trí tuệ.

*

Hàng ngày đem việc sanh tử thường đề trong niệm thì tâm trí đã chánh. Tâm trí đã chánh thì khi ứng dụng hàng ngày tùy duyên làm việc, chẳng phí sức buông bỏ tà ác. Chẳng tà ác thì chánh niệm độc thoát, chánh niệm độc thoát thì lý tùy sự biến, lý tùy sự biến thì sự đắc lý dung, sự đắc lý dung thì ít phí sức lực. Khi vừa cảm thấy ít phí sức lực tức là chỗ đắc được trong việc học đạo này. Chỗ đắc được ít phí sức vô cùng. Chỗ ít phí sức là chỗ đắc sức vô cùng.

*

Việc này cho người thông minh lanh lợi gánh vác, nhưng nếu ý thông minh lanh lợi thì chẳng có phần để gánh vác. Kẻ thông minh lanh lợi dù dễ nhập đạo mà khó nơi bảo nhiệm, vì chỗ nhập cạn mà sức yếu. Vì người thông minh lanh lợi vừa nghe thiện tri thức nói ra liền đem tâm ý thức lãnh hội ngay vậy. Nếu cứ lãnh hội như thế là tự làm chướng ngại, suốt kiếp không khi nào được ngộ, vì ma quỷ bên ngoài gây họa còn có thể trị, còn chính tự tâm mình chướng ngại thì vô phương trị.

Chứng Đạo Ca rằng:

Tồn pháp tài, diệt công đức, tất cả đều do tâm ý thức.

IV

Học giả rộng xem nhiều sách vốn để nuôi dưỡng và lợi ích cho tánh thức. Nay ngược lại, chỉ ghi nhớ lời người xưa chứa trong bụng cho là sự nghiệp, dùng để đàm luận, mà chẳng biết ý thuyết giáo của bậc Thánh. Cũng như suốt ngày đêm tiền của người khác, tự mình lại chẳng có được nửa xu. Xem đọc kinh giáo của Phật cũng vậy, nên nhìn thấy mặt trăng mà quên ngón tay, chớ nên y văn giải nghĩa.

Cổ đức nói:

***Phật thuyết tất cả pháp,
Vi độ tất cả tâm.
Ta chẳng tất cả tâm,
Đâu cần tất cả pháp.***

Kẻ có chí khí xem kinh đọc sách nên theo cách như thế mới thể hội được ít phần của bậc Thánh.

KHAI THỊ LÝ HIỂN THẦN

I

Phật nói: Chẳng nên ở nơi một pháp, một việc, một thân, một quốc độ, một chúng sanh mà thấy Như Lai. Nên cùng khắp tất cả nơi mà thấy Như Lai.

Phật nghĩa là giác, ở nơi tất cả chỗ thường giác. Nói thấy khắp nghĩa là thấy bốn nguyên tự tánh thiên chân Phật của chính mình, không có một lúc nào, một chỗ nào, một pháp nào, một sự nào, một việc nào, một thân nào, một cõi nước nào, một chúng sanh giới nào mà không khắp. Chúng sanh mê cái này mà luân chuyển trong ba cõi (dục, sắc và vô sắc giới), chịu các thứ khổ. Chư Phật ngộ cái này mà vượt khỏi ba cõi, thọ sự vui thù thắng nhiệm mầu. Nhưng khổ vui đều không có thực thể, chỉ vì có mê ngộ sai biệt mà có các đường khổ vui khác nhau đó thôi. Cho nên Ngài Đỗ Thuận (sơ tổ tông Hoa Nghiêm) nói: Pháp thân lưu chuyển trong năm đường (trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục) gọi là chúng sanh. Lúc chúng sanh hiện thì pháp thân chẳng hiện vậy.

II

Thiện ác đều từ tự tâm sanh khởi. Thử nói xem: lia đi đứng ngồi nằm, suy nghĩ phân biệt ra, lấy cái gì làm tự tâm? Tự tâm từ đâu mà khởi? Nếu biết được chỗ khởi của tự tâm thì vô biên nghiệp chướng nhất thời tan rã, các thứ thù thắng không cầu mà tự đến vậy.

Thêm nữa, biết được chỗ đi chỗ đến mới gọi là người học Phật. Biết kẻ sanh tử là ai? Biết thọ sanh tử là ai? Kẻ chẳng biết chỗ đi chỗ đến là ai? Kẻ bỗng biết được chỗ đi chỗ đến lại là ai? Khán thoại đầu này con mắt ngơ ngơ hiểu không được, trong bụng trời lên hụp xuống, trong tâm giống như một đóm lửa, lại là ai? Nếu muốn biết, chỉ cần hướng vào chỗ "hiểu không được" mà nhận lấy. Nếu nhận được rồi mới biết sanh tử vốn chẳng dính dáng gì cả. Lại nói, phàm xem kinh giáo và nhân duyên nhập đạo của cổ đức tâm chưa sáng tỏ, cảm thấy mê muội, không mùi vị, giống như đang cắn cục sắt, ngay đó chính là lúc nên dụng công phu, không được buông bỏ, ấy là chỗ ý thức ngưng vận hành suy nghĩ chẳng thể đến, tuyệt phân biệt, bất lý lẽ. Bình thường nếu có thể nói được đạo lý, phân biệt được chỗ hành, đều là việc bên tính thức. Nhiều người thường hay nhận giặc làm con, cần phải biết việc này vậy.

(2)

THƯ ĐÁP HUỲNH BÁ THÀNH.

Cổ đức nói:

*Tìm trâu theo dấu tích.
Học đạo phải vô tâm.
Dấu còn thì trâu còn.
Vô tâm đạo dễ tìm.*

Nói vô tâm chẳng phải như gỗ đá vô tri, ấy chỉ là gặp duyên thấy cảnh, tâm đều chẳng lay động. Đối với các pháp chẳng chấp thật, tất cả nơi trong sạch vô chướng ngại, chẳng chỗ ô nhiễm cũng không trụ nơi chẳng ô nhiễm. Quán xét thân tâm như mộng như huyễn cũng không trụ nơi cảnh hư vô mộng huyễn. Đến được cảnh giới này mới gọi là chân vô tâm, chẳng phải cái vô tâm của miệng nói. Nếu chưa được chân vô tâm, chỉ căn cứ theo lời nói thì so với tà thiên Mặc Chiêu đâu có khác gì!

Hễ được gốc, chớ lo ngọn. Tẩy sạch được tâm này là gốc, đã được gốc thì mỗi mỗi ngôn ngữ, mỗi mỗi trí tuệ hàng ngày tùy duyên tiếp vật. Thất điên bát đảo, hoặc giận hoặc vui, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc thuận hoặc nghịch, đều là ngọn vậy. Nếu ở nơi tùy duyên được tự giữ bản giác thì chẳng thiếu chẳng dư.

Người học đạo ứng dụng hàng ngày, cảnh không thì dễ mà tâm không thì khó. Nếu cảnh không mà tâm chẳng không thì tâm bị cảnh lôi kéo. Nếu tâm không thì cảnh tự không. Nếu tâm đã không mà còn muốn khởi niệm thứ hai để không cái cảnh, ấy là tâm này chưa không, lại bị cảnh đoạt. Nếu bệnh này chẳng trừ thì sanh tử không lý nào thoát ly được.

Như Bàng Uẩn trình kệ Mã Tổ rằng:

*Mười phương đồng tụ hội.
Mỗi mỗi học vô vi.
Đây là nơi tuyển Phật.
"Tâm không" thì đậu về.*

Tâm này đã không rồi thì ngoài tâm đâu còn vật gì để cần không nữa! Suy nghĩ kỹ đi.

(3)

THƯ ĐÁP LA MẠNH BÁCH

Sự chướng đạo của tâm ý thức còn quá hơn rắn độc, cọp dữ. Tại sao vậy? Vì rắn độc, cọp dữ còn có thể trốn tránh, còn những người thông minh lanh lợi lấy tâm ý thức làm hang ổ, đi đứng nằm ngồi chưa từng có khoảnh khắc xa lìa nó, lâu ngày bất tri bất giác cùng nó kết thành một khối, cũng chẳng phải muốn thành một khối vì từ vô thủy đến nay đã đi con đường này quá quen thuộc, dù bỗng khám phá được cái hại của nó nhưng muốn xa lìa cũng chẳng thể được. Cho nên nói: "Đối với độc cọp dữ còn có thể trốn tránh nhưng với tâm ý thức thực chẳng có chỗ để trốn tránh".

(4)

THƯ ĐÁP TỪ ĐÔN LẬP

Bậc sĩ phu trí thức phần nhiều dùng cái tâm có sở đắc để cầu cái pháp vô sở đắc. Thế nào là tâm có sở đắc? Đó là tâm thông minh lanh lợi, suy nghĩ tính toán. Thế nào là pháp vô sở đắc? Đó là cái chỗ suy nghĩ chẳng đến, tính toán chẳng được, thông minh lanh lợi không có chỗ dùng. Thấy chăng? Phật Thích Ca trên hội Pháp Hoa, Xá Lợi Phất ba phen ân cần thưa hỏi mà khi đó Phật Thích Ca không có gì để mở niệng, rốt cuộc Ngài tận lực cũng chỉ có thể nói: "Pháp này chẳng phải suy nghĩ phân biệt có thể

hiều được". Đây là cây dùi để mở cửa phương tiện, hiển thị chân thật tướng, là việc cùng tốt của Phật Thích Ca. Xưa kia Thiên sư Tuyết Phong cũng vì thiết tha về việc này mà ba phen đến Đầu Tử, chín lần đến Động Sơn. Vì nhân duyên không khế hợp, sau đến thiên hội Đức Sơn.

Một hôm Phong hỏi Đức Sơn rằng: Tông phong từ xưa nay dùng pháp nào khai thị người?

Đức Sơn nói: Tông ta không có ngữ cú, cũng chẳng có một pháp để khai thị người.

Phong hỏi: Việc trong thiên tông từ xưa nay, người học như con còn có phần hay không?

Đức Sơn cầm gậy đánh xuống rằng: Nói cái gì!

Tuyết Phong ngay dưới gậy liền vỡ tung được thùng sơn đen (ngộ). Theo đó mà xem thì biết trong cửa này, thông minh lanh lợi, phân biệt tính toán một chút cũng dùng không được. Cổ đức có nói: "Bát Nhã như đồng lửa lớn, gần nó ắt bị đốt cháy mặt mày, tính toán suy tư ắt rơi vào ý thức".

Chứng Đạo Ca nói:

Tổn pháp tài diệt công đức.

Tất cả đều do tâm ý thức.

Cho nên biết tâm ý thức chẳng những chướng đạo, mà còn khiến người điên đảo làm điều bất thiện nữa. Nếu đã có tâm muốn thấu đáo đạo này, cần phải có chí quyết định chẳng đến được chỗ đại thôi nghi, đại giải thoát, thì suốt đời không lui sụt.

Thực ra Phật pháp chẳng có nhiều, tu lâu khó đắc là vì việc trong trần lao của người đời như mắt xích nối nhau không dứt, kẻ ý chí hạ liệt thường cam chịu làm bạn với chúng, chẳng hay chẳng biết bị chúng lôi kéo đi tuốt, ngoại trừ những người thực có huệ căn, có nguyện lực mới chịu dứt hẳn trần lao. Chứng Đạo Ca nói: "Thực tánh của vô minh tức là Phật tánh, thân huyền hóa này tức là Pháp thân. Nếu giác được Pháp thân thì chẳng có một vật, Bản nguyên là tự tánh thiên chân Phật". Nếu suy nghĩ như thế, thành linh nhập vào chỗ suy nghĩ chẳng thể đến, thấy được cái "vô nhất vật" của Pháp thân, tức là chỗ ra khỏi sanh tử của hành giả. Đoạn trước nói: "Pháp vô sở đắc chẳng thể dùng tâm có sở đắc để cầu" là nghĩa này vậy.

Bậc sĩ phu trí thức trong cuộc sống, suốt đời suy lường tính toán, vừa nghe thiện tri thức thuyết pháp vô sở đắc trong tâm liền nghi hoặc, e sợ lọt vào KHÔNG. Diệu Hỷ (Đại Huệ) mỗi khi gặp thấy thì hỏi họ rằng: "Kẻ e sợ lọt vào KHÔNG này liệu có thể không như nó được chẳng?" Người đời thường trăm phần trăm mịt mù không rõ vì hàng ngày cứ đem suy nghĩ tính toán làm nhà cửa, chột nghe nói không có chỗ để suy nghĩ thì cảm thấy hoang mang mịt mù, chẳng có chỗ dựa. Không biết ngay nơi chẳng có chỗ dựa đó tức là chỗ an thân lập mạng của chính mình. Đạo hữu Đôn Lập trước kia gặp gỡ ở Di Môn; khi ấy tuổi trẻ khỏe mạnh, đã biết có đại sự nhân duyên này (từ NGHĨ đến NGỘ) nhưng vì rộng học nhiều sách, nơi kinh sử đã nhập quá mức vào quá thâm sâu, thông minh quá lớn, lý lẽ quá nhiều, định lực thì quá ít, bị việc làm hàng ngày lôi kéo, nên đối với việc "dưới gót chân" (tham thiền) chẳng thể đạt đến miền mật. Nếu chánh niệm hiện tiền mãi mãi, cái tâm thống thiết việc sanh tử không biến đổi, thì trải qua ngày tháng lâu dài ắt chỗ lạ tự quen, chỗ quen tự thành lạ vậy.

Lại chỗ nào là chỗ quen? Ấy là thông minh lanh lợi, suy nghĩ tính toán. Chỗ nào là chỗ lạ? Ấy là Bồ Đề Niết Bàn Chân như Phật tánh, chỗ suy tư cất tuyệt, chỗ suy nghĩ đo lường chẳng thể đến, chỗ không thể dùng tâm sắp đặt.

Hễ khi thời tiết đến, hoặc ở nơi nhân duyên nhập đạo của Cổ Đức, hoặc khi đang xem kinh, hoặc đang làm việc hàng ngày đối với những thiện những bất thiện, những thân tâm tán loạn, những cảnh giới thuận nghịch hiện tiền v.v... đang khi ấy nếu được tâm ý thức tạm ngưng nghỉ, bỗng nhiên "đập bẻ ống khóa" (kiến tánh) cũng chẳng phải việc khó.

(5)

THƯ ĐÁP ĐẶNG TỬ LẬP

Gần đây các tông lâm thường đem lời vấn đáp kỳ lạ của người xưa làm nhân duyên sai biệt để mê hoặc học giả mà không căn cứ vào thực tế. Chỗ Phật thuyết pháp chỉ e người nghe không hiểu, dấu cho có thuyết lời vi ẩn cũng dẫn chứng thí dụ khiến chúng sanh dễ ngộ nhập.

Cũng như Tăng hỏi Mã Tổ: Thế nào là Phật?

Tổ nói: Tức tâm là Phật.

Nếu ở đây ngộ nhập thì đâu có gì sai biệt. Nếu ở đây chẳng ngộ thì ngay câu "tức tâm là Phật" này liền thành nhân duyên sai biệt. Người tham thiền xem kinh giáo và nhân duyên vào đạo của Cổ Đức cần phải để rỗng rang cái tâm của mình, chẳng nên hướng lên trên danh tự nghĩa cú mà cầu huyền diệu, cầu ngộ nhập. Nếu khởi cái tâm này tức là tự chướng cái chánh tri kiến của chính mình, thì suốt kiếp cũng chẳng có chỗ ngộ nhập.

Bàng Sơn nói: "Ví như dùng kiếm chém hư không, không kẻ trúng hay không trúng, hãy chú ý nhé".

Duy Ma Cật nói: "Pháp siêu việt nhân nhĩ tử thiết thân ý". Muốn triệt ngộ pháp này, trước tiên cần phải ngăn trừ nơi cửa lục căn không để cho có chút lỗi lầm. Cái gì là lỗi lầm? Đó là bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp dính mắc mà không thể xa lìa, lại ở nơi ngôn cú của cổ đức và kinh điển cầu tri kiến, tìm giải hội. Nếu như có thể ở trong kinh điển và nhân duyên vào đạo của cổ đức mà không khởi một niệm nào khác, ngay đó trở về tự tánh thì đối với cảnh giới mình, cảnh giới người đều như ý, tự tại vậy.

Đức Sơn thấy Tăng vào cửa liền đập, Lâm Tế thấy Tăng vào cửa liền hét. Tôn tức các nơi gọi đó là "ngay đó nhắc nhở trước mặt, thẳng tay phó chúc". Nhưng Diệu Hỷ lại gọi là dính sơn dính sinh, dấu cho ngay nơi một gậy một hét mà toàn thân gánh vác được đã là một kẻ không phải là đại trượng phu, bị họ tạt một gáo nước thôi ngay đầu rồi, huống là ở nơi một gậy một hét mà cầu kỳ lạ, tìm diệu hội ư! Ấy là kẻ trong xấu hổ lại thêm xấu hổ.

(6)

THƯ ĐÁP LỮ THUẬN NGUYỄN

Xưa kia Đồ Úy Lý Văn Hòa tham vấn thiền sư Thạch Môn Từ Chiêu, ngộ được của tông chỉ của Lâm Tế, có làm bài kệ rằng:

*Học đạo, tâm cứng như sắt,
Thẳng tay, trong lòng vững chắc.
Chụp ngay Vô Thượng Bồ Đề,
Tất cả thị phi chẳng màng.*

Lành thay lời này, có thể giúp cho học vấn sáng tỏ, phát ra đại dụng vậy. Còn bảo Phật là thuốc của chúng sanh, chúng sanh bệnh lành thì thuốc cũng vô dụng. Nếu

bệnh lành còn giữ thuốc thì chỉ có thể nhập cảnh giới Phật, mà chẳng thể nhập cảnh giới ma, vẫn còn là bệnh. Bệnh này với bệnh chúng sanh chưa lành đâu có khác. Hễ bệnh lành thì thuốc cũng bỏ, Phật, ma đều quét thì mới có thể đối với đại sự nhân duyên này có chút phần tương ứng.

Phật là kẻ đã liễu sự trong cõi chúng sanh, chúng sanh là kẻ bất liễu sự trong cõi Phật. Muốn được như một thì phải đem Phật với chúng sanh buông xả một lượt, vậy mới không có sự liễu với sự bất liễu.

Cổ Đức nói:

***Hễ ở nơi sự thông vô sự,
Thấy sắc nghe tiếng khởi mù điếc.***

Con người dù biết được đạo lý thế gian hư vọng chẳng thật, song đến khi đối cảnh gặp duyên, sự thực bỗng hiện trước mắt, muốn không tùy thuận nó nhưng vẫn phải bị nó lôi kéo đi. Bởi vì tập khí từ vô thủy đến nay, chỗ quen đã quá quen, chỗ lạ thì quá lạ, nên tuy tạm biết được rõ, song đạo lực chẳng thắng được nghiệp lực.

Vậy thế nào là chỗ quen của nghiệp lực? Thế nào là chỗ lạ của đạo lực?

Thật ra đạo lực và nghiệp lực vốn chẳng cố định, chỉ cần xem chỗ hiện hành hàng ngày có tham ái hay không mà thôi. Nếu có tham ái thì nghiệp lực thắng đạo lực. Nghiệp lực thắng thì khi gặp cảnh duyên liền bị kẹt, gặp cảnh duyên bị kẹt thì chỗ nào cũng dính mắc, chỗ nào cũng dính mắc thì gặp khổ, vui đều là khổ. Cho nên Phật Thích Ca nói với Di Lặc rằng: “Nếu người cho sắc, không đoạt nhau (sanh diệt lẫn nhau) nơi Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng tùy theo sắc, không mà cùng khắp pháp giới, thế nên mới có những hiện tượng gió thổi thì động, hư không thì tĩnh, mặt trời hiện thì sáng, mặt trời lặn thì tối. Vì chúng sanh mê muội, bỏ bản giác theo cảnh trần, nên sanh khởi trần lao mà có tướng thế gian”. Ấy là nghiệp lực thắng đạo lực.

LƯỢC GIẢI:

Sắc không đoạt nhau nơi Như Lai Tạng:

Tại sao nói sắc, không đoạt nhau? Như ban ngày thấy sáng khắp hư không, ban đêm thấy tối khắp hư không, đó là sáng tối tự sanh diệt đoạt nhau chẳng dính dáng với hư không. Hư không chưa từng sáng tối. Hư không dụ cho Như Lai Tạng. Do nghiệp lực sanh khởi trần lao mới thấy có gió động tịnh, mặt trời sáng tối v.v... lãng xăng đoạt nhau trong Như Lai Tạng mà chẳng dính dáng với Như Lai Tạng. Như Lai Tạng chưa từng dính mắc trần lao. (lược giải hết)

Phật Thích Ca lại nói: “Ta có cái diệu minh bất sanh bất diệt hợp với Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng chỉ có diệu giác sáng tỏ chiếu khắp pháp giới. Thế nên một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, khắp mười phương cõi đạo tràng chẳng động, thân gồm mười phương hư không, nơi đầu sợi lông hiện Phật sát, ngồi trong hạt bụi chuyển pháp luân”. Đây là chỗ hiện hành đạo lực thắng nghiệp lực.

Dù nói như thế nhưng sự thật cả hai đều là hư vọng. Nếu bỏ nghiệp lực mà chấp đạo lực thì tôi dám bảo rằng người này chẳng hội được phương tiện tùy nghi thuyết pháp của chư Phật. Tại sao vậy? Như Phật Thích Ca nói: “Nếu chấp pháp tướng tức là dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng cũng là dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Do đó chẳng nên chấp pháp cũng chẳng nên chấp phi pháp”. Đoạn trên tôi nói: “Đạo lực và nghiệp lực vốn chẳng cố định” là nghĩa này vậy.

Nếu là bậc đại trượng phu, mượn đạo lực làm công cụ để phá trừ nghiệp lực, nghiệp lực đã trừ thì đạo lực cũng hư vọng. Nên nói: “Chỉ dùng giả danh tự dẫn dắt chúng sanh”. Lúc chưa khám phá thì khó lắm, còn sau khi khám phá rồi thì có gì khó dễ đâu!

Bàng Uẩn nói:

*Phàm phu chí lượng hẹp,
Vọng nói có khó dễ.
Lià tướng, như hư không,
Khế hợp chư Phật trí.
Giới tướng cũng như không,
Kẻ mê tự tác trì.
Gốc bệnh chẳng nhổ sạch,
Chỉ là đùa hi hi.*

Muốn biết gốc bệnh chẳng? Chẳng phải vật gì khác, mà chỉ là cái chấp khó chấp dễ, vọng sanh lấy bỏ đó. Cái gốc bệnh này nhổ không sạch, thì phải chìm nổi trong biển sanh tử chẳng có ngày ra.

Xưa Tú tài Trương Tuyết vừa bị bậc tôn túc điểm đúng căn bệnh, liền hội và nói:

*Dứt trừ phiền não càng thêm bệnh,
Hướng đến Chân như cũng là tà.
Tùy thuận thể duyên vô quái ngại!
Niết Bàn sanh tử bằng không hoa.
(hoa đốm trên không)*

Muốn được thẳng tắt, chẳng nghi Phật, Tổ, chẳng nghi sanh tử, chỉ cần để cho tâm lòng trống rỗng, việc đến thì tùy duyên ứng phó, mà tâm định như nước trong lặng, chiếu soi như gương sáng tỏ. Nếu tướng thiện ác, xấu đẹp nào đến, trôn một may may không được, vậy mới tin biết cái cảnh giới vô tâm tự nhiên bất khả tư nghi.

(7)

NGUY CÔNG THỈNH THĂNG TÒA

Sư khai thị: Muốn biết pháp chẳng? Ấy là Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh. Muốn biết bệnh chẳng? Ấy là tham sân, tà kiến, vọng tưởng, điên đảo. Mặc dầu như thế, nhưng lià điên đảo vọng tưởng thì chẳng có Chân Như, Phật Tánh; lià tham sân, tà kiến thì chẳng có Bồ Đề, Niết Bàn. Như thế phân là đúng hay là chẳng phân là đúng? Nếu phân thì còn một bỏ một, cái bệnh càng nặng. Nếu chẳng phân thì Chân Như, Phật Tánh mơ hồ, rốt cuộc làm sao nói rõ cái lý lẽ “trừ bệnh chẳng trừ pháp”.

Có người vừa nghe những lời kể trên liền nói: “Tức pháp là bệnh, tức bệnh là pháp. Hễ có ngôn thuyết đều chẳng phải nghĩa thật. Nếu thuận theo Chân Như thì vọng tưởng, điên đảo, tham sân, tà kiến thầy đều là pháp. Nếu thuận theo điên đảo thì Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn thầy đều là bệnh”. Nếu có kiến giải như thế thì chẳng những không đủ tư cách mặc đồ tu, mà muốn làm nô lệ cho Tọa chủ cũng không thể được. Tại sao? Như Cổ Đức nói: “Nếu có một pháp hơn pháp Niết Bàn, ta nói cũng như mộng huyễn”. Nếu được ở trong mộng huyễn, như thực mà chứng, như thực mà giải, như thực mà tu, như thực mà hành, dùng cái pháp như thực đó khéo tự điều phục, rồi khởi tâm đại bi làm mọi phương tiện để điều phục tất cả chúng sanh, mà đối với chúng sanh chẳng có cái tư tưởng điều phục hay không điều phục, cũng chẳng nghĩ rằng đó là vọng tưởng, điên đảo, tham sân, tà kiến; chẳng nghĩ rằng đó là Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, chẳng nghĩ rằng đó là “trừ bệnh chẳng trừ

pháp”, chẳng nghĩ là “còn một bỏ một”, “phân hay chẳng phân”. Nếu chẳng có những suy nghĩ như thế thì được nhứt đạo trong sạch, bình đẳng, giải thoát.

(8)

THƯ ĐÁP TẶNG THIÊN DU

PHỤ THƯ HỎI:

Lúc tôi ở Trường Sa được thư của Lão sư Viên Ngộ nói: "Ông lúc tuổi già tham thiên sở đắc rất là kỳ vĩ". Tôi nhiều lần nghĩ đến điều đó, nay đã tám năm rồi, thường hận chưa được đích thân nghe lời dạy bảo. Thật xiết bao ngưỡng mộ!

Tôi từ ấu niên đã phát tâm tham lễ các bậc tri thức, cúi đầu đánh lễ hỏi đến việc này. Từ tuổi trưởng thành về sau, bị việc hôn nhân và quan chức sai khiến nên việc dụng công chẳng được thuần nhất. Từ đó đến ngày nay, tuổi đã già rồi, đối với điều chưa được học hỏi thường tự hổ thẹn thở than, lập chí phát nguyện nếu chẳng ngộ thì thôi, bằng ngộ thì phải thân chứng đến chỗ đại thời nghỉ của người xưa mới thôi. Tâm này tuy chưa từng có một niệm lui sụt, nhưng tự biết công phu chưa được thuần nhất, có thể nói là chí nguyện lớn mà lực lượng nhỏ vậy.

Trước đây tôi có thống thiết thỉnh cầu Lão Sư Viên Ngộ khai thị, Lão Sư đã dạy cho tôi sáu đoạn pháp ngữ. Đoạn đầu tiên chỉ thẳng việc này, sau nêu ra hai công án "Núi Tu Di" (1) và "Buông xuống đi" (2) của Vân Môn và Triệu Châu. Ngài bảo suốt ngày âm thầm thường giữ nghi tình, lâu ngày ắt được ngộ nhập. Tâm Ngài từ bi thiết tha đến thế, ngặt vì tôi quá ngu dại.

Nay may mắn các việc trần duyên của tư gia đều xong cả, rảnh rang không bận việc gì, cũng chính là lúc tôi thống thiết tự cố gắng để thỏa mãn đền đáp lại cái chí nguyện ban đầu. Nhưng còn hận chưa được gần gũi để nghe lời Ngài dạy bảo.

Một đời bê bối đã cặn kẽ trình bày, chắc Ngài có thể soi thấu được tâm này, ngưỡng mong nhận được lời răn nhắc.

Hàng ngày tôi phải dụng công như thế nào, ngõ hầu chẳng lạc vào lối khác, ngay thẳng khế ngộ tự tánh?

Nói ra như thế cảm thấy rất hổ thẹn, nhưng tỏ lòng thành thật chẳng dám giấu giếm. Xin Ngài lượng tình thương xót cho.

Kính bái.

GHI CHÚ

(1): Có vị tăng hỏi Vân Môn: "Chẳng khởi một niệm có lỗi hay không?" Sư đáp "Lỗi bằng núi Tu Di".

(2): Có vị tăng hỏi Triệu Châu: "Lúc một vật chẳng đem đến thì thế nào?" Sư đáp: "Buông xuống đi".

THƯ ĐÁP

I

Theo thư ông đã trình bày, từ ấu niên cho đến lúc làm quan, ông đã từng tham lễ các bậc đại Tông sư, thời tráng niên ông bị khoa cử, hôn nhân, quan chức chi phối, lại bị các sự hiểu biết và thói quen xấu xa thắng thế nên công phu chưa thể thuần nhất được, và ông cho đó là một cái tội lớn. Ông lại hay thiết tha nghĩ đến thế gian vô thường, các pháp hư huyền, không có chút gì gọi là vui mà chuyên tâm muốn tham cứu một đoạn đại sự nhân duyên này.

Như thế các điều đó rất hợp lòng tôi.

Song đã là kẻ sĩ, sống nhờ lộc Vua thì khoa cử, hôn nhân, quan tước là những điều ở thế gian không ai tránh khỏi, cũng không phải là cái tội của ông. Vì một chút tội nhỏ mà sanh lòng lo sợ lớn, nếu chẳng phải do nhiều kiếp từ vô thủy đến nay đã từng thân cận bậc Thiện Tri Thức chân chánh, huân tập sâu xa chủng trí Bát Nhã thì đâu được như thế. Nhưng điều mà ông cho là cái tội lớn đó, hiền thánh cũng chẳng tránh được. Song, đã biết đó là pháp hư huyền, chẳng phải cứu cánh, mà hồi tâm vào trong cửa này, dùng nước trí Bát Nhã (nghĩ tình) rửa sạch cấu nhiễm, ngay dưới chân cắt đứt tất cả tâm phan duyên không cho tương tục nữa là đủ rồi, không cần nhớ trước nghĩ sau vậy. Đã nói hư huyền thì lúc làm cũng huyền, lúc thọ cũng huyền, lúc mê cũng huyền, lúc giác cũng huyền, quá khứ hiện tại vị lai thấy đều là huyền. Hôm nay biết lỗi thì dùng thuốc huyền để trị cái bệnh huyền. Nếu bệnh lành ắt thuốc cũng bỏ, người thì vẫn y như cũ, chỉ là người xưa kia thôi (1). Nếu đặt ra có người thật, có pháp thật, ấy là kiến giải của tà ma ngoại đạo vậy. Mong ông hãy suy xét kỹ!

GHI CHÚ: (1) *Bệnh là mê, hết bệnh là ngộ, ngộ rồi mà chẳng trụ nơi ngộ nên nói đồng như chưa ngộ, nghĩa là vẫn như người thuở xưa vậy.*

Chỉ cần tham mãi như thế thì luôn luôn ở trong thẳng tịnh. Nhất là không được quên hai công án: "Núi Tu Di" và "Buông xuống đi". Chỉ cần trong tâm chân thật tham cứu đi! Việc đã qua không cần lo sợ, cũng không cần suy nghĩ, vì suy nghĩ, lo sợ đều là chướng đạo.

Chỉ cần phát đại thệ nguyện được gặp bậc Thiện Tri Thức, ngay dưới một lời liền dứt sanh tử, chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nối huệ mạng Phật hầu đền đáp thâm ân to tát của chư Phật.

Nếu như thế thì lâu ngày không có lý gì mà không ngộ. Phải biết Thiện Tài Đồng Tử lúc ở trước Ngài Văn Thù phát tâm trải qua một trăm mười thành, tham vấn năm mươi ba vị Thiện Tri Thức, sau cùng đến chỗ Đức Di Lặc, trong khoảng búng ngón tay tức thì quên hết các pháp môn đã đắc từ các bậc Thiện Tri Thức trước (nghĩa là ngộ). Lại y theo lời Đức Di Lặc dạy, nghĩ muốn thân cận Ngài Văn Thù. Ngay lúc ấy Ngài Văn Thù từ xa đuổi cánh tay mặt qua một trăm mười do tuần đến xoa đầu Thiện Tài và bảo: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Nếu lia Tín căn thì tâm yếu kém, lo âu, ăn năn, công hạnh chẳng được đầy đủ, lui sụt sự cần mẫn tinh chuyên. Đối với một thiện căn tâm sanh trụ trước, được ít ở một ít công đức bèn cho là đủ là chẳng khéo phát khởi hạnh nguyện, chẳng được thiện tri thức nhiếp hộ, cho đến chẳng thể biết rõ pháp tánh như vậy, chỉ thú như vậy, pháp môn như vậy, sở hành như vậy, cảnh giới như vậy. Đối với những năng lực như cái biết cùng khắp, cái biết đủ thứ, cái biết triệt để, thấu triệt thâm sâu, diễn giải, phân biệt, ngộ giải, chứng đắc, thấy đều chẳng được".

Ngài Văn Thù dạy Thiện Tài như thế, Thiện Tài ngay dưới lời nói này liền thành tựu vô lượng pháp môn, đầy đủ vô lượng quang minh đại trí, vào cửa Phổ Hiền. Ở trong một niệm thấy hết các vị thiện tri thức số nhiều như vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới và được thân cận, cung kính, cúng dường, thọ giáo, được trí "niệm chẳng quên", trang nghiêm giải thoát. Nơi một lỗ chân lông của Ngài Phổ Hiền, siêu việt số thế giới cõi Phật nhiều như vi trần, bất khả thuyết, bất khả thuyết, đồng như Phổ Hiền, đồng như chư Phật, cõi đồng, hạnh đồng và giải thoát tự tại cả thấy đều đồng, không hai không khác. Lúc ấy, mới có thể chuyên ba độc tham, sân, si thành ba tụ tịnh giới (1), chuyên sáu thức thành sáu trần thông, chuyên phiền não thành Bồ Đề, chuyên vô

minh thành đại trí. Những điều kể trên chỉ ở tại một niệm chân thật cuối cùng của đương nhân mà thôi.

GHI CHÚ:

(1) - *Ba tu tịnh giới:*

1- *Nhiếp Luật nghi giới.*

2- *Nhiếp Thiện pháp giới.*

3- *Nhiều ích hữu tình giới.*

Như thế, Thiện Tài ở chỗ Đức Di Lạc trong khoảnh khắc búng ngón tay còn có thể bỗng quên tam muội sở chứng từ của các thiện tri thức, huống là những ác nghiệp, tập khí hư ngụy từ vô thủy ư! Nếu cứ cho các tội đã làm khi trước là thật thì cảnh giới trước mắt hiện nay cũng phải thật có, cho đến quan chức, phú quý, ân ái thủy đều là thật. Đã là thật thì địa ngục, thiên đàng cũng là thật, phiền não vô minh cũng là thật, người tạo nghiệp cũng thật, người chịu quả báo cũng thật, pháp môn đã chứng cũng thật. Nếu kiến giải như thế thì tận đời vị lai cũng không có người vào Phật thừa và các phương tiện của chư Phật chư Tổ trái lại trở thành vọng ngữ cả.

Theo lời ông nói, lúc gởi thơ này ông đã đốt hương lễ bái trước Phật, Tổ và từ xa hướng về am này cúi lạy rồi mới gửi. Ông thành tâm chí thiết đến thế, chúng ta tuy cách nhau không xa nhưng chưa có dịp giáp mặt đàm luận mà hôm nay ý tự nhiên nghĩ, tay tự nhiên viết, bất giác dông dài như thế này, đó chẳng qua là cũng xuất phát từ lòng chí thành, chẳng dám có một lời một chữ dối gạt nhau. Nếu như tôi dối ông là cũng tự dối vậy.

Tôi còn nhớ Thiện Tài tham kiến Bà La Môn tối tịch tịnh được "thành ngữ giải thoát". Chư Phật, Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai đối với vô lượng Bồ Đề đã không lui sụt, hiện không lui sụt, sẽ không lui sụt, phạm hề câu điều gì cũng được thành tựu viên mãn là đều do chí thành mà được. Ông đã cùng với ghé trúc, bò đoàn làm bạn, chẳng khác nào Thiện Tài gặp Bà La Môn Tối Tịch Tịnh. Lúc gởi thư đến Vân Môn (1) này, ông còn đối trước Phật, Tổ và từ xa lễ lạy rồi mới gửi, và tha thiết muốn nhận được thư của tôi, đó là sự chí thành tốt bậc vậy. Hễ tin nhau thì hãy thực hành công phu như thế, tương lai nhất định sẽ thành tựu viên mãn Vô Thượng Bồ Đề không sai vậy.

GHI CHÚ:

(1) *Lời Ngài Đại Huệ tự xưng, vì Ngài trụ trì tại Chùa Vân Môn.*

*

II

Ông xuất thân dòng phú quý mà chẳng bị phú quý trói buộc, nếu chẳng phải đời trước gieo trồng chủng trí Bát Nhã thì đâu thể được như vậy. Chỉ e ông quên ý này, bị thông minh lanh lợi chướng ngại, dùng cái tâm có sở đắc để cầu pháp vô sở đắc, nên chẳng thể ở nơi nguồn gốc cho một dao cắt đứt ngay đó thôi nghĩ như cỏ nhân vậy. Bệnh này chẳng riêng sĩ phu trí thức mà tăng sĩ tham học lâu năm cũng mắc phải. Họ phần nhiều không chịu ở nơi ít phí sức làm công phu, chỉ dùng ý thức thông minh so đo suy nghĩ để hướng ngoại tìm cầu, chợt nghe thiện tri thức trước mặt khai thị về việc bản phận vượt ra ngoài phạm vi ý thức thông minh so đo suy nghĩ thì lại bỏ qua. Lại tưởng Cổ Đức có pháp thật cho người.

Ngài Nham Đầu (828-887) nói: "Buông vật là cao, chạy theo vật là thấp". Phải biết cương yếu của Thiền Tông cần nên biết cú (ngữ). Thế nào là cú? Khi chẳng nghĩ điều gì là chánh cú, cũng gọi là lịch lịch (rõ ràng), cũng gọi là tỉnh tỉnh, cũng gọi là thế ấy. Đem cái "thế ấy" đó để phá tan tất cả thị phi nhưng mới nói thế ấy thì chẳng phải thế

ấy rồi, cho nên gặp cú quét cú gặp phi cú quét phi cú, giống như một đồng lửa hồng, đụng gì cũng cháy, đâu thể có chỗ dựa.

Sĩ phu trí thức thời nay phần nhiều đem suy nghĩ so đo làm nơi nương náu, mới nghe lời nói "thế ấy" bèn cho là lọt vào "ngoan không". Khác chi chỉ vì nghi sợ ghe chìm mà đã vội nhảy xuống nước trước để bị chết đuối. Thật rất đáng thương xót!

Gần đây, tôi có đến Giang Tây gặp Lữ Cư Nhân, Cư Nhân từ lâu, đã lưu tâm đến Tổ Sư Thiên này và cũng mang cùng một bệnh ấy. Ông ta đâu chẳng phải là người không thông minh ư!

Tông Cao tôi có hỏi ông: Ông sợ tôi rơi vào không, vậy ông có biết được người sợ đó là không hay là chẳng không? Thử nói xem!

Ông ta ngẫm nghĩ muốn tìm câu trả lời, lúc ấy tôi liền hét cho một tiếng, cho đến ngày hôm nay ông ta vẫn còn mờ mịt, dò xét mặt mũi chẳng được. Đó là vì trước kia đã ôm cái tâm cầu ngộ, tự làm chướng nạn, chứ chẳng do việc gì khác. Nay Ông hãy thực hành Công phu tham Thiên như thế, lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ được đến nơi.

Nếu muốn đem tâm chờ ngộ, đem tâm chờ thôi nghi thì dù tham mãi đến Di Lạc hạ sanh cũng chẳng thể ngộ, cũng chẳng thể thôi nghi, trái lại càng thêm mê muội mà thôi.

Hòa Bỉnh Điền nói:

*Thần quang bất muội
Vạn Cổ huy du
Nhập thử môn lai
Mạc tồn tri giải*

Dịch nghĩa:

*Thần quang chẳng phải sáng tối
Luôn luôn chiếu soi vạn cổ
Những ai muốn nhập cửa này
Cần phải quét sạch tri giải*

Cổ Đức nói: "Việc này chẳng thể dùng hữu tâm cầu, chẳng thể dùng vô tâm đắc, chẳng thể dùng ngữ ngôn tạo, chẳng thể dùng im lặng thông". Trên đây là những lời tha thiết bậc nhất để dạy bảo hậu học mà thường thường người tham thiền chỉ đọc qua rồi thôi, không chịu xét nét kỹ lưỡng xem đó là đạo lý gì. Nếu là người có chí khí, vừa nghe nói đến liền ngay đó đem bảo kiếm Kim Cương Vương chém một nhát đứt bốn sợi xiềng xích này (*bốn sợi xiềng xích là hữu tâm, vô tâm, nói, nín*) như vậy thì đường sanh tử đứt, đường phàm thánh cũng đứt, so đo suy nghĩ cũng đứt, đắc thất thị phi cũng đứt, dưới gót chân người ấy sạch trơn không còn gì để nắm. Há chẳng khoái thay! Há chẳng sướng thay!

Xưa kia Hòa Thượng Quán Khê(trang 100 đến trang 111)

(9)

THƯ ĐÁP LÂU KHU MẬT

Chẳng biết sau khi chia tay chỗ ứng duyên hàng ngày ông chẳng bị ngoại cảnh lôi kéo chẳng? Đối với những văn kiện chất trên bàn làm việc có thể gạt qua một bên chẳng? Khi gặp người tiếp vật có bị lay động chẳng? Ở nơi tịch tịnh có nổi vọng tưởng chẳng? Đối với tham thiền có tạp niệm xen vào chẳng?

Phật nói:

*Tâm chẳng vọng lấy pháp quá khứ,
Cũng chẳng tham đắm việc vị lai,
Ở nơi hiện tại vô sở trụ,
Liễu đạt tam thế đều không tịch.*

Việc quá khứ hoặc thiện hoặc ác chớ nên suy lường, suy lường thì chướng đạo. Việc vị lai chớ nên tính toán, tính toán ắt cuồng loạn. Việc hiện tại ở trước mắt hoặc thuận hoặc nghịch cũng chớ nên để ý, để ý thì trong tâm bị nhiễu loạn. Cuộc sống hàng ngày tùy duyên ứng phó, tất cả chỉ xem là tạm thời thì sẽ thích ứng tự nhiên.

Gặp cảnh giới nghịch còn dễ tu, gặp cảnh giới thuận mới là khó. Lúc nghịch ý ta chỉ cần một chữ nhẫn chốc lát liền qua được, lúc cảnh giới thuận thì thật là chẳng có chỗ để trốn tránh, vì cảnh giới thuận ý mình ham thích như nam châm hút sắt dính chặt một chỗ. Vật vô tình còn vậy huống là vô minh hiện hành toàn thân sống trong đó. Gặp cảnh giới này nếu chẳng có trí tuệ thì bất tri bất giác bị nó lôi kéo vào lưới ma, muốn tìm đường ra thật là khó. Cho nên bậc Thánh xưa có nói: "Nhập được thế gian thì xuất thế gian không còn dư", tức là đạo lý này vậy. Gần đây có một số người tu hành lạc mất phương tiện, luôn luôn nhận vô minh hiện hành là nhập thế gian, bèn đem pháp thế gian cưỡng cho là việc "xuất thế gian không còn dư". Thật đáng thương xót! Duy Ma Cật có nói: "Phật vì những kẻ tăng thượng mạn mà thuyết pháp lia dâm nô si là giải thoát. Nếu những người không phải tăng thượng mạn thì Phật nói tánh dâm nô si tức là giải thoát". Nếu tránh được lỗi này thì ở nơi cảnh giới thuận nghịch chẳng có tướng khởi diệt, ấy mới lia được tên gọi tăng thượng mạn. Như thế mới có thể cho là nhập được thế gian và xuất thế gian không còn dư. Những điều nói trên đều là chỗ Diệu Hỷ tôi đã từng trải qua, hiện nay cũng chỉ tu hành như thế. Mong ông thừa lúc cơ thể còn khỏe mạnh cũng nhập tam muội này.

(10)

KHAI THỊ KHÔNG HUỆ

Dù được thân tâm yên tịnh vẫn cần phải nỗ lực, chớ nên hướng vào chỗ yên tịnh mà sanh tâm thích thú. Trong giáo môn nói đó là hàm sâu giải thoát rất đáng sợ hãi. Cần phải như hồ lô xoay chuyển trên mặt nước, tự do tự tại chẳng bị dính mắc, vào đờ vào sạch chẳng ngại chẳng chìm, mới được ở dưới cửa thiền có chút phần thân cận. Nếu chỉ ôm chặt được "đứa bé không khóc" thì đâu có tác dụng gì!

(11)

KHAI THỊ NGHIÊM TỬ KHAM

Ngài Lâm Tế nói: "Nếu người luôn luôn ngưng được cái tâm tìm cầu thì so với Phật Thích Ca chẳng khác". Lời này chẳng phải dối người. Như Thất Địa Bồ Tát, cái tâm cầu Phật trí chưa đầy đủ còn bị gọi là phiền não. Thực là chẳng có chỗ để sắp đặt, dính mắc một chút vật gì bên ngoài cũng không được. Mấy năm trước có một vị cư sĩ họ Hứa chỉ nhận được cái cửa bên ngoài, bèn gửi thư đến trình kiến giải rằng: "Ứng dụng hàng ngày nơi trống rỗng, chẳng có một vật để đối đãi, mới biết vạn pháp trong tam giới tất cả vốn là không có. Buông xuống hết thực là an lạc sung sướng". Do đó ta khai thị cho một bài kệ rằng:

*Chớ luyến chỗ thanh tịnh,
Thanh tịnh khiến người mê.
Chớ luyến chỗ sung sướng,
Sung sướng khiến người cuồng.*

*Như nước theo đồ đựng,
Tùy vương tròn dài ngắn.
Buông xuống, không buông xuống,
Lại xin suy nghĩ kỹ.
Tam giới và vạn pháp,
Có quê nào để về?
Nếu cứ chấp như thế,
Việc này rất chống trái.
Báo cho Hứa cư sĩ,
Người nhà tự làm hại.
Mở rộng thiên thánh nhãn,
Chẳng cần sự mong cầu.*

(12)

KHAI THỊ CHÂN NHƯ

Tâm chẳng tìm cầu, chẳng vọng tưởng, chẳng duyên các cảnh thì ngay chỗ nhà lửa trần lao này tức là chỗ giải thoát ra khỏi tam giới.

Phật chẳng nói sao: "Nơi tất cả cảnh vô y, vô trụ, vô phân biệt, thấy rõ pháp giới quảng đại an lập, liễu đạt tất cả pháp thế gian bình đẳng bất nhị, nên Viên Hành Địa Bồ Tát dừng sức trí huệ của mình tự động siêu việt tất cả nhị thừa, dù được cảnh giới Phật mà thị hiện trụ cảnh giới ma, dù siêu việt đạo ma mà hiện hạnh pháp ma, dù thị hiện hạnh đồng như ngoại đạo mà chẳng bỏ Phật Pháp, dù thị hiện tùy thuận tất cả thế gian mà thường hành tất cả pháp xuất thế gian". Đây là chân phương tiện trong nhà lửa trần lao vậy.

Người học Bát Nhã nếu bỏ phương tiện này tùy thuận trần lao, ắt phải bị ma nhiếp trì. Lại còn ở nơi cảnh tùy thuận gượng nói đạo lý rằng: "Phiền não tức Bồ Đề, vô minh tức đại trí". Chân thì đuổi theo có, miệng thì đàm luận không, thật chẳng biết tự trách mình bị nghiệp lực lôi kéo, lại còn dạy người xóa bỏ nhân quả. Bọn này bị tà ma ác độc xâm nhập tâm căn, muốn ra khỏi trần lao cũng như tạt dầu để cứu hỏa. Thật đáng thương xót! Nên biết đã triệt ngộ rồi mới có thể nói: "Phiền não tức Bồ Đề, vô minh tức đại trí". Trong diệu tâm vốn quảng đại, tịch diệt, trong sạch, sáng tỏ cũng như hư không chẳng có một vật gì có thể làm chướng ngại. Vậy thì chữ Phật cũng còn là vật bên ngoài, hướng chi còn có vô minh, phiền não để làm đối đãi ư!

(13)

THƯ ĐÁP TỪ ĐÔN TẾ

Việc này tỏ rõ như ban ngày, trong trẻo, sáng sủa, không biến, không động, không thêm, không bớt, chỗ tiếp xúc hàng ngày ở ngay mỗi người đều ứng hiện rõ ràng, nắm giữ nó thì không được, buông xả nó thì thường còn thênh thang vô ngại, bát ngát rộng không, như trái hồ lô trên mặt nước, lôi kéo chẳng được, cột trói nó chẳng được. Các bậc đắc đạo từ xưa đến nay được nó rồi, vào trong biển sanh tử trôi lên hụp xuống toàn thể thọ dụng không thiếu, không dư, như chiết cây chiên đàn thì mỗi nhánh đều là chiên đàn, vậy sanh tử trần lao từ đâu khởi. Lúc thu nhận kết quả lại dính mắc vào chỗ nào?

Đã không có chỗ dính mắc thì Phật là huyễn, pháp là huyễn, tam giới, thập nhị xứ, thập bát giới đều rộng không. Đến được chỗ này thì một chữ Phật còn không dính dáng. Vậy Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn chỗ nào mà có? Nên Bồ Đại Sĩ nói: "Sợ người sanh đoạn kiến, mới tạm lập giả danh". Người học đạo không hiểu, cứ

trong nhân duyên học đạo của cô nhân cầu huyền cầu diệu, cầu kỳ lạ, tìm tri giải, chẳng thể "thấy trăng quên ngón" ngay đó một dao cắt đứt.

Cũng như ngài Vĩnh Gia nói:

***Trong nắm tay không chấp có thật,
Tâm cảnh tương sanh vọng kiến lập.***

Cứ ở trong trần lao vọng sanh kiến chấp, tự trói buộc mình, Như Lai nói là kẻ đáng thương xót.

Hòa Thượng Nham Đầu nói: "Người chỉ cần vô dục, vô y, tức là Phật". Thực ra chỉ có một cục thịt do cha mẹ sanh, nếu một hơi thở không đến liền biến thành vật khác.

Ngoài cục thịt này ra đâu còn cái gì khác. Vậy lấy gì làm kỳ lạ, huyền diệu, lấy gì làm Bồ Đề, Niết Bàn, lấy gì làm Chân Như, Phật Tánh? Bậc sĩ phu trí thức muốn tham cứu việc này, không hướng theo thực tế, lại ở trên công án người xưa cầu tri cầu giải, dẫu cho tri cùng, giải tận, biết hết cả đại tạng giáo điển, khi ngày cuối cùng sanh tử đến thì một chút cũng dùng không được. Còn có một số người mới vừa nghe thiện tri thức kể việc này, lại đem tâm ý thức so sánh suy lường rằng: Nếu như thế chẳng phải lọt vào "không" sao? Đối với những người này, Diệu Hỷ bất đắc dĩ nói với họ: "Ông chưa từng được "không" lấy gì để sợ, như đi ghe chưa chìm đã vội nhảy xuống nước". Thấy họ chưa hiểu nên tôi không tiếc khẩu nghiệp nói dài dòng thêm: "Cái sợ lọt vào không đó còn có "không" được chẳng?"

Nghĩa "không" là hiển bày sự dụng: Mắt ông nếu chẳng không thì lấy gì để thấy sắc, tai ông nếu chẳng không thì lấy gì để nghe tiếng, mũi ông nếu chẳng không thì lấy gì để ngửi, lưỡi ông nếu chẳng không thì lấy gì để nếm, thân ông nếu chẳng không thì lấy gì để cảm giác, ý ông nếu chẳng không thì lấy gì để phân biệt vạn pháp?

Phật nói: "Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, và Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh, tất cả pháp của Phật thuyết và kẻ thuyết pháp này, kẻ nghe pháp này, kẻ thuyết ra như thế, kẻ thọ cái thuyết như thế, thấy đều chẳng có". Được như thế rồi gọi là không ư? Gọi là bất không ư, gọi là Phật ư, gọi là Bồ Tát ư, gọi là Thanh Văn ư, gọi là Duyên Giác ư, gọi là Bồ Đề, Niết Bàn ư, gọi là Chân Như, Phật Tánh ư?

Nếu tự cho ta thông minh lanh lợi chẳng bị người gạt thì xin hướng vào chỗ này xem xét cho đúng. Nếu xem xét ra được thì ở trong am cũng như ở ngoài cửa, còn xem xét chẳng ra thì rất kỵ khoa trương nói lời quá lớn. Kẻ đại trượng phu muốn tham cứu việc đại sự nhân duyên này cần phải không màng đến thế diện, tâm dững mãnh đứng thẳng, chớ chịu theo tình cảm, đem chỗ nghi của mình dán lên trên trán, hàng ngày tự như thiếu nợ người muôn triệu, bị người đòi nợ đuổi theo, chẳng có gì để trả nợ, sợ bị người sỉ nhục, không muốn gấp cũng phải gấp, không muốn bận rộn cũng phải bận rộn, không việc gì lớn hơn việc này, như thế mới có phần xu hướng. Suốt ngày suốt đêm, lúc uống trà ăn cơm, lúc vui lúc giận, chỗ sạch chỗ dơ, chỗ vợ con tụ tập, chỗ tiếp khách, chỗ làm việc, chỗ con cái cười gã, đều là thời tiết cảnh giác để làm công phu.

Xưa kia Lý Văn Hòa làm Thừa tướng trong phú quý tham thiền được đại ngộ, Dương Văn Công làm quan chức Hàn lâm tham thiền được ngộ, Trương Vô Tận đốc xứ tỉnh Giang Tây cũng tham thiền được ngộ, chỉ ba ông này đủ làm mô phạm "chẳng hoại tướng thế gian mà chứng thực tướng" vậy. Cần phải bỏ vợ con, từ quan chức, ăn mặc

cực khổ, tránh náo động cầu vắng lặng, vào trong hang quý ngồi thiền như cây khô rồi mới được ngộ đạo?

Bàng Uẩn nói:

*Hễ tự vô tâm nơi vạn vật,
Đâu sợ vạn vật thường nhiều quanh.
Trâu sắt không sợ sư tử rống,
Giống như người gỗ thấy con chim.
Bản thể người gỗ vốn vô tình,
Con chim gặp người cũng không sợ.
Tâm cảnh như như chỉ thế này,
Lo gì Bồ Đề đạo chẳng thành.*

Ở trong trần lao thế tục được không quên việc sanh tử, dù chưa thể kiến tánh nhưng cũng gieo được hạt giống Bát Nhã thâm sâu, kiếp khác ra đời cũng ít phí sức, cũng không đến nỗi lưu lạc trong ác đạo, hơn người đắm nhiễm trần lao chẳng cầu giải thoát, cứ nói việc này không dễ gì. Người đời phân nhiều có kiến giải như thế, thực đáng thương xót!

(14)

KHAI THỊ TẶNG THỨC TRÌ

Cổ Đức nói: "Từ xưa nay vốn chẳng có pháp để cho người, chỉ vì người chỉ đường mà thôi". Lại nói: "Hễ có sở đắc là chó sói kêu, vô sở đắc là sư tử rống". Phật là người thông suốt, trong bốn mươi chín năm thuyết pháp hơn ba trăm sáu mươi hội, tùy căn tánh chúng sanh mà dẫn dắt họ, nên ở trong mười pháp giới giảng thuyết một âm, chúng sanh tùy loại mỗi mỗi đều được lợi ích. Ví như gió đông thổi qua một cái thì muôn ngàn bông hoa cùng rộ nở, Phật thuyết pháp cũng như thế. Nếu có ý nơi mười pháp giới để làm lợi ích cho là có ta thuyết pháp, cho là có chúng sanh được độ, vậy thành có ngã chấp rồi.

Như Xá Lợi Phất ở trên hội Bát Nhã hỏi Văn Thù rằng: Chư Phật có giác ngộ pháp giới chăng?

Văn Thù đáp: Không. Xá Lợi Phất! Chư Phật còn bất khả đắc thì làm sao có Phật mà giác ngộ pháp giới! Pháp giới cũng bất khả đắc thì làm sao có pháp giới cho chư Phật giác ngộ!

Xem qua sự vấn đáp của hai Ngài thì đâu từng trụ vào chỗ nào. Từ xưa chư Phật chư Tổ thuyết pháp đều có thể cách như thế, chỉ vì con cháu sau này thất lạc tông chỉ, mỗi mỗi tự lập môn phái, tác yêu tác quái mà thôi.

(15)

THƯ ĐÁP HỨA THỌ NGUYÊN

Ông đủ lòng tin chân chánh, lập chí chân chánh, đó là nền tảng để thành Phật làm Tổ vậy.

Kẻ quê mùa này lấy hai chữ Trạng Nhiên đặt làm danh hiệu cho ông, như nước trạm nhiên (lóng trong) chẳng động thì hư minh tự chiếu, chẳng nhọc tâm lực. Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài trạm nhiên, không may may sót lọt. Chỉ dùng cái ấn này ấn định hết thầy chỗ, không gì phải, không gì chẳng phải, mỗi mỗi đều giải thoát, mỗi mỗi đều minh diệu, mỗi mỗi đều chân thật, lúc dùng cũng trạm nhiên, lúc không dùng cũng trạm nhiên.

Tổ Sư nói: "Hễ có tâm phân biệt so đo cái tự tâm hiện lượng thì thầy đều là mộng". Nếu tâm thức tịch diệt, chẳng có chút động niệm, gọi là chánh giác. Giác đã chánh thì hàng ngày trong mười hai thời thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm giác, phân biệt, đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh thầy đều trạm nhiên, cũng chẳng tự khởi tưởng điên đảo, có tướng, không tướng thầy đều thanh tịnh. Đã được thanh tịnh, lúc động thì hiển bày cái dụng của trạm nhiên, lúc bất động thì quy về thể của trạm nhiên. Thể dụng tuy khác mà trạm nhiên là một, như chiết cây chiên đàn thì mỗi nhánh đều là chiên đàn.

Ngày nay có một bọn tà sư "đặt điều", sự ngộ của họ chẳng thật cứ dạy người nhiếp tâm tĩnh tọa, ngồi đến bật hơi thở. Bọn này thật đáng thương xót!

Ông hãy thực hiện công phu như lời tôi chỉ dạy. Kẻ quê mùa này có dạy ông như thế cũng chỉ là chuyện bất đắc dĩ, nếu thật có việc thực hiện công phu như thế tức là làm nhiệm vụ ông. Tâm này vốn chẳng thực thể thì làm sao thu nhiếp được? Thu nhiếp rồi đặt ở chỗ nào? Đã không có chỗ đặt thì vô thời, vô tiết, vô cô, vô kim, vô phàm, vô thánh, vô đắc, vô thất, vô tịnh, vô loạn, vô sanh, vô tử, cũng không có cái tên trạm nhiên, cũng không có cái thể trạm nhiên, cũng không có cái dụng trạm nhiên, cũng không có người nói trạm nhiên, cũng không có người nhận lời nói trạm nhiên.

(16)

KHAI THỊ TRẦN MINH TRỌNG

Phật thuyết tất cả pháp,

Vì độ tất cả tâm.

Ta chẳng tất cả tâm,

Đâu cần tất cả pháp.

Pháp vốn vô pháp, tâm cũng vô tâm, tâm pháp đều không, là tướng chân thật. Hiện nay người học đạo phần nhiều sợ lọt vào không, kiến giải như thế là lầm nhận phương tiện, cho bệnh là thuốc, rất đáng thương xót! Nên Bàn Uẩn nói: "Người chớ sợ lạc vào không. Lạc vào không cũng chẳng phải xấu". Lại nói: "Nguyện không những gì mình đã có, chớ nhận những gì mình đã không". Nếu thấu rõ được lời này thì vô biên ác nghiệp vô minh ngay đó tan rã. Cả đại tạng giáo điển do Phật thuyết cũng chú giải câu này không được.

Hành giả nếu đủ lòng tin quyết định biết được có pháp đại giải thoát như thế, chỉ ở chỗ biết được đó "bật công tắc cho sáng" thì một lời của Bàn Uẩn với cả đại tạng của Phật thuyết chẳng hai chẳng khác, chẳng trước chẳng sau, chẳng xưa chẳng nay, chẳng thiếu chẳng dư, cũng chẳng thấy có tất cả pháp, cũng chẳng thấy có tất cả tâm, mười phương thế giới mênh mông trống rỗng. Cũng chớ cho là không, nếu cho là không thì có kẻ thuyết không, có kẻ nghe thuyết không, có tất cả pháp để nghe, có tất cả tâm để chứng, đã có nghe có chứng thì trong có tâm năng chứng, ngoài có pháp sở chứng, nếu bệnh này chẳng trừ, giáo môn gọi là chấp "có ta thuyết pháp". Cũng gọi là phi báng Phật-Pháp-Tăng. Như kinh nói: "Nếu chấp pháp tướng tức dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng cũng dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả". Ở trên nói "trong có tâm năng chứng, ngoài có pháp sở chứng" tức là đạo lý này vậy.

Có một Phật tử tên Trần Thuần biết thân là vọng, biết pháp là huyễn, ở nơi mộng huyễn khán công án "con chó không Phật tánh", bỗng khi rửa mặt "đụng nhằm lỗ mũi" (tĩnh ngộ) đã viết đến trình kiến giải về thiền như: "Cọp mới sanh ba ngày, sức mạnh đã đủ muốt con trâu". Chỗ trình kiến giải của ông ấy tuy còn hơi dính mắc nhưng cơ bản đã chánh, dù đại pháp chưa rõ, cũng chỉ là cái bệnh của người mới nhập

đạo mà thôi. Nếu được biết việc này rồi gạt qua một bên, lại đem diệu môn của chư Phật chư Tổ nhất thời cắt đứt, hướng về phía bên Oai Âm Vương để làm công phu, mới có thể ở nơi pháp được tự tại vậy.

Phật nói: "Nếu chỉ tán thán Phật thừa thì chúng sanh lặn hụp nơi biển khổ" Đã tin biết việc như thế, nên dùng sở chứng của mình để khuyếch sung thêm rồi mới chẳng bị pháp trói buộc, chẳng cầu pháp giải thoát, như thế cũng được, chẳng như thế cũng được, như thế chẳng như thế đều được. Phạm có ngữ cú, phạm có thọ dụng đều như "tráng sĩ xuất chiêu" chẳng nhờ tha lực, như tên đã lia cung không thể trở về ấy chẳng phải cố tình mà vì pháp vốn như thế. Được đến chỗ này rồi mới có thể nói những việc vô thiện, vô ác, vô Phật, vô chúng sanh. Nếu đại pháp chưa rõ mà nói những lời như thế, e sợ đọa vào chỗ ngài Vĩnh Gia nói:

*Trống rỗng không, xóa nhân quả,
Mênh mênh mông mông chiêu tai họa.*

Việc này nên biết.

Hễ được gốc chớ lo ngọn, huân tập lâu ngày thuần thực khỏi lo công phu chẳng thành khối. Gắng tham đi!

(17)

KHAI THỊ TRỊNH THÀNH TRUNG

Hiện nay người chưa rõ tâm địa thì phải nghi rằng: "Thế giới từ đâu sanh khởi? Sau này lại hướng chỗ nào mà tiêu diệt? Lại thế giới có trước hay là con người có trước?" Nếu nói thế giới có trước thì Cổ Đức chẳng nên nói "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Nếu nói con người có trước, vậy thế giới chưa có, con người cư trú ở chỗ nào? Như thế, nói thế giới có trước cũng không phải, nói con người có trước cũng không phải. Nếu đại pháp được rõ thì chẳng cần suy lường mà tự nhiên rõ ràng.

(18)

THƯ ĐÁP VƯƠNG ĐẠI THỤ

Chẳng biết sau khi từ biệt nhau hàng ngày ông thực hiện công phu như thế nào? Nếu như đã từng ở trên lý đánh được mùi vị, trong kinh giáo được mùi vị, trên lời nói Tổ Sư được mùi vị, chỗ mắt thấy tai nghe được mùi vị, chỗ đi đứng nằm ngồi được mùi vị, chỗ tâm nghĩ, ý tưởng được mùi vị thì tất cả mùi vị đó đều chướng ngại sự tham thiền. Nếu muốn thôi nghi triệt để thì hãy chớ màng đến những chỗ mùi vị đã được trước kia, lại hướng vào chỗ không thể mò bắt được, chỗ không có mùi vị, xem đó là cái gì? Nếu xem xét chẳng được, mò bắt chẳng được, càng thấy không có cái để nắm, ý thức, nghĩa lý đều chẳng thông, như gỗ đất, ngói đá..., khi ấy chớ nên sợ lộn vào không. Đây là chỗ buông thân xả mạng của hành giả. Lưu ý! Lưu ý!

(19)

THƯ ĐÁP LÝ TỰ BIỂU

Ông muốn Diệu Hỷ này viết thư khai thị cho ông chỗ cốt yếu thì ngay cái niệm cầu khai thị chỗ cốt yếu ấy đã là đứt đầu vào chỗ trói buộc rồi. Chẳng nên trên đầu lại mọc thêm đầu, tuy nhiên có người hỏi thì chẳng thể không đáp. Xin ông hãy đem hết các thứ đã đắc được ngày trước như tự xem kinh giáo, thoại đầu, hoặc nhờ người dạy bảo khai thị, mà được mùi vị hoan hỷ, đều nhất thời buông hết, y như trước vẫn là trăm điều chẳng biết trăm điều chẳng hội, giống như đứa bé ba tuổi có thức tánh mà chưa biết dùng. Lại hướng vào chỗ trước kia chưa khởi một niệm cầu khai thị cốt yếu đó

mà khán. Khán đi khán lại, cảm thấy càng không mùi vị, trong tâm càng không yên ổn, lúc ấy càng phải tiến lên. Chỗ này chính là "chỗ cắt đứt đỉnh đầu" của ngàn Thánh (sấp ngộ). Thường thường người học đạo phần đông đến chỗ trước khi chưa khởi một niệm cầu khai thị cốt yếu đó mà khán. Khán đi khán lại, hốt nhiên như nằm mơ thức dậy, việc này không sai.

(20)

THƯ ĐÁP TRƯỞNG DƯƠNG THỨC.

Trong mọi hành vi của lão cư sĩ đều đã thâm hợp với đạo, như chưa thể đến được chỗ bùng vỡ cuối cùng. Nếu hàng ngày ứng duyên chẳng mất công phu, dù chưa được "ồ" lên một tiếng (kiến tánh) thì lúc lâm chung Diêm Vương còn phải chấp tay đầu hàng huống là một niệm tương ưng ư!

Diệu Hỷ tuy chưa đích thân gặp mặt, nhưng biết ông làm việc lớn nhỏ tùy nghi, không thái quá, không bất cập, như thế tức là chỗ hợp với đạo. Đến đây chẳng cần cho là trần lao, chẳng cần cho là Phật pháp. Phật pháp, trần lao đều là việc bên ngoài, cũng chớ nên cho là việc bên ngoài. Chỉ cần hồi quang phản chiếu xem những cái suy nghĩ kể trên từ đâu mà có? Lúc làm việc có hình thái gì? Khi làm việc đã xong, thỏa mãn ý mình chẳng có thiếu sót, đang lúc ấy là nhờ ân lực của ai? Thực hiện công phu như thế như người học bắn lâu ngày chầy tháng tự nhiên bắn trúng đích vậy. Chúng sanh điên đảo mê mình mà theo vật, tham đắm một chỗ hương vị của dục lạc mà cam tâm chịu vô lượng khổ. Mỗi ngày lúc chưa mở mắt ra, lúc chưa bước xuống giường, lúc nửa thức nửa ngủ, tâm thức đã lăng xăng theo vọng tưởng trôi nổi rồi. Làm thiện tạo ác, tuy chưa phát lộ, nhưng lúc chưa bước xuống giường, thiên đường địa ngục ở trong tâm đã nhất thời thành tựu rồi, đâu cần đợi đến lúc phát ra.

Phật nói: "Tất cả các căn đều do tự tâm hiện ra. Thế giới, thân, tâm đều từ tướng vọng tưởng biến hiện như suối chảy, như giồng mầm, như đèn đuốc, như gió thổi, như mây bay, biến đổi từng sát na, loạn động như khí vượn, ham hôi thối như ruồi, nặng chẳng nhàm chán như gió thổi lửa. Tập khí hư nguy từ vô thủy như cái bánh xe quạt nước v.v..." Nếu hiểu thấu được bèn gọi là cái trí vô ngã vô nhân. Phải biết thiên đường địa ngục chẳng ở nơi khác, chỉ ở trong tâm người hành giả lúc nửa ngủ nửa thức, lúc chưa bước xuống giường, chứ không phải từ bên ngoài đến. Khi phát hay chưa phát, khi giác hay chưa giác đều cần phải tham cứu. Lúc tham cứu cũng chớ nên cố dùng sức, cố dùng sức ắt phí sức vậy. Tam Tổ nói: "Ngưng động để trở về tịnh, cái ngưng ấy lại càng thêm động". Cho nên hàng ngày trong trần lao, khi vừa biết dần dần ít phí sức tức là chỗ đắc lực của hành giả, chỗ thành Phật làm Tổ của hành giả, chỗ biến địa ngục thành thiên đường của hành giả, chỗ ngồi yên ổn của hành giả, chỗ ra khỏi sanh tử của hành giả, chỗ giúp Vua trị nước của hành giả, chỗ bệnh nặng được lành của hành giả, chỗ để phước đức cho con cháu của hành giả. Đến chỗ này rồi nói Phật, nói Tổ, nói tâm, nói tánh, nói huyền, nói diệu, nói lý, nói sự, nói tốt, nói xấu, tất cả việc tương đối đều là việc bên ngoài. Những chuyện như thế còn thuộc bên ngoài, huống là làm những việc mà bậc Thánh xưa thường quở sao? Làm việc tốt còn không cho là tốt, há lại cho làm việc không tốt ư? Nếu tin lời này thì lời ngài Vĩnh Gia (665-713) nói:

***Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,
Nói nín, động tịnh tự an nhiên.***

Chẳng phải là lời nói dối vậy.

Hãy y theo đây thực hành chẳng bao giờ thay đổi thì dù chưa chứng ngộ, chưa thấy được bản lai diện mục của chính mình, nhưng chỗ lạ (nghi tình) đã thành quen, chỗ quen (tập khí) đã thành lạ rồi. Hãy ghi nhớ lấy!

(21)

THƯ ĐÁP LÝ BÌNH (tự Hán Lão)

PHỤ THƯ HỎI:

I

Bình gần đây được vào thất thân cận, nhờ Ngài khích lệ và khai phá ám muội cho, bỗng có tỉnh ngộ.

Con tự xét căn cơ thấp kém, một đời học hỏi hiểu biết đều lọt vào tình thức (kiến chấp), buông cái này bắt cái kia như mở dây xích này lại buộc dây xích khác. Ngày nay nhờ Ngài bỗng được mở trí, vui mừng biết bao! Nếu chẳng phải Đại Tông Sư rủ lòng từ bi thì đâu được như thế.

Từ khi được mở trí thì mặc áo ăn cơm, dắt con bông cháu mỗi mỗi vẫn y như những tình cảm trí ngại đã quen và cũng chẳng cho là kỳ lạ. Ngoài ra, những tập khí xưa, nghiệp chướng cũ tự nhẹ bớt dần dần.

Lời dạy của Ngài con chẳng dám quên. Song nghĩ lại con mới được vào cửa đại pháp chưa thấu, ứng cơ tiếp vật gặp việc chưa thể vô ngại, nên con rất mong được Ngài dạy bảo thêm, khiến cho tiến tới để khỏi làm hổ thẹn giáo pháp của Ngài.

THƯ ĐÁP:

I

Đọc thư ông viết: "Từ khi mở trí mặc áo ăn cơm, dắt con bông cháu mỗi mỗi y như cũ nhưng tình cảm trí ngại đã quên cũng chẳng cho là kỳ lạ. Ngoài ra những tập khí xưa nghiệp chướng cũ cũng tự nhẹ bớt dần dần". Biết được ông như vậy, đọc đi đọc lại tôi cảm thấy rất hoan hi. Đây là học Phật có hiệu nghiệm vậy.

Nếu chẳng phải bậc đại trượng phu ngộ một cái liên siêu việt số lượng, thì chẳng thể biết nhà mình quả thật có cái diệu dụng chẳng thể truyền. Nếu không được như thế thì hai chữ NGHI, NGỘ trong Pháp môn, đến tận cùng vị lai cũng chẳng thể tiêu hoại. Dầu cho miệng tôi bằng hư không, cây cỏ ngói đá đều phát ra ánh sáng trợ giúp tôi thuyết pháp cũng chẳng làm gì được, mới tin rằng việc nhân duyên này chẳng thể truyền, chẳng thể học, cần phải tự chứng tự ngộ mới đến triệt để. Ông nay nhất ngộ đã quên sở đắc thì đâu còn gì để nói nữa.

Phật nói:

*Chẳng chấp ngôn thuyết của chúng sanh,
Tất cả hữu vi đều hư vọng.
Dù chẳng y theo lời ngôn ngữ,
Nhưng cũng chẳng chấp vô ngôn thuyết.*

Trong thư ông nói đã quên tình cảm trí ngại cũng chẳng cho là kỳ lạ, ấy là âm thầm phù hợp với lời Phật. Thuyết này gọi là Phật thuyết. Lìa thuyết này gọi là tà ma thuyết.

Sơn Tăng trước kia có đại nguyện: "Thà đem thân này thay tất cả chúng sanh chịu khổ địa ngục, chứ không bao giờ dùng miệng này lấy Phật pháp vị nhân tình mà làm mù mắt tất cả chúng sanh".

Ông đã đến nơi điền địa này, tự biết việc này chẳng từ người khác mà được, vậy cứ y như trước đâu cần hỏi nữa. Đại pháp rõ hay chưa rõ? Ứng cơ ngại hay chẳng ngại? Nếu còn nghĩ vậy thì chẳng phải như trước rồi.

Trước kia thấy ông hoan hỉ quá nên chẳng dám nói trắng ra, e ngại kẹt trong lời nói. Nay sự hoan hỉ đã qua mới dám chỉ ra việc này. Ông được đến mức này chẳng phải là dễ nhưng vẫn cần phải sanh tâm hổ thẹn mới được.

Thường thường kẻ lợi căn thượng trí khi chứng đắc cảm thấy chẳng phí sức liền sanh tâm cho là dễ quá, chẳng chịu tu hành. Phần nhiều bị cảnh giới trước mắt lôi kéo đi, làm chủ chẳng được, lâu ngày dài tháng mê muội mà chẳng thể trở về. Đạo lực không thắng nghiệp lực thì nhất định sẽ bị bọn ma nhiếp trì. Lúc lâm chung cũng chẳng đắc lực. Hãy nhớ lấy cho.

Lời nói hôm trước: "Lý thì đốn ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự thì tiệm trừ lần lần mới hết". Đi đứng ngồi nằm chớ nên quên mất. Ngoài ra đủ thứ lời sai biệt của cổ nhân đều chẳng thể cho là thật cũng chẳng thể cho là giả. Lâu ngày thuần thực tự nhiên âm thầm khéo hợp bản tâm vậy. Chẳng cần cầu kỳ lạ thù thắng nào khác.

Xưa kia hòa thượng Thủy Lạp hỏi Mã Tổ (709 - 788): Thế nào là ý của Tổ Sư từ Ấn Độ đến?

Tổ nói: Lại gần đây ta nói cho nghe.

Thủy Lạp vừa đến gần định lễ bái, bị Mã Tổ dùng chân đá nhào.

Thủy Lạp bất giác đứng dậy vỗ tay cười ha hả.

Tổ bảo: Người thấy đạo lý gì mà cười?

Thủy Lạp nói: Muôn ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, hôm nay bị đá một trận thì biết được nguồn gốc sát đày.

Mã Tổ cũng không nói gì thêm.

Tuyết Phong (822-908) biết Cổ Sơn cơ duyên đã thuần thực. Một hôm Ngài bỗng chụp ngay ngực Cổ Sơn hỏi rằng: Cái gì vậy?

Cổ Sơn ngay đó liễu ngộ. Luôn cả cái tâm liễu cũng mất luôn chỉ mỉm cười và khoát tay mà thôi.

Tuyết Phong hỏi: Ông được đạo lý sao?

Cổ Sơn lại khoát tay nói: Hòa thượng! Đâu còn có đạo lý nào nữa.

Tuyết Phong liền thôi.

Thuở xưa, Thiền Sư Đạo Minh đuổi theo Tổ Huệ Năng đến Đại Du Lãnh để đoạt y bát. Ngài Huệ Năng để y bát trên tảng đá nói: Y này là biểu tín (vật tiêu biểu để làm tín), há có thể dùng sức tranh dành ư? Ông cứ lấy đi.

Đạo Minh tận sức giở lên không nổi mới kinh hãi thưa: Tôi nay cầu pháp chứ chẳng vì cầu y bát, xin hành giả khai thị.

Huệ Năng nói: Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, ngay lúc ấy cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa?

Đạo Minh ngay đó đại ngộ, toàn thân xuất mồ hôi, roi lệ đánh lễ rằng: Ngoài mật ý mật ngữ kể trên, còn có ý chỉ nào nữa chăng?

Huệ Năng nói: Nay vì người nói ra thì chẳng phải mật ý rồi. Người nếu tự phản chiếu diện mục mình thì mật ở bên người. Nếu ta nói được thì chẳng phải là mật vậy.

Dem ba công án kể trên so với cái ngộ của ông, hay dở thế nào xin ông tự đoán xem. Đâu còn có đạo lý kỳ lạ gì khác nữa. Nếu còn có cái khác thì chẳng thể gọi là ngộ rồi. Chỉ cần biết làm Phật, chớ đừng lo Phật chẳng biết nói. Xưa nay những người đắc đạo, tự mình đã viên mãn, đều dùng cái của mình sẵn có tùy cơ tiếp vật như gương sáng trên đài, ngọc sáng trong tay, Nam đến thì hiện hình Nam, Nữ đến thì hiện hình Nữ, mà chẳng cần tác ý vậy. Nếu có tác ý ắt có pháp thật cho người rồi. Ông muốn thấu rõ đại pháp ứng cơ vô ngại, hãy cứ vẫn y như trước, chẳng cần hỏi người, lâu ngày sẽ tự gạt đầu vậy. Lời tôi nói khi chia tay xin chép lại để cạnh chỗ ngồi. Ngoài ra chẳng có lời khác để thuyết. Dầu có thuyết, đối với bốn phận của ông cũng thành lời thừa rồi. Nói lòng vòng nhiều quá, nay tạm gạt qua một bên đi.

PHỤ THƯ HỎI:

II

Vừa được lời đáp khai thị đã thấu ý chỉ thâm sâu. Bình tự thấy có ba điều hiệu nghiệm. Một là gặp việc nghịch thuận tùy duyên ứng phó, chẳng lưu lại trong lòng. Hai là tập khí lâu đời chẳng cần dứt trừ mà tự nó nhẹ dần dần. Ba là đối với công án của Cổ Đức trước kia cảm thấy mờ mịt, nay lại thấy rõ ràng, không còn ám muội nữa.

Thư trước nói đại pháp chưa rõ là vì sợ rằng được ít cho là đủ nên muốn được khuyếch sung (mở rộng) thêm, chứ đâu dám cầu kiến giải thù thắng nào khác. "Tẩy trừ tập khí" hiện hành, lúc ấy chẳng phải không! Lời dạy của Ngài, con rất khâm phục.

THƯ ĐÁP:

II

Được thư sau thấy có tiến thêm, chẳng biết gần đây được tùy duyên phóng khoáng, như ý tự tại chăng? Thức ngủ, nhị biên được như một chăng? Chỗ "vẫn y như cũ" có đời đời chăng? Tâm sanh tử còn tương tục chăng?

Chỉ cần tẩy sạch làm phàm tình, thực chẳng có thánh giải khác. Ông đã được ngộ, khai mở chánh nhãn, tin tức sở đắc xưa bỗng quên mất thì đắc lực hay chẳng đắc lực như người uống nước lạnh nóng tự biết vậy. Nhưng trong cuộc sống hàng ngày nên y theo lời dạy của Phật: "Một là tu tập trừ các trợ nhân; hai là chơn tu nạo sạch chánh tánh (tánh tâm dục) (1); ba là tinh tấn xoay ngược hiện nghiệp". Đây là chân phương tiện trong vô phương tiện, chân tu chứng trong vô tu chứng, chân thủ xả trong vô thủ xả của người xong việc (đã ngộ).

Cổ Đức nói: "Lớp da đã lột hết, chỉ còn một chân thật". Cũng như nhánh lá của cây chiên đàn róc sạch hết, chỉ còn lại cây chiên đàn chân thật. Ấy là lý cùng tột của ba việc "trừ các trợ nhân, nạo sạch chánh tánh và xoay ngược hiện nghiệp" vậy. Ông thử nghĩ xem, lời nói như thế đối với bốn phận của người đã xong việc mặc dù như cây quạt trong mùa đông, song e miền Nam khí trời lạnh nóng bất thường nên thiếu nó chẳng được. Một tiếng cười.

*GHI CHÚ: (1) chánh tánh (tánh tâm dục):
Chúng sanh đều dùng tâm dục làm chánh nhân để sanh ra sinh mạng nên gọi tánh tâm dục là chánh tánh.*

III

Lúc Phú Quý Thân ở Tam Cù có thư đến hỏi đạo, nhân đó bắt đắc dĩ tôi buông lời phương tiện chẳng ít. Nhưng ông ta vẫn kẹt nơi Mặc Chiếu, chắc chắn đã bị bợn tà sư dẫn vào hang quỉ.

Nay tôi được thư kế tiếp, biết ông ta vẫn còn chấp tình tọa cho là tốt. Ông ta cố chấp như thế làm sao tham được Tổ Sư Thiên? Lần này đáp thư, tôi không tiếc khẩu nghiệp, dài dòng thông thiết phá chấp cho ông ta, nhưng chẳng biết ông ta có chịu quay đầu lại khán câu thoại đầu hay không.

Bậc Thánh xưa nói: “Thà có thể phá giới lớn như núi Tu Di, quyết chẳng để bị tà sư huân một tà niệm nhỏ như hạt cải vào trong tàng thức, như đổ dầu vào trong bún thì không làm sao lấy ra được”. Ấy là tình trạng của ông ta vậy.

Nếu ông có gặp ông ta thì hãy đọc thử thư tôi đáp cho ông ta nghe. Theo đó mà làm phương tiện cứu vớt ông ta. Trong Pháp Tứ Nhiếp của Bồ Tát, đồng sự nhiếp là mạnh nhất, ông nên khai triển pháp môn này khiến ông ta tăng cường lòng tin “Tin tự tâm”, như vậy chẳng những tiết kiệm được một nửa sức Sơn Tăng, mà cũng khiến ông ta chịu xa lìa hang ổ cũ vậy.

(22)

THƯ ĐÁP GIANG THIẾU MINH

Đời người một trăm năm, thời gian có là bao. Ông xuất thân từ nhà nghèo hèn tiến lên quan chức, ấy là có phước nhất thế gian. Ông lại biết hổ thẹn hồi tâm hướng về đạo, học pháp xuất thế gian để thoát ly sanh tử, ấy là người khéo lựa chọn nhất trên đời. Cần phải quyết tử dụng công phu, chẳng màng đến việc khác, chẳng để cho người khác chi phối, tự làm chủ cho mình. Chỗ cuối cùng được chứng tỏ rõ ràng mới là bậc đại trượng phu đã xong việc thế gian và xuất thế gian vậy.

Liên tiếp mấy ngày ông cùng với Lý Hán Lão đàm luận về đạo. Lành thay! Lành thay! Cho ông ta là đã dứt được tâm dong ruổi tìm cầu, đến chỗ "đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt", ngay chỗ muôn ngàn sai biệt thấy được chân tay cô nhân, chẳng bị phương tiện văn tự của cô nhân trói buộc. Sơn Tăng thấy ông ta như thế chẳng hề bảo ông ta một chữ, vì e làm trở ngại ông ta. Đợi khi ông ta muốn nói chuyện với Sơn Tăng, lúc ấy mới cùng ông ta giải rõ việc này. Chứ chẳng phải ngưng luôn đâu. Người học đạo nếu tâm tìm cầu chẳng dứt thì dầu có cùng họ giải rõ việc này cũng vô ích, vì họ là kẻ ngu si cuồng loạn chạy ở vòng ngoài.

Cổ Đức nói: "Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy chẳng ướt áo nhưng cũng được thấm nhuần". Ông thường qua lại hầu chuyện với Lý Hán Lão, tôi rất mong, rất mong!

Ông chớ nên đem lời dạy của Cổ Đức ra bày đặt bậy bạ. Như Nam Nhạc nói với Mã Tổ rằng: "Ví như trâu kéo xe, nếu xe chẳng đi thì đánh xe là phải hay đánh trâu là phải?" Mã Tổ nghe xong ngộ ngay. Về mấy lời này, Tông Sư các nơi chẳng hội được, lại đoán mò bậy bạ, dù thuyết pháp như sấm sét cũng chỉ là hiểu theo lời nói. Ấy là phỉ báng Tổ Sư. Xem thư ông gửi Châu Phong, ông tự ý đặt điều chú giải cho Như Lai Thiên là Tổ Sư Thiên, Sơn Tăng đọc qua bất giác bật cười.

Bài tụng gửi đến kỳ này xem kỹ thấy khá hơn hai bài tụng trước, nhưng từ nay hãy ngưng hẳn, nếu cứ tụng đi tụng lại mãi thì đến chừng nào mới xong. Như Lý Hán Lão, ông ta há chẳng biết làm kệ tụng sao, tại sao ông ta không làm một chữ? Vì là người biết pháp nên sợ phạm pháp mà thôi! Ông ta ngẫu nhiên lộ ra một đầu sợi lông thì tự nhiên gãi nhầm chỗ ngứa của Sơn Tăng. Như câu: "Gặp người khắp nơi, gạt trước mặt" trong bài tụng Xuất Sơn Tướng, đáng làm thuốc điểm nhãn cho tông lâm. Một ngày nào đó ông sẽ tự thấy, chẳng cần Sơn Tăng nói trắng ra.

Lược giải:

"Gặp người khắp nơi, gạt trước mặt"

Cổ Đức nói: "Người học chẳng thấy được ý của chư Tổ thì phải bị chư Tổ lừa gạt.

Cũng như người không qua được sông hồ thì bị sông hồ chướng ngại vậy".

Gần đây, tôi thấy ông bỗng nhiên thay đổi và rất nỗ lực về việc này, nên tôi viết thơ này hơi dài dòng.

(23)

THƯ ĐÁP PHÚ QUÍ THÂN

I

Lúc tuổi trẻ ông đã biết phát lòng tin hướng đến Tổ Sư Thiên, nhưng về tuổi già bị tri giải làm chướng nên chưa có chỗ ngộ nhập, ngày đêm mong muốn biết phương tiện thể cứu đạo này. Ông đã có lòng chí thành, tôi đâu dám từ nan.

Theo lời thỉnh của ông, tôi nói ra ít lời sau đây. Chỉ cái tâm cầu ngộ nhập này tức đã là tri giải chướng đạo rồi, lại còn tri giải nào làm chướng ngại ông nữa? Thực ra gọi cái gì là tri giải? Tri giải từ đâu mà đến? Người bị chướng ngại là ai? Chỉ một câu này điền đảo có ba:

Một là tự nói bị tri giải làm chướng.

Hai là tự nói chưa ngộ, cam đành làm kẻ mê.

Ba là ở trong mê đem tâm chờ ngộ.

Ba thứ điền đảo này là cội gốc sanh tử. Cần phải chớ sanh một niệm, ngay đó tâm điền đảo bật, mới biết không có mê để phá trừ, không có ngộ để chờ đợi, không có tri giải để làm chướng, như người uống nước lạnh nóng tự biết, lâu ngày tự nhiên không còn những kiến giải này. Chỉ cần nhìn ngay chỗ cái tâm hay biết tri giải đó khán xem còn chướng được hay không? Trên cái tâm hay biết tri giải đó còn có những kiến giải kể trên hay không?

Từ xưa, các bậc đại trí huệ, đều lấy tri giải làm bè bạn, dùng tri giải làm phương tiện. Ở trên tri giải thực hành lòng từ bình đẳng, ở trên tri giải làm các Phật sự như rồng gặp nước, như hổ ở núi, chẳng bao giờ lấy đó làm bực dọc. Chỉ vì các Ngài biết được chỗ khởi của tri giải. Đã biết được chỗ khởi của tri giải thì chính tri giải này tức là nơi giải thoát, cũng là chỗ thoát sanh tử. Đã là nơi giải thoát sanh tử thì cái tri giải đó bản thể vốn là tịch diệt. Tri giải đã tịch diệt thì kẻ năng biết tri giải đó chẳng thể không tịch diệt. Vậy Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật tánh cũng chẳng thể không tịch diệt. Theo lý này suy ra thì còn có vật nào có thể làm chướng ngại, và nhằm vào đâu để cầu ngộ nhập.

Phật nói:

***Các nghiệp từ tâm sanh,
Nên nói tâm như huyền.***

*Nếu là tâm phân biệt,
Át đường sanh tử tuyệt.*

Tăng hỏi Hòa Thượng Đại Châu: Thế nào là Đại Niết Bàn?

Sư đáp: Chẳng tạo nghiệp sanh tử.

Tăng hỏi: Thế nào là nghiệp sanh tử?

Sư đáp: Cầu đại Niết Bàn là nghiệp sanh tử.

Cổ Đức nói: "*Người học đạo có một niệm chấp thật sanh tử, tức là rơi vào ma đạo, một niệm khởi các kiến chấp tức sa vào ngoại đạo*".

Duy Ma Cật nói: "*Chúng ma ưa sanh tử, Bồ Tát ở nơi sanh tử mà chẳng nhiễm, ngoại đạo ưa các kiến chấp, Bồ Tát ở nơi các kiến chấp mà chẳng động*". Như thế chứng tỏ người lấy tri giải làm bè bạn, dùng tri giải làm phương tiện, ở trên tri giải thực hiện lòng từ bình đẳng, ở trên tri giải làm các Phật sự, là người thực hành đúng theo lời dạy của Phật, Tổ. Tại sao? Chỉ vì bậc Thánh liễu đạt thời gian tánh không, sanh tử Niết Bàn vốn là tịch diệt.

Người chưa đến được chỗ này chẳng nên nghe theo lời bậy bạ của bọn tà sự dẫn vào hang quỷ, ở đó nhắm mắt nổi vọng tưởng. Gần đây chánh pháp suy đồi, bọn này nhiều như mè như lúa, cũng như một người mù dẫn cả bọn mù cùng nhau vào hầm lửa. Thật đáng thương xót! Mong ông thẳng thắn chớ theo bọn này. Nếu theo bọn này, dù tạm thời giữ được cái xác thân này chẳng bị lay động, lại cho là đạo cứu cánh, nhưng tâm thức vẫn lảng xăng trôi nổi như bụi trần. Dầu cho tâm thức tạm ngưng thì cũng như đá đè cỏ, vậy muốn đến chỗ cứu kính an lạc của Vô Thượng Bồ Đề làm sao mà được. Xưa kia, tôi cũng từng bị bọn này làm lầm, về sau nếu tôi không gặp được thiện tri thức chân chánh thì phải uống qua một đời. Nay mỗi khi nghĩ đến, tâm không thể nhẫn được, nên chẳng tiếc khâu nghiệp mà tận sức cứu vãn cái tệ đoan này.

Ngày nay, người biết quấy nếu muốn ngay đó lãnh hội cần phải nơi một niệm này được bùng vỡ, mới liễu thoát được sanh tử, mới gọi là ngộ nhập, nhưng không được giữ cái tâm chờ bùng vỡ. Nếu cứ giữ cái tâm chờ bùng vỡ thì không bao giờ bùng vỡ được. Chỉ cần đem những vọng tưởng như tâm điên đảo, tâm suy nghĩ phân biệt, tâm tham sống sợ chết, tâm tri kiến hiểu biết, tâm ưa tịnh chán động v.v... nhất thời buông xuống, ngay chỗ buông xuống đó khán công án:

"Tăng hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh hay không?"

Triệu Châu đáp: Không".

Xem tại sao Triệu Châu nói "không"?

Một chữ KHÔNG này là lợi khí để đập tan những ác tri ác giác. Nhưng chẳng được dùng bộ óc tìm hiểu cho là có hay không, chẳng được cho là đạo lý, chẳng được dùng ý căn suy nghĩ tính toán, chẳng được hướng theo cái nheo mày nhướng mắt để lãnh hội, chẳng được hướng trên lời nói để so đo, chẳng được bỏ vào trong cái vỏ vô sự, chẳng được hướng chỗ đề khởi của Chư Tổ để hội ngộ, chẳng được theo văn tự để dẫn chứng. Chỉ cần suốt ngày đêm đi đứng ngồi nằm luôn luôn tự hỏi: "Con chó có Phật tánh hay không?"

Tại sao Triệu Châu nói "không"? Hằng ngày thử thực hiện công phu như thế xem, không bao lâu sẽ tự thấy hiệu nghiệm phần nào. Việc một bước ngàn dặm cũng có thể được vậy.

Cổ Đức nói: "Ý Tổ Sư ở đây rất linh động, không vật nào có thể hạn chế nó được. Nếu lia cuộc sống hàng ngày mà có chỗ xu hướng khác thì cũng như lia nước tìm sóng, càng tìm càng xa vậy".

II

Được biết, những ngày gần đây ông lấy đại sự nhân duyên (công phu tham thiền) này làm đều tâm niệm, dững mãnh tinh tấn thuần nhất không tạp, lòng tôi xiết bao vui mừng.

Ông có thể suốt ngày trong lúc làm việc, công phu đã được tương ưng chưa? Hai lúc thức và ngủ đã được nhất như chưa? Nếu chưa được thì không nên luôn luôn chìm đắm trong không tịch. Người xưa gọi đó là làm việc trong nhà qui dưới núi đen, công phu như thế đến tận đời vị lai cũng không có ngày thâu thoát.

Hôm qua được thư, tôi thăm nghĩ ông say đắm việc nhập định vắng lặng, đến khi hỏi Trục Các (bạn đồng tham) thì mới biết quả đúng như điều tôi tiên đoán.

Nói chung, người trôi lăn nhiều ở chốn thế gian, từ lâu đã dính chặt trần lao, bỗng nhiên được người chỉ bảo hướng vào chỗ tĩnh lặng làm công phu, chợt được trong tâm vô sự, liền nhận đó là cứu cánh an lạc. Chứ không biết là như đá đè cỏ, tuy tạm cảm thấy thanh tịnh, nhưng đâu ngờ gốc rễ vô minh vẫn còn, biết đến ngày nào mới chúng được tịch diệt viên mãn. Muốn được cái tịch diệt chân chánh hiện tiền cần phải ở trong sự sanh diệt lăng xăng nhảy một cái ra khỏi (tĩnh ngộ). Khi ấy chẳng động một mây lông (chẳng cần tác ý) cũng có thể quây nước sông dài thành tô lạc, biến đất cát thành vàng ròng, ứng cơ tiếp vật tự do tự tại, tự lợi, lợi tha việc nào cũng xong.

Bậc Thánh xưa gọi đó là Vô tận tạng đà la ni môn, Vô tận tạng thần thông du hí môn, Vô tận tạng như ý giải thoát môn. Những việc này chẳng phải là bậc đại tượng phu thì đâu thể làm được. Nhưng cũng chẳng phải do tạo tác mà được, vì vốn là vật sẵn đủ trong tâm ta. Mong ông quyết tâm tinh tấn, nhất định sẽ đến chỗ này. Khi hoát nhiên đại ngộ, trong tâm rõ ràng như trăm ngàn nhật nguyệt, mười phương thế giới trong một niệm thấu rõ mà không có một mây may nghĩ tưởng nào khác thì mới được cùng cứu cánh tương ưng. Nếu được như thế thì chẳng những đắc lực trên đường sanh tử mà ngày sau, khi ông được lên cầm quyền, lại còn có thể giúp Vua cai trị hơn cả Nghiêu Thuấn. Điều này chắc chắn như chỉ tay trên bàn tay vậy.

III

Thư Ông nói: "Người sơ cơ được chút công phu tĩnh tọa cũng là khá", lại nói: "Chẳng dám có kiến chấp về tĩnh lặng". Phật nói: "Ví như có người bịt lỗ tai rồi cất tiếng la to, tự họ không nghe cũng tưởng người khác không nghe như họ vậy". Thật chỉ tự làm chướng nạn mà thôi.

Người tham thiền nếu tâm sanh tử chưa vỡ, hằng ngày trong 12 giờ mờ mờ mịt mịt như người chết hồn chưa tan, đâu có thì giờ rảnh để ý đến tĩnh lặng hay nao động?

Trên hội Niết Bàn, tên Quảng Ngạch buông đao đồ tể liền thành Phật, đâu phải là thực hiện công phu trong tĩnh lặng mà được. Ông ta há chẳng phải là người sơ cơ ư? Ông thấy việc này, cho rằng người đời nay chẳng có khả năng như vậy, rồi lại gán cho ông ấy là Cổ Phật thị hiện. Nếu có kiến giải như thế là do chẳng tin tự tâm, cam chịu làm người hạ liệt mà thôi.

Trong Thiền Tông ta chẳng luận kẻ sơ cơ hậu học, cũng chẳng luận người tiền bối lão tham. Nếu muốn chân thật yên tịnh, cần phải tâm sanh tử vỡ, chẳng do làm công phu trong tĩnh lặng. Hễ tâm sanh tử vỡ thì tự yên tịnh vậy. Điều bậc Thánh xưa gọi là

phương tiện tịch tịnh chính là cái này, chỉ tại bọn tà sư đòi mật pháp chẳng hội lời nói phương tiện của bậc Thánh xưa đó thôi. Ông nếu tin được lời của Sơn Tăng, thử hướng ngay chỗ não động khán câu thoại đầu xem, không kể ngộ hay không ngộ, chính ngay lúc tâm rối loạn hãy cứ đề câu thoại đầu hỏi mãi, khi ấy còn thấy tịnh hay không, còn thấy đặc lực hay không? Nếu thấy đặc lực thì chẳng cần buông xả gì cả. Khi tĩnh tọa chớ để hôn trầm và tán loạn. Nếu cảm thấy hai thứ bệnh này hiện tiền chớ nên dùng sức diệt trừ, chỉ cần đề câu thoại đầu hỏi tiếp thì ngay đó hai bệnh tự hết. Công phu lâu ngày mới biết chỗ ít phí sức chính là chỗ đặc lực, cũng chẳng cần làm công phu trong tĩnh lặng, ngay chỗ não động này chính là công phu vậy.

Khi Lý Hán Lão mới gặp Sơn Tăng ở Tuyên Nam, thấy Sơn Tăng cực lực bài bác Mặc chiếu tà thiên làm mù mắt người. Ông ta bất bình nửa nghi nửa giận, bỗng nghe Sơn Tăng nói câu thoại đầu "Cây bách trước sân", ông ta hốt nhiên đập vỡ thùng sơn đen, ở trong một tiếng cười đã hoàn toàn xong việc (ngộ), mới tin lời của Sơn Tăng không một mảy may dối gạt, cũng chẳng phải tranh giành nhân ngã, liền đối trước Sơn Tăng sám hối. Ông ta hiện đang còn ở nơi ấy, mời ông đến đó hỏi xem có phải hay không.

Thượng Tọa Đạo Khiêm đã đi Phước Kiến, không biết đã đến đó chưa. Ông ấy tham thiền nếm nhiều cay đắng, cũng đã từng mất hơn mười năm nhập khô thiên (tĩnh tọa như cây khô). Những năm gần đây, ông ấy mới được chỗ an lạc (ngộ). Khi gặp, xin hỏi thử ông ấy: "Phải thực hiện công phu như thế nào?" Trước kia ông ấy đã đi làm đường tắt sẽ thương xót kẻ lầm đường, tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ thành thật thổ lộ hết cho ông biết vậy.

(24)

THƯ ĐÁP TRẦN QUÝ NHẠM

I

Thư ông tự nói căn tánh rất ngu độn mà muốn lưu ý đoạn đại sự nhân duyên này, nếu thật như vậy tôi sẽ mừng cho ông.

Hiện nay bậc sĩ phu phần nhiều đối với việc này (tham Tô Sư Thiên) chẳng thể ngay đó thấu thoát, chỉ vì căn tánh quá linh lợi, tri kiến quá nhiều, vừa nghe Tông Sư mở miệng liền dùng bộ óc lãnh hội ngay, không phát khởi nghi tình nên vĩnh viễn không thể chứng ngộ. Lại không bằng kẻ độn căn, đầu óc đơn giản, không có nhiều tri kiến này nọ, nên được ngay nơi một cơ một cảnh hoặc một ngôn một cú hoá nhiên khám phá (đại ngộ). Cái ngộ này dù Đại Sư Đạt Ma có xuất hiện dùng trăm món thần thông muốn chướng ngại người này cũng chẳng được, chỉ vì người này không có đạo lý gì để chướng. Người căn tánh linh lợi, trái lại, bị cái linh lợi làm chướng, chẳng thể dẹp ngay, phá ngay được. Đối với việc này, dầu cho dùng thông minh linh lợi học được đi nữa thì trên việc bổn phận của chính mình (tham thiền) lại càng không đặc lực. Cho nên Ngài Nam Tuyên nói: "Ngày gần đây thiền sư rất nhiều mà không tìm ra một người si độn" là vậy. Ngài Chương Kinh nói: "Chí lý bất lời, người đời chẳng biết, lại cưỡng tập việc khác, cho là công phu. Chẳng biết tự tánh vốn chẳng phải là cảnh trần, mà là cái môn đại giải thoát vi diệu, có cái giác chiếu soi không nhiễm không ngại, ánh sáng cùng khắp không gian thời gian, xưa nay chưa từng biến đổi, giống như mặt trời xa gần đều chiếu, tuy đến các vật mà chẳng cùng tắt cả hòa hợp. Diệu minh sáng tỏ chẳng nhờ tu tập, chúng sanh chẳng rõ nên chấp lấy cảnh tượng bên ngoài, giống như dụi mắt vọng thấy hoa đóm trên không, trải qua nhiều kiếp uông tự lao nhọc. Nếu được phản chiếu thì bản thể tự tánh hiện khắp không gian thời gian, không thấy có người thứ hai, khi ấy hành vi tạo tác đều ở trong thật tướng".

Ông tự nói căn tánh ngu độn, thử như thế phản chiếu xem cái biết ngu độn đó có ngu độn hay không? Nếu chẳng hỏi quang phản chiếu mà chỉ giữ lấy cái ngu độn rồi tự sanh phiền não, thật là ở trên huyền vọng chồng thêm huyền vọng. Chỉ cần tin tôi, hề biết được căn tánh ngu độn thì nhất định là không ngu độn. Tuy không chấp lấy cái ngu độn này mà cũng chẳng được bỏ cái ngu độn này để tham. Lấy, bỏ, lợi, độn tại người chớ chẳng tại tâm. Tâm này cùng với chư Phật ba đời một thể không hai, nếu có hai thì pháp chẳng bình đẳng vậy. Thọ giáo truyền tâm đều là hư vọng, cầu chân thật tìm thật càng thấy so le. Chỉ cần biết cái tâm thể vốn bất nhị thì quyết định chẳng còn ở trong phạm vi của lợi, độn, lấy, bỏ, ngay khi đó một dao cắt đứt dây trói, như thấy mặt trăng quên ngón tay. Nếu còn chân chờ suy trước tính sau, ấy là trên "nắm tay không" mà sanh kiến giải chấp thật, trong pháp căn cảnh vọng lập méo mó, trong thân ngũ âm vọng tự trói buộc, không biết đến bao giờ mới hết.

Những năm gần đây, có một bọn tà sư thuyết Thiên Mặc Chiếu, dạy người suốt ngày đêm mọi việc đều chớ màng đến, cứ thôi đi, nghỉ đi, im lặng không cho lên tiếng, e sợ lọt vào cảnh trước mắt (chấp cảnh). Thường thường sĩ phu bị thông minh linh lợi sai khiến nên phần đông ghét chỗ nào động, bỗng được bọn tà sư dạy bảo tĩnh tọa, cảm thấy ít phí sức, liền cho đó là đúng, lại chẳng biết câu diệu ngộ, chỉ cho Mặc chiếu là cùng tốt. Tôi chẳng tiếc khẩu nghiệp ra sức cứu vãn cái tệ đoan này. Nay cũng có chút ít người biết quý, xin ông hãy hướng đến chỗ nghi tình chẳng vỡ mà tham, đi đứng nằm ngồi chẳng được buông bỏ.

Tăng hỏi Triệu Châu: Con chớ có Phật tánh hay không?

Triệu Châu đáp: Không.

Tại sao Triệu Châu nói "không"?

Một chữ KHÔNG này chính là một cây dao cắt đứt cái tâm nghi sanh tử. Cái cán dao này chính người đương sự tự cầm trong tay, bảo người khác hạ thủ giùm chẳng được, phải chính mình hạ thủ mới được. Nếu xả được tánh mạng thì mới có thể quyết liệt hạ thủ. Nếu chẳng xả được thì cứ ở chỗ NGHI chẳng vỡ mà tham cứu, bỗng nhiên một ngày nào đó dám chịu xả mạng thì ngay đó xong việc (kiến tánh). Khi ấy, mới tin rằng lúc tĩnh lặng tức là lúc nào động, lúc nào động tức là lúc tĩnh lặng, lúc nói tức là lúc nín, lúc nín tức là lúc nói, chẳng cần hỏi người, cũng tự nhiên chẳng bị bọn tà sư mê hoặc. Mong thay! Mong thay!

Thuở xưa Châu Thế Anh có lần gửi thư hỏi Ngài Chân Tịnh rằng: "Phật pháp thâm diệu, hằng ngày nên dụng tâm thể cứu như thế nào? Xin Ngài từ bi chỉ dạy".

Chân Tịnh đáp: "Phật pháp huyền diệu không hai, nhưng nếu chưa đến chỗ huyền diệu thì có cao thấp đối đãi nhau. Nếu như đến được chỗ huyền diệu thì người ngộ tâm ắt biết đúng như thật tức là Tự tâm vốn đã thành Phật, tự tại như thật, an lạc như thật, giải thoát như thật, thanh tịnh như thật, mà hằng ngày chỉ dụng tự tâm. Tự tâm linh động, nắm được liền dùng, chớ hỏi nó là phải hay không phải, đem tâm suy nghĩ liền không phải vậy. Tâm không suy nghĩ thì mỗi mỗi thiên chân, mỗi mỗi minh diệu, mỗi mỗi như hoa sen chẳng dính nước. Cái tâm thanh tịnh siêu việt tất cả, do mê tự tâm nên làm chúng sanh, ngộ tự tâm nên thành Phật, mà chúng sanh tức Phật, Phật tức chúng sanh, do mê ngộ nên có chúng sanh và Phật".

Ngày nay, người học đạo phần đông chẳng tin tự tâm, chẳng ngộ tự tâm, chẳng được thọ dụng sự minh diệu của tự tâm, chẳng biết tự tâm vốn an lạc giải thoát, làm cho ngoài tâm có thiên, có đạo, vọng lập kỳ lạ, vọng sanh lấy bỏ, tuy có tu hành mà rơi vào cảnh giới đoạn kiến của ngoại đạo và thiên tịch tịnh của nhị thừa, chỗ gọi là: "Tu hành sợ đọa hố đoạn thường".

Nói kẻ đoạn kiến là đoạn diệt bản tánh diệu minh của tự tâm, cứ ở ngoài tâm chấp không mà mắc kẹt vào thiền tịch tịnh.

Nói kẻ thường kiến là chẳng ngộ tất cả pháp không, chấp thật các pháp hữu vi thế gian cho là cứu cánh.

Bọn tà sư dạy sĩ phu nhiếp tâm tĩnh tọa, mọi việc chớ màng cứ thôi đi, nghỉ đi, há chẳng phải là đem tâm thôi tâm, đem tâm nghỉ tâm, đem tâm dụng tâm đó sao? Nếu tu hành như thế thì làm sao chẳng rơi vào cảnh giới đoạn kiến, thiền tịch tịnh của ngoại đạo và nhị thừa, làm sao phát hiện được cái huyền diệu của tự tâm nhiệm mầu sáng suốt, thọ dụng sự an lạc thanh tịnh giải thoát. Cần phải người đương sự tự chứng tự ngộ, tự nhiên chẳng bị lời nói của Cổ Đức xoay chuyển mà còn có khả năng chuyển được lời của Cổ Đức.

Như viên ngọc quý ma ni trong sạch vùi trong bùn sinh, dù trải qua trăm ngàn năm cũng chẳng bị ô nhiễm vì bản thể của nó vốn tự trong sạch. Tâm này cũng vậy, khi mê dù bị trần lao mê hoặc mà bản thể tâm này chưa từng mê hoặc, như hoa sen chẳng dính nước vậy. Nếu bỗng ngộ tâm này vốn đã thành Phật, cứu cánh tự tại, an lạc như thật, các thứ diệu dụng cũng chẳng từ bên ngoài đến, vì nó vốn sẵn tự đầy đủ. Phật nói: "Không có pháp nhất định tên là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có pháp nhất định để cho Như Lai thuyết". Nếu xác định bản thể của nó thật có sự việc như thế thì lại chẳng đúng. Do sự bất đắc dĩ, nhân vì mê ngộ, lấy bỏ, mà nói ra đủ thứ đạo lý, ấy là lời phương tiện đối với người chưa đến chỗ huyền diệu đó thôi. Kỳ thật bản thể không có đạo lý nào.

Xin Ông hãy dụng tâm như thế này: Hàng ngày trong mười hai giờ chẳng được chấp sanh tử Phật đạo là thật có, cũng chẳng được chấp sanh tử Phật đạo là thật không, chỉ cần khán câu thoại đầu, thiết yếu là chẳng nên dùng ý căn để suy lường, chẳng nên ở trên ngôn ngữ để tìm hiểu, chẳng nên ở chỗ nói năng để nhận lấy, cũng chẳng nên hướng vào chỗ "đá lửa điện chớp" để lãnh hội, chỉ cần đề câu thoại đầu hỏi mãi, cũng chẳng được đem tâm chờ ngộ, chờ thôi nghĩ, nếu đem tâm chờ ngộ, chờ thôi nghĩ thì càng không dính dáng gì!

THƯ ĐÁP TRẦN QUÝ NHẠM II

Ông nói: "*Sau khi được thư của Sơn Tăng, mỗi khi gặp náo động chẳng có chỗ trốn tránh, thường tự kiểm điểm mà chưa thấy công phu đắc lực*". Ông đâu biết ngay cái chỗ trốn tránh chẳng được đó đã là công phu rồi, nếu còn muốn kiểm điểm nữa lại càng xa xôi.

Thuở xưa, ngài Lão Hoa Nghiêm nói: "*Phật pháp ở chỗ đi đứng nằm ngồi, chỗ uống trà ăn cơm, chỗ nói năng thăm hỏi, chỗ làm việc hàng ngày. Hề khởi tâm động niệm lại chẳng đúng vậy*". Chính đương lúc ông trốn tránh chẳng được đó, rất kỵ khởi tâm động niệm để kiểm điểm.

Tổ sư nói:

***Phân biệt nếu chẳng sanh,
Hư minh tự chiếu soi.***

Bàng Cư sĩ nói:

***Hàng ngày việc không khác,
Duy ta tự hài hòa.***

*Mỗi mỗi chẳng lấy bỏ,
Nơi nơi đừng chống trái.
Gánh nước và bỏ củi,
Quan chức quý là ai?
Thần thông cùng diệu dụng,
Núi non bật trần ai.*

Bậc Thánh xưa nói: "*Hễ có tâm phân biệt, so đo, thấy tự tâm có số lượng, thấy đều là mộng*". Xin hãy khấn thiết ghi nhớ lấy!

Lúc trốn tránh chẳng được, không nên có tâm toan tính, lúc tâm chẳng toan tính thì hết thấy đều sẵn sàng, cũng chẳng cần mang đến lợi hay ngu độn, việc lợi độn trọn chẳng dính dáng, cũng chẳng can hệ đến việc tịnh loạn. Chính đương lúc trốn tránh chẳng được, hốt nhiên đánh mất cái túi vải (ngộ), bất giác vỗ tay cười lớn. Nhớ lấy! Nhớ lấy!

Việc này nếu dùng một mảy may công phu thủ chứng thì như người lấy tay nắm bắt hư không, chỉ tự nhọc mà thôi. Lúc lao động thì cứ lao động, muốn tĩnh tọa thì cứ tĩnh tọa, nhưng chẳng nên chấp tĩnh tọa làm cứu cánh. Ngày nay bọn tà sư phần nhiều lấy tĩnh tọa Mặc chiếu làm pháp cứu cánh gây hại người hậu học biết bao. Sơn Tăng chẳng sợ kết oán, tận sức bài xích Thiên Mặc Chiếu mong cứu vãn cái tệ đoạn đời mạng pháp để báo ơn Phật.

(25)

THƯ ĐÁP TRIỆU ĐẠO PHU.

Thư ông gửi đến mỗi mỗi tôi đều biết hết.

Phật dạy: "Người phát tâm đều sẽ thành Phật". Tâm này chẳng phải là tâm trần lao vọng tưởng thế gian, mà là cái tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nếu phát tâm này đều sẽ thành Phật.

Nho sĩ học đạo phần đông tự tạo ra chướng ngại là do không có lòng tin quyết định.

Phật nói:

*Tin là gốc đạo, mẹ công đức,
Nuôi dưỡng tất cả các pháp thiện.
Phá trừ lưới nghi thoát dòng ái,
Hiện bày vô thượng đạo Niết Bàn.*

Còn bảo:

*Tin hay tăng trưởng trí công đức,
Tin hay đưa đến quả Như Lai.*

Trong thư, ông tự cho độn căn chưa thể triệt ngộ, tạm gieo hạt giống Phật trong tâm điền, lời này tuy thiện cận song cũng đã gieo nhân sâu xa, ông chỉ cần tin chắc tự tâm ắt không bị ai gạt.

Ngày nay, người học đạo thường thường ở chỗ nên hoãn lại gấp, chỗ nên gấp lại hoãn.

Bàng uẩn nói:

*Ngay lúc rấn vào đáy quần vải
Còn hỏi Tông Sư thời tiết gì?*

Việc hôm qua, hôm nay còn có chỗ không nhớ, huống là việc đã qua kiếp khác, đâu thể không quên mất ư? Nếu quyết muốn kiếp này được thấu triệt đến chỗ chẳng nghi Phật, chẳng nghi Tổ, chẳng nghi sanh, chẳng nghi tử, thì phải đủ lòng tin tự tâm, đầy đủ chí quyết định, niệm niệm như cứu lửa cháy đầu. Thực hành công phu như thế nếu vẫn còn chưa thấu triệt thì lúc ấy mới có thể nói là độn căn. Bằng chưa gì hết mà tự nói: Tôi độn căn chẳng thể trong đời này triệt ngộ mà chỉ có thể gieo giống Phật để kết duyên thôi". Đó là người không đi mà muốn đến. Thật hết sức vô lý!

Tôi thường nói với những người tin đạo này rằng: "Dần dần cảm thấy trong cuộc sống hàng ngày chỗ ít phí sức chính là chỗ học Phật đắc lực vậy". Chỗ đắc lực của mình, người khác chẳng biết được, muốn đem ra trình cho người xem cũng chẳng được. Lục Tổ nói với Đạo Minh rằng: "Nếu ông phản chiếu cái bản lai diện mục của chính mình thì mật ý đều ở bên ông vậy". Mật ý đó là chỗ đắc lực hàng ngày. Chỗ đắc lực tức là chỗ ít phí sức vậy.

Việc trần lao thế gian buông cái này bắt cái kia vô cùng vô tận, trong bốn oai nghi chưa từng lìa bỏ, vì từ vô thủy đến nay đã kết duyên với nó rất sâu dày, còn trí huệ Bát Nhã từ vô thủy đến nay cùng nó kết duyên thiện cận, nên khi chợt nghe bậc tri thức nói thì hình như cảm thấy khó hội. Nếu từ vô thủy đến nay duyên trần lao cạn, duyên Bát Nhã sâu thì đâu có gì khó hội. Chỉ cần chỗ sâu trước kia nay khiến cho cạn, chỗ trước kia cạn nay khiến cho sâu, chỗ lạ khiến cho quen, chỗ quen khiến cho lạ, vừa biết nỗi niệm suy nghĩ việc trần lao cũng chẳng cần ra sức bài trừ, chỉ cần ngay chỗ suy nghĩ đó, nhẹ nhẹ đề lên câu thoại đầu thì không phí nhiều sức lại đắc lực vô cùng. Xin ông hãy tham cứu như thế, đừng đem tâm chờ ngộ, để cho nó bỗng nhiên tự ngộ đi.

Lý Hán Lão với ông mỗi ngày gặp nhau, ngoài việc đánh cờ, có còn nói đến việc này chăng? Nếu chỉ đánh cờ mà chưa từng nói đến việc này thì nên ngay chỗ thắng bại chưa phân hãy hất tung bàn cờ, lại hỏi ông ta đòi cho được một việc kia (thoại đầu). Nếu đòi chẳng được mới quả thực là kẻ độn căn. Thôi tạm bỏ qua việc này.

(26)

THƯ GỬI TRƯỜNG ÍCH CHI.

Chúng sanh hằng ngày hiện hành vô minh, nên hễ thuận với vô minh thì sanh hoan hỷ, còn nghịch với vô minh thì đâm ra phiền não. Phật, Bồ Tát chẳng phải thế, các Ngài lại dựa vào vô minh làm Phật sự. Vì chúng sanh lấy vô minh làm nhà cửa, nghịch với vô minh là phá nhà cửa của chúng sanh, nên Phật, Bồ Tát thuận với vô minh là để theo chỗ chấp trước của chúng sanh mà dẫn dụ họ.

Ngài Vĩnh Gia nói:

*Vô minh thật tánh tức Phật tánh,
Huyễn hóa không thân tức pháp thân.*

(Dịch nghĩa: Thật tánh của vô minh tức là Phật tánh, Sắc thân huyễn hóa này tức là pháp thân). Là cái đạo lý này vậy.

(27)

THƯ GỬI TRIỆU SƯ TRỌNG.

Cái đạo lý này hướng lên trên sự việc tìm thì nhanh, còn nếu hướng xuống ý căn suy nghĩ tính toán thì càng cách xa vậy. Do đó, ông già Thích Ca trên hội Pháp Hoa chỉ độ được đứ bé gái tám tuổi, trên hội Niết Bàn chỉ độ được một gã đồ tể, trên hội Hoa Nghiêm chỉ độ được một đồng tử.

Xem cách thức thành Phật của ba người đó, họ có từng hướng ra ngoài để cầu chứng đắc, cực khổ siêng năng tu hành gì đâu? Phật cũng chỉ nói: "Nay ta vì ông bảo nhậm việc này", chẳng hề hư dối vậy. Chỉ nói "vì người bảo nhậm" mà thôi, chứ chẳng nói có pháp có thể truyền để cho ông hướng ra ngoài tìm cầu rồi sau đó mới thành Phật.

May mắn có được thể cách như thế, tại sao không tin? Ví như lập tức tin nổi, chẳng hướng ra ngoài tìm cầu, cũng chẳng chấp có chứng đắc ở trong tâm, thì bất cứ chỗ nào lúc nào cũng được giải thoát. Sao vậy? Vì đã không hướng ra ngoài tìm cầu thì trong tâm lặng lẽ yên tịnh, vì đã chẳng chấp có chứng đắc trong tâm thì ngoại cảnh u nhàn.

(28)

THƯ GỬI LÝ BÁ HÒA.

Sợ hãi sanh tử mà gốc nghi nhỏ chẳng hết thì trăm kiếp ngàn đời trôi theo nghiệp mà thọ báo, trời lên sụp xuống chẳng có lúc dừng. Tốt nhất là mạnh dạn một phen nhỏ sạch gốc nghi, bèn có thể chẳng rời tâm chúng sanh mà thấy tâm Phật. Nếu có nguyện lực từ đời trước, gặp bậc Thiện tri thức chân chánh dùng phương tiện khéo léo dẫn dắt thì có gì mà khó!

Thấy chẳng? Cổ Đức có nói: "Sông hồ chẳng có tâm làm chướng ngại người, Phật Tổ chẳng có ý gạt gẫm người. Chỉ tại đương nhân qua chẳng được, chớ chẳng nên nói sông hồ làm chướng ngại người. Ngôn giáo của Phật Tổ tuy chẳng gạt gẫm, song chỉ vì người học đạo nhận lầm phương tiện, ở trong một ngôn, một cú, câu điệu câu huyền, câu đắc câu thất, do đó mà thấu triệt chẳng được, chớ chẳng nên nói Phật Tổ gạt gẫm người. Như người mù chẳng thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng là lỗi của người mù chớ chẳng phải lỗi của mặt trời mặt trăng".

Đây là học cái đạo lia tướng văn tự, lia tướng phân biệt, lia tướng ngôn ngữ này vậy.

LÝ LỊCH CỦA SƯ

Sư ba mươi bảy tuổi ngộ đạo. Ở chùa mười mấy năm. Khi trụ trì Kính Sơn thiền hội rất hưng thịnh, hạng nhất trong thời ấy. Kế đó, vì nghịch với người cầm quyền đương thời, bị đày đến Hàng Dương mười năm rồi sau bị đày tiếp đến Mây Dương năm năm (chỗ sơn lam chướng khí không thích hợp cho người ở), nhưng tăng tục vẫn tấp nập tìm đến hỏi đạo. Sau này được ân xá, Sư về trụ trì Dục Vương hai năm, trụ trì Kính Sơn thêm bốn năm, rồi từ chức về hưu ở Minh Nguyệt Đường ba năm.

Ngày mười hai tháng bảy năm Quý Mùi, nhằm năm thứ nhất niên hiệu Long Hưng, Sư thị hiện có bệnh. Đến mùng chín tháng tám Sư từ giả tứ chúng rằng: "Ngày mai ta sẽ đi". Đến canh năm, đích thân biên thơ tấu cho vua và cho cư sĩ Tía Nham. Thị giả Liễu Hiền xin ban cho bài kệ. Sư lớn tiếng hét:

Không có kệ thì chết không được sao? Rồi cầm bút viết:

Sanh cũng như thế!

Chết cũng như thế!

Có kệ không kệ,

Có gì quan hệ.

Xong liệng bút tịch ngay. Sư thọ bảy mươi lăm tuổi, tọa năm mươi tám hạ. Toàn thân thờ trong tháp bên cạnh Minh Nguyệt Đường. Ngũ Lục của Sư gồm một trăm tám mươi quyển, theo Đại Tạng Kinh lưu hành khắp nơi.

ĐẠI HUỆ THIÊN SƯ GIẢI ĐÁP VẤN ĐỀ THIÊN MẶC CHIẾU
(Trích Từ Tục truyền Đăng Lục trong Đại Tạng Kinh)
GIẢI ĐÁP VỀ THIÊN MẶC CHIẾU CHO TRỊNH THƯỢNG MINH

Khi **Đại Huệ** thiên sư đang xiển dương Thiên Tông thì cùng thời ấy có một ông tu xưng Tôn Sư, thuyết pháp lấy **Mặc Chiếu** im lặng để dạy người, khiến người như tro lạnh, như cây khô, nói rằng: pháp môn đó làm cho người tu thân tâm được ngưng nghỉ. Sư cho kiến giải như thế là lọt vào "hang quỷ" dưới núi đen, mà chẳng biết nếu con khi (tâm phan duyên) chẳng chết, tức là ý thức phân biệt chưa chết, thì làm sao ngưng nghỉ được. Sư thường bài xích rằng: "Tà sư **Mặc Chiếu Thiên**, đoạn dứt **Huệ Mạng Phật**, dù ngàn Phật ra đời chẳng cho sám hối".

Một hôm, có một vị tên Trịnh Thượng Minh cầm một nén hương, tỏ ý phẫn nộ nói với Sư: "Minh có một nén hương chưa đốt, muốn thương lượng với Hòa Thượng một việc, cũng như mặc nhiên im lặng là chỗ được ngưng nghỉ hạn nhất trong pháp môn, tại sao Hòa Thượng lại hết sức phỉ báng; Minh nghi Hòa Thượng chưa đến được điền địa này, cho nên không thể tin nổi, như Phật Thích Ca nhốt mình trong phòng im lặng ba tuần lễ, há chẳng phải Phật mặc nhiên sao? Ba mươi hai vị Bồ Tát nói về pháp môn bất nhị, sau cùng Duy Ma Cật im lặng, Văn Thù tán thán, há chẳng phải Bồ Tát mặc nhiên sao? Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, há chẳng phải Thanh Văn mặc nhiên sao? Đệ Thích gặp thấy im lặng mà rải hoa cúng dường, há chẳng phải là phạm phu mặc nhiên sao? Đạt Ma im lặng ngồi chín năm trong chùa Thiếu Lâm, há chẳng phải Tổ Sư mặc nhiên sao? Lỗ Tô thấy Tăng liền quay mặt vào tường, há chẳng phải Tôn sư mặc nhiên sao? Nguyên do gì mà Hòa Thượng lại hết sức bài xích, cho **Mặc Chiếu** là tà phi (sai lầm)?"

Sư hỏi: ông có đọc qua Trang Tử không?

Đáp: Có.

Sư nói: Trang Tử nói "ngôn ngữ mà đầy đủ thì suốt ngày nói mà thấu ĐẠO, ngôn ngữ chẳng đủ thì suốt ngày nói mà thấu VẬT, đạo và vật đến chỗ cùng tột thì ngôn-ngữ hay im-lặng đều chẳng thể đạt đến, chẳng phải nghĩa của ngôn ngữ và im lặng có giới hạn. Tôi cũng chưa từng xem chú giải của Quách Tượng và các nhà chú giải khác, chỉ căn cứ theo ý tôi nói trắng ra cho ông biết về cái **mặc nhiên** này. Há chẳng thấy Không Tử một hôm trân trọng nói rằng "Tăng Tử ơi, đạo ta chỉ một mà thấu suốt tất cả". Tăng Tử đáp "dạ". Đồ chúng mới nghe được chữ dạ, bèn chấp chữ dạ này cùng gốc với trời đất, nhất thể với vạn vật, khiến cho đức của vua được vượt trên Đế Nghiêu, Đế Thuấn; khiến tướng quân thừa tướng, xây nước dựng nhà, cho đến đưa tay bước chân đều chẳng ra ngoài một chữ dạ này, nhưng kỳ thật thì không dính dáng gì cả. Ông đâu có biết cái đạo lý này! ấy là ngôn ngữ của Tăng Tử đầy đủ, ngôn ngữ của Không Tử đầy đủ. Đồ chúng chẳng lãnh hội được, lại hỏi tại sao vậy. Tăng Tử thấy họ lãnh hội chẳng được, bèn hướng vào nghĩa thứ nhì mà trả lời rằng "đạo của Không Phu Tử chẳng thể không nói, cho nên nói đạo của Không Phu Tử chỉ là TRUNG và THỨ mà thôi (*TRUNG là trung thành đối với cấp trên, THỨ là khoan hồng đối với cấp dưới, và đối với mọi người đều phải trung thứ như vậy*)".

Nói tóm lại, đạo và vật đến chỗ cùng tột chẳng ở trên ngôn ngữ, cũng chẳng ở chỗ im lặng; ngôn ngữ chẳng thể đạt đến, im lặng cũng chẳng thể đạt đến. Lời của ông còn chưa khế hợp với ý của Trang Tử, huống là muốn khế hợp với ý của Tổ Đạt Ma và Phật Thích Ca ư! Ông muốn lãnh hội cái nghĩa "chẳng phải ngôn ngữ, im lặng có giới hạn" của Trang Tử không? Ấy tức là Tổ Văn Môn cầm cây quạt lên nói "Cây quạt nhảy lên cõi trời, đụng nhằm lỗ mũi Đệ Thích, đánh một gậy cho con Lý Ngự trong

biển, thì mưa xuống tâm tã". Ông nêu lãnh hội được lời nói của Vân Môn, tức là lãnh hội được lời nói của Trang Tử, lời nói của Tăng Tử và lời nói của Không Tử vậy.

Minh ngay đó bít miệng. Sư nói: "ông tuy bít miệng mà tâm còn chưa phục, nhưng do đó được biết người xưa quyết định chằng ngồi chỗ mặc nhiên là đã rõ ràng rồi. Ông vừa nói Phật Thích Ca tự nhốt mình trong phòng và Duy Ma Cát mặc nhiên v.v... Ông hãy xem thuở xưa có một vị tọa chủ (pháp sư) Tăng Triệu, lấy chỗ vô ngôn thuyết ấy nói ra cho người biết. Thích Ca nhốt kín trong phòng, Duy Ma Cát im lặng, Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, Đế Thích tuyệt thính rãi hoa cúng dường, ấy đều là lý với chân tánh dung hợp, nên miệng do đó mà im lặng, đâu phải chằng có biện tài, vì biện tài không thể nói được, đây là lý với chân tánh thành linh đưng nhau, bất giác đạt đến chỗ không thể nói được. Mặc dù im lặng mà tiếng nói như sấm sét! Nên mới nói **đâu phải chằng có biện tài, vì biện tài không thể nói được vậy**. Ở đây thông minh và biện tài của thế gian một chút cũng không dùng được, đến được chỗ này mới là chỗ buông thân xả mạng, cảnh giới này phải tự chứng tự ngộ mới được. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói:

*Cung điện Như Lai chằng phương sở,
Kẻ ngộ tự nhiên ở trong đó.*

Đây là pháp môn đại giải thoát của chư Thánh, vô lượng vô biên, vô đặc vô thất, vô mặc vô ngôn, vô khứ vô lai, trần trần (mọi vật) như vậy, sát sát (mọi nơi) như vậy, niệm niệm như vậy, pháp pháp như vậy, chỉ vì chúng sanh căn tánh ngu độn, chằng đạt đến cảnh giới thánh hiền tam giáo, nên phân biệt cái này cái kia, mà chằng biết cảnh giới này quảng đại mênh mông, lại hướng vào trong **núi đen hang quỷ** mặc nhiên tĩnh tọa, nên bị các bậc Thánh sư mắng rằng **"Mặc Chiếu là hố sâu của giải thoát, đó là nơi đáng sợ hãi! nếu nhìn theo mắt đạo, tức là ngồi trong đao sơn kiếm thụ, chảo dầu sôi, lò lửa than"**. Những pháp sư giáo môn còn không bị mắc kẹt vào chỗ mặc nhiên, huống là hành giả tham Tô Sư Thiên! Mà lại cho rằng **"hễ mở miệng là sai, kỳ thật không dính dáng gì cả"**.

Minh bất giác đánh lễ, Sư nói: Ông tuy đánh lễ, nhưng còn có việc chưa xong.

Đến buổi tối Minh vào phòng, Sư hỏi: Tuổi ông năm nay bao nhiêu?

Đáp: Sáu mươi bốn.

Sư lại hỏi: Sáu mươi bốn năm trước, ông từ đâu đến nhà họ Trịnh đầu thai?

Minh bít miệng. Sư cầm cây gậy đuổi ra. Hôm sau lại đến phòng nói: Sáu mươi bốn năm trước chưa có Minh, tại sao Hòa Thượng hỏi Minh từ đâu đến?

Sư nói: Sáu mươi bốn năm trước chằng lẽ đã ở nhà họ Trịnh? Nay trước mắt cái biết được nghe pháp, thuyết pháp sáng tỏ rõ ràng này lúc chưa sanh là ở chỗ nào?

Minh đáp: Không biết.

Sư nói: Ông đã không biết tức là "sanh đại". Một đời chỉ được trăm năm, trăm năm sau ông muốn bay ra khỏi tam thiên đại thiên thế giới này, là phải đợi ông vào hòm rồi mới được, đến lúc ấy tứ đại ngũ uẩn nhất thời tan rã, có mắt không thấy vật, có tai không nghe tiếng, cái tâm bằng khối thịt này (bộ não) chằng thể phân biệt được, cái thân mà lửa đốt, dao chém cũng chằng biết đau, đến lúc ấy cái sáng tỏ rõ ràng này lại đi về đâu?

Đáp: Minh cũng không biết.

Sư nói: Ông đã không biết tức là "tử đại". Cho nên nói vô thường nhanh chóng, sanh tử sự đại tức là lý này vậy. Ở chỗ này dầu có thông minh cũng chẳng dùng được, có trí nhớ cũng chẳng dùng được. Tôi lại hỏi ông, ông bình thường hay làm đủ thứ văn chương, đến lúc lâm chung lấy câu văn nào để đối phó với sanh tử? Phải biết rõ ràng chỗ sanh từ đâu đến, chết đi về đâu mới được, nếu không tức là kẻ ngu (*ngài Trung Phong nói **dầu cho biết chỗ đến chỗ về, nhưng cần phải tự chứng ngộ mới được***).

Đến lúc ấy Minh mới khâm phục, mới biết chỗ mặc nhiên và vô ngôn thuyết ấy, tất cả đều sai lầm, bèn ra sức tham cứu, chẳng bao lâu được khai ngộ.
